

9/a
CÔNG TY TNHH HINSITSU VINA

-----000-----

KẾ HOẠCH BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

CỦA

DỰ ÁN NÂNG CÔNG SUẤT IN ẤN VÀ CÁC DỊCH VỤ LIÊN QUAN
ĐẾN IN CỦA CÔNG TY TNHH HINSITSU VINA
(TĂNG TỪ 72 TRIỆU SẢN PHẨM NĂM LÊN 300 TRIỆU SẢN PHẨM/NĂM)

Địa chỉ: Nhà xưởng số 4, Lô I-3b-1.4 đường N6, Khu công nghệ cao,
phường Tân Phú, quận 9, Tp. HCM

Tp. Hồ Chí Minh, tháng 2 năm 2019

CÔNG TY TNHH HINSITSU VINA

-----000-----

KẾ HOẠCH BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

CỦA

DỰ ÁN NÂNG CÔNG SUẤT IN ẤN VÀ CÁC DỊCH VỤ LIÊN QUAN
ĐẾN IN CỦA CÔNG TY TNHH HINSITSU VINA
(TĂNG TỪ 72 TRIỆU SẢN PHẨM NĂM LÊN 300 TRIỆU SẢN PHẨM/NĂM)

Địa chỉ: Nhà xưởng số 4, Lô I-3b-1.4 đường N6, Khu công nghệ cao,
phường Tân Phú, quận 9, Tp. HCM



General Manager
Bùi Giang Nam

ĐƠN VỊ TƯ VẤN

CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG
GREEN WORLD



Võ Nguyễn Việt Trí

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

----oO----

Quận 9, ngày 20. tháng 2. năm 2019

Kính gửi: ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 9 - TP. HỒ CHÍ MINH

Gửi đến Ủy ban nhân dân quận 9 kế hoạch bảo vệ môi trường để đăng ký với các nội dung sau đây:

I. Thông tin chung:

1.1. Tên dự án:

**NÂNG CÔNG SUẤT IN ẤN VÀ CÁC DỊCH VỤ LIÊN QUAN ĐẾN IN CỦA
CÔNG TY TNHH HINSITSU VINA
(TĂNG TỪ 72 TRIỆU SẢN PHẨM NĂM LÊN 300 TRIỆU SẢN PHẨM/NĂM)**

1.2. Tên chủ dự án:

CÔNG TY TNHH HINSITSU VINA

- Hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0313918077 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh – Phòng đăng ký kinh doanh cấp chứng nhận lần đầu ngày 18/7/2016, chứng nhận thay đổi lần thứ 1 ngày 31/8/2017. Và Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 1103270356 do Ban Quản lý Khu công nghệ cao Tp.HCM cấp chứng nhận lần đầu ngày 12/7/2016, chứng nhận thay đổi lần thứ 2 ngày 28/11/2018.
- Ngành nghề đăng ký hoạt động:
 - o In ấn. Chi tiết: In ấn tem nhãn năng lượng trên các loại chất liệu; in ấn cầm nang sử dụng các loại mặt hàng trên tivi, tủ lạnh, máy giặt, bếp,...
 - o Dịch vụ liên quan đến in ấn.
- Nhà đầu tư:

CÔNG TY TNHH HINSITSU SCREEN VIỆT NAM

Địa chỉ trụ sở: Lô XN 25-1, Khu công nghiệp Đại An, phường Tứ Minh, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương.

Điện thoại: 0220. 3555.885

Fax: 0220. 3555.886

Website: www.hinsitsuvietnam.com

Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 2158448186 cấp ngày 06/3/2007, thay đổi lần thứ 5 ngày 15/8/2017.

1.3. Địa chỉ liên hệ:

Nhà xưởng số 4, lô I-3b-1.4, đường N6, Khu công nghệ cao, phường Tân Phú, quận 9, Tp. HCM.

1.4. Người đại diện theo pháp luật:

a. Đại diện theo pháp luật

Họ và tên: Ông. KONG VOON WEI

Giới tính: Nam

Chức danh: Tổng Giám đốc

Sinh ngày: 21/12/1969

Quốc tịch: Malaysia

Hộ chiếu số: A37663077

Ngày cấp: 18/03/2016

Nơi cấp: Pel Kelang, Malaysia

Địa chỉ thường trú: No.10, Jalan Kantan 14/KS6, Bandar Botanik, 41200 Klang Selangor Malaysia.

Chỗ ở hiện tại: Căn hộ số 2703 tòa B, chung cư Thăng Long số 1, Trung Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội.

b. Đại diện nhà xưởng

Họ và tên: Ông. BÙI GIANG NAM

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc Nhà xưởng

1.5. Phương tiện liên lạc với chủ dự án:

Điện thoại: 028. 7106 5067

II. Thông tin cơ bản về hoạt động sản xuất kinh doanh:

2.1. Địa điểm thực hiện dự án:

a. Vị trí địa lý

Toàn bộ dự án nằm tại Nhà xưởng số 4, lô I-3b-1.4, đường N6, Khu công nghệ cao, phường Tân Phú, quận 9, Tp. HCM.

Vị trí Dự án tiếp giáp với các phía như sau (Hình 1):

- Phía Tây Bắc : giáp đường nội bộ, tiếp giáp tòa nhà cho thuê của Hi-tech;
- Phía Tây Nam : giáp đường nội bộ, tiếp giáp tòa nhà cho thuê của Hi-tech;
- Phía Đông Bắc : giáp đường nội bộ;
- Phía Đông Nam : giáp đường nội bộ.

Vị trí tọa độ của Dự án:

Bảng 1: Bảng kê tọa độ góc ranh

Số hiệu điểm	Tọa độ (theo tọa độ nhà nước VN-2000)	
	X (m)	Y (m)
1	1200124	615258
2	1200107	615238
3	1200068	615278
4	1200089	615295

b. Các đối tượng điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội có khả năng bị ảnh hưởng bởi cơ sở

Toàn bộ nhà xưởng sản xuất của dự án nằm trong Khu công nghệ cao TP.Hồ Chí Minh, cách xa khu dân cư hiện hữu, xung quanh không có các đối tượng nhạy cảm nào.

c. Nguồn tiếp nhận nước thải, khí thải của toàn bộ nhà xưởng

- Nguồn tiếp nhận nước thải: Nước thải sau khi qua bể tự hoại cải tiến được dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung của Nhà xưởng số 4, công suất 55 m³/ngày, tiếp tục xử lý đạt tiêu chuẩn tiếp nhận nước thải đầu vào của KCN cao Tp.HCM và đầu nối vào Nhà máy XLNT Khu công nghệ cao Tp.HCM tiếp tục xử lý đạt quy chuẩn trước khi xả ra nguồn tiếp nhận.
- Nguồn tiếp nhận khí thải: Khí thải chủ yếu phát sinh từ các phương tiện giao thông vận chuyển ra vào Dự án và hoạt động của máy móc thiết bị sản xuất. Tiêu chuẩn áp dụng: Theo tiêu chuẩn hiện hành QCVN 05:2013/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh, QCVN 26:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng tiếng ồn, QCVN 24:2016/BYT về Tiếng ồn - Mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc.
- Nguồn tiếp nhận chất thải rắn: Hoạt động Dự án sẽ phát sinh rác thải rắn thông thường không nguy hại và chất thải nguy hại.
 - Rác thải rắn thông thường không nguy hại: được thu gom và tập trung vào khu vực để rác trong khuôn viên Công ty. Công ty TNHH Hinsitsu Vina đã hợp đồng với Công ty TNHH MTV Phát triển Khu công nghệ cao TP.HCM đến thu gom rác thải với tần suất 3 lần/tuần.
 - Chất thải rắn nguy hại: Lượng chất thải rắn nguy hại phát sinh chủ yếu là bóng đèn huỳnh quang, chất hấp thụ, vật liệu lọc, giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại ... với khối lượng khoảng dưới 100 kg/năm, được Công ty thu gom và lưu trữ trong khu vực chứa chất thải nguy hại đảm bảo đúng theo quy định tại Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định về Quản lý chất thải nguy hại. Công ty đã hợp đồng với Công ty TNHH MTV Môi trường đô thị TP.HCM (Hợp đồng số 98/HĐ.MTĐT-NH/18.1.VX, ký ngày 26/12/2017) đến thu gom và xử lý định kỳ. Công ty TNHH Hinsitsu Vina đã được Sở Tài nguyên và Môi trường TP.HCM cấp Sổ chủ nguồn thải chất thải nguy hại (Mã số QLCTNH: 79.005770.T) ngày 16/9/2016.

(Các hợp đồng thu gom rác thải được đính kèm trong Phụ lục báo cáo)



Hình 1: Vị trí nhà xưởng của Công ty TNHH Hinsitsu Vina

2.2. *Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, sản phẩm và số lượng:*

a. **Loại hình hoạt động:** in ấn.

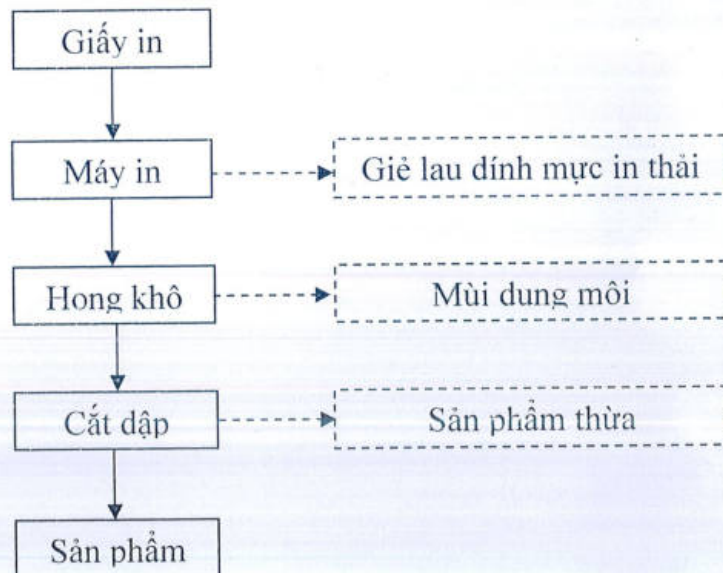
- Thời điểm đưa nhà xưởng vào hoạt động: tháng 10/2016.
- Thời điểm dự kiến nâng công suất sản xuất: từ tháng 03/2019.

b. **Sản phẩm và số lượng**

- Sản phẩm: nhãn dán các loại.
- Số lượng sản phẩm: nâng công suất từ 72.000.000 sản phẩm/năm lên 300.000.000 sản phẩm/năm.
- Thị trường tiêu thụ:
 - o Nội địa: 75% sản phẩm.
 - o Xuất khẩu: 25% sản phẩm.

c. **Quy trình hoạt động:**

1) *Công nghệ in lưới công nghiệp:*



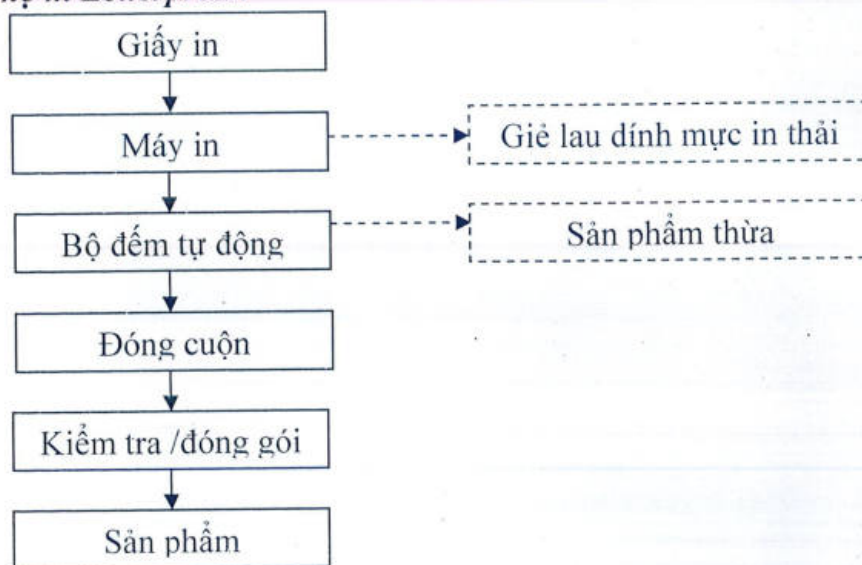
Hình 2: *Quy trình công nghệ in lưới công nghiệp*

Mô tả quy trình:

In lưới công nghiệp là một dạng kỹ thuật in dựa trên nguyên lý mực thấm qua lưới, hình ảnh sẽ được in lên bề mặt vật liệu. Quy trình in được thực hiện hoàn toàn tự động, gồm các bước như sau:

- Giấy in được đặt vào vị trí chuẩn bị in;
- Máy tự động lấy giấy và cho vào vị trí in;
- Cần gạt mực để in lên nguyên liệu;
- Máy chuyển giấy đã in sang vị trí hong khô;
- Sau khi hong khô thì sản phẩm in được chuyển sang công đoạn cắt dập theo đúng kích thước theo thiết kế của sản phẩm cuối cùng.

2) Công nghệ in Letterpress:



Hình 3: Công nghệ in Letterpress

Mô tả quy trình:

Phương pháp in letterpress sử dụng khuôn nổi, các phần tử in (phần tử tạo ra hình ảnh) nằm cao hơn phần tử không in, hoạt động dựa trên nguyên lý in quay bán chu kỳ, chuyên dùng cho in ấn trên các sản phẩm nhẵn có phủ keo dính, rất phù hợp theo yêu cầu về nhẵn cho các ngành sản xuất công nghiệp, điện tử.

Quy trình in letterpress cũng được thực hiện hoàn toàn tự động, gồm các bước như sau

- Nguyên liệu được đưa vào theo dạng cuộn được cho vào cuộn để chuẩn bị in;
- Máy tự động in và điều chỉnh theo cảm ứng trên LCD chủ;
- Máy dựa trên cảm ứng để bẻ sản phẩm thành hình dạng kích cỡ theo đúng thiết kế.
- Bộ đếm tự động đếm số lượng và đóng thành cuộn sản phẩm;
- Sau đó sản phẩm được mang đi kiểm tra qua máy kiểm tra tự động và đóng gói.

d. Danh mục máy móc thiết bị chính:

Bảng 2. Danh mục máy móc thiết bị chính

STT	Máy móc và thiết bị	Đặc tính kỹ thuật	Số lượng		Xuất xứ	Tình trạng đưa vào sử dụng	Tình trạng hiện nay
			Trước khi nâng công suất	Sau khi nâng công suất			
1	Máy in Intermittent letter press	In 5 màu	1	1	Trung Quốc	Mới 100%	95%
2	Máy in Intermittent	In 7 màu	1	1	Trung Quốc	Mới 100%	95%

	letter press						
3	Máy in Intermittent letter press	In 3 màu	1	1	Trung Quốc	Mới 100%	95%
4	Máy in Intermittent letter press	In lưới	-	1	Trung Quốc	Mới 100%	100%
5	Máy dập	Dập khuôn	1	1	Malaysia	Mới 100%	95%
6	Máy cắt và ép dán	Cắt và ép tự động	1	1	Malaysia	Mới 100%	95%
7	Máy đục	Đục lỗ	1	1	Trung Quốc	Mới 100%	95%
8	Máy phủ mực in	Phủ mực in	1	1	Malaysia	Mới 100%	95%
9	Máy chế bản	Chế bản	1	1	Trung Quốc	Mới 100%	95%
10	Máy căng lưới	Làm khuôn in	1	1	Thái Lan	Mới 100%	95%
11	Máy cắt	Cắt sản phẩm	2	2	Trung Quốc	Mới 100%	95%
12	Máy đếm và cuộn	Đếm và cuộn tự động	1	1	Nhật	Mới 100%	95%
13	X-ray	Kiểm tra thành phần độc	1	1	Mỹ	Mới 100%	95%
14	TVOC gas monnitor	Kiểm tra nồng độ các chất bay hơi	1	1	Mỹ	Mới 100%	95%
15	Colour test X-rite	Kiểm tra màu	1	1	Mỹ	Mới 100%	95%
16	Precision measurer scope	Đo kích thước	1	1	Nhật Bản	Mới 100%	95%
17	Máy lọc không khí NIKON GL8182	Xử lý mùi	-	1	Canada	Mới 100%	100%

Nguồn: Công ty TNHH Hinsitsu Vina, năm 2018.

Hiện tại, các máy móc thiết bị của dự án hiện hữu chỉ hoạt động khoảng 30% công suất thiết kế. Để nâng công suất sản xuất Công ty không cần phải đầu tư thêm máy móc thiết bị sản xuất mới, chỉ thực hiện tăng thêm số lượng công nhân và thêm số ca làm việc. Công ty không sử dụng máy phát điện, lò hơi trong quá trình sản xuất.

2.3. Diện tích mặt bằng cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ (m²):

Diện tích sử dụng: 1.224 m². Công ty TNHH HINSITSU VINA thuê lại nhà xưởng sẵn có của Công ty TNHH TLD HI-TECH theo Hợp đồng thuê nhà xưởng số 03/HĐTX ngày 20/9/2016.

Quy mô kiến trúc nhà xưởng xây dựng:

- Nhà xưởng: 709 m².
- Văn phòng: 165 m².
- Kho: 350 m².

2.4. Nhu cầu lao động

Nhu cầu lao động của toàn bộ nhà xưởng là 100 người. Trong đó:

- Lao động gián tiếp (văn phòng): 12 người
- Lao động trực tiếp: 88 người/2ca
- Thời gian làm việc: 8 giờ/ca, 6 ngày/tuần.

Bảng 3. Nhu cầu lao động

Trước khi nâng công suất	Sau khi nâng công suất
(bao gồm lao động trực tiếp và gián tiếp)	
30 người	100 người

2.5. Nhu cầu nguyên liệu, vật liệu sử dụng trong quá trình sản xuất:

Bảng 4. Nguyên vật liệu, nhiên liệu

STT	Tên nguyên vật liệu, nhiên liệu, hóa chất, linh kiện, phụ tùng	Yêu cầu chất lượng	Số lượng/năm		Nguồn cung cấp
			Hiện tại	Sau khi nâng công suất	
1	Nguyên vật liệu				
	Paper, PET, PC, PP, PE	Nguyên liệu được nhập khẩu từ Mỹ đáp ứng các tiêu chuẩn của Samsung và các công ty có hàm lượng công nghệ cao	120.000 m ²	500.000 m ²	Avery HCM, Korea, Japan
	Mực in	Nguyên liệu được	150 kg	600 kg	Japan, Thái

		nhập khẩu từ Nhật đáp ứng các tiêu chuẩn của Samsung và các công ty có hàm lượng công nghệ cao			Lan
2	Hóa chất				
	Phụ gia làm sạch là Toluene cam kết không rơi vào 06 chất độc hại Ca, Pb...	Hóa chất được nhập từ Nhật đáp ứng các tiêu chuẩn của Samsung và các công ty có hàm lượng công nghệ cao	150 lít	600 lít	Việt Nam
3	Linh kiện, phụ tùng				
	Gao gạt mực	Gao gạt mực được nhập từ Nhật đáp ứng các tiêu chuẩn của Samsung và các công ty có hàm lượng công nghệ cao	20 m	20 m	Việt Nam
	Khuôn bế	Khuôn bế được nhập từ Nhật đáp ứng các tiêu chuẩn của Samsung và các công ty có hàm lượng công nghệ cao	300 m ²	300 m ²	Việt Nam
	Dao cắt	Dao cắt được nhập từ công ty của Nhật Bản sản xuất tại Việt Nam đáp ứng các tiêu chuẩn của Samsung và các công ty có hàm lượng công nghệ cao	300 m ²	300 m ²	Việt Nam

Nguồn: Công ty TNHH Hinsitsu Vina, năm 2018.



2.6. Nhu cầu sử dụng điện, nước:

a. Nhu cầu sử dụng điện

Công ty sử dụng điện năng hoàn toàn cho quá trình hoạt động máy móc thiết bị sản xuất, chiếu sáng và sinh hoạt... nguồn điện được cung cấp từ nguồn điện của Khu công nghệ cao Tp.HCM. Nhu cầu sử dụng điện hiện nay khoảng 17.000 kwh/tháng. Dự kiến sau khi tăng công suất nhu cầu điện năng sử dụng khoảng 30.000 KWh/tháng.

Công ty không sử dụng máy phát điện dự phòng, lò hơi cho quá trình hoạt động sản xuất.

b. Nhu cầu sử dụng nước

Nguồn nước cấp từ Công ty TNHH TLD Hi-tech – Ban quản lý tòa nhà.

Nhu cầu sử dụng nước hiện nay khoảng 75 m³/tháng. Dự kiến sau khi tăng công suất lượng nước cấp sử dụng khoảng 150 m³/tháng.

Lượng nước thải được tính bằng 100% lượng nước cấp sử dụng. Như vậy lượng nước thải hiện nay khoảng 75 m³/tháng, sau khi tăng công suất lượng nước thải phát sinh khoảng 150 m³/tháng.

2.7. Tình hình thực hiện công tác bảo vệ môi trường tại cơ sở trong thời gian qua

Các vấn đề môi trường đã được cơ sở thực hiện nghiêm túc như:

– Công ty TNHH Hinsitsu Vina đã được Ủy ban nhân dân quận 9 cấp Giấy xác nhận Kế hoạch bảo vệ môi trường 3097/UBND ngày 04/11/2016.

– Thực hiện biện pháp thu gom và xử lý chất thải rắn theo đúng quy định của Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/4/2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu và Thông tư 36/2015/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2015 về quản lý chất thải nguy hại.

○ Rác thải rắn thông thường không nguy hại: được thu gom và tập trung vào khu vực để rác trong khuôn viên Công ty. Công ty TNHH Hinsitsu Vina đã hợp đồng với Công ty TNHH MTV Phát triển Khu công nghệ cao TP.HCM đến thu gom rác thải với tần suất 3 lần/tuần.

○ Chất thải rắn nguy hại: Lượng chất thải rắn nguy hại phát sinh chủ yếu là bóng đèn huỳnh quang, chất hấp thụ, vật liệu lọc, giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại ... với khối lượng khoảng dưới 100 kg/năm, được Công ty thu gom và lưu trữ trong khu vực chứa chất thải nguy hại đảm bảo đúng theo quy định tại Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định về Quản lý chất thải nguy hại. Công ty đã hợp đồng với Công ty TNHH MTV Môi trường đô thị TP.HCM (Hợp đồng số 98/HĐ.MTĐT-NH/18.1.VX, ký ngày 26/12/2017) đến thu gom và xử lý định kỳ. Công ty TNHH Hinsitsu Vina đã được Sở Tài nguyên và Môi trường TP.HCM cấp Sổ chủ nguồn thải chất thải nguy hại (Mã số QLCTNH: 79.005770.T) ngày 16/9/2016. Khối lượng chất thải nguy hại phát sinh trong năm 2017, 2018 theo chứng từ thu gom chất thải nguy hại (đính kèm phụ lục) như sau:

Bảng 5: Khối lượng chất thải nguy hại phát sinh

TT	Mã CTNH	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Khối lượng (kg)	
				Năm 2017	Năm 2018
1	16 01 06	Bóng đèn huỳnh quang thải	Rắn	-	5
2	18 02 01	Chất hấp thụ, vật liệu lọc, giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại (*)	Rắn	80	189
3	18 01 02	Bao bì cứng thải bằng kim loại	Rắn	-	2
Tổng				80	192

(*): Trong quá trình sản xuất công nhân vận hành máy in sẽ dùng giẻ lau để lau máy in, thành phần mực in thải sẽ dính vào giẻ lau, giẻ lau sẽ được thu gom theo thành phần chất thải nguy hại.

- Môi trường không khí trong các xưởng sản xuất đảm bảo thông thoáng cho công nhân làm việc. Để đánh giá mức độ ô nhiễm của môi trường không khí trong khu vực nhà xưởng dựa vào báo cáo kết quả quan trắc môi trường năm 2016-2018 của Công ty như sau:

Bảng 6: Kết quả quan trắc môi trường không khí

Vị trí	Thời điểm	Nhiệt độ	Độ ẩm	Tốc độ gió	Tiếng ồn	Bụi	SO ₂	NO _x	CO	Toluen	Xylen
		⁰ C									
Khu vực xưởng sản xuất	30/11/2016	29,8	69	0,6	65,7	0,18	0,12	0,10	9,82	--	--
	08/6/2017	30,5	70,2	0,5	68,2	0,21	0,14	0,11	8,31	--	--
	22/12/2017	29,7	69,5	0,5	64,2	0,18	0,17	0,12	8,26	--	--
	02/7/2018	30,3	62,1	0,2	65,3	0,241	0,163	0,128	5,3	--	--
	28/11/2018	30,1	64,2	0,3	66,9	0,238	0,179	0,134	<5	--	--
	15/01/2019	--	--	--	--	--	--	--	--	1,02	0,641
	QCVN 24:2016/BYT	-	-		≤85	-	-	-	-	-	-
	QCVN 26:2016/BYT	20 – 34	40-80	0,1-1,5	-	-	-	-	-	-	-
	Tiêu chuẩn vệ sinh lao động (Theo QĐ 3733/2002/QĐ-BYT ngày 10/10/2002)	-	-		-	8	10	10	40	300	300

Nhân xét: Dựa theo kết quả quan trắc môi trường trong bảng 5 thì thấy tại vị trí đo đạc các chỉ tiêu Bụi, SO₂, NO₂, CO, Toluen, Xylen đều đạt Quyết định 3733/2002/QĐ-BYT. Tiếng ồn đạt QCVN 24:2016/BYT.

Kết quả quan trắc nước thải tại hồ ga trước khi đầu nối với công thu gom nước thải của Khu Công nghệ cao theo báo cáo kết quả quan trắc môi trường như sau:

Bảng 7: Kết quả quan trắc nước thải

STT	Ký hiệu mẫu	Quan trắc hiện trường		Hóa lý				Vi sinh	
		pH	TSS mg/l	COD mg/l	BOD mg/l	Tổng N mg/l	Tổng P mg/l	Coliform MNP/100ml	
1	30/11/2016	6,11	118	-	76	30,4	6,7	9.300	
2	08/6/2017	6,72	96	137	81	32,78	5,81	7.500	
3	22/12/2017	6,81	93	145	81	36,22	6,23	9.300	
4	02/7/2018	6,63	56	148	70	25,73	1,90	2.400	
5	28/11/2018	7,21	47	196	112	22,34	2,52	2.100	
Tiêu chuẩn đầu nối KCNC TP.HCM		5 – 9	300	600	250	60	14	37x10⁷	

Nhận xét:

- Qua kết quả phân tích mẫu nước thải sinh hoạt tại hồ ga của tòa nhà trước khi đầu nối vào cống thu gom nước thải chung của KCNC từ khi dự án đi vào hoạt động đến nay cho thấy các chỉ tiêu đạt **Tiêu chuẩn đầu nối KCNC TP.HCM**.

III. Kế hoạch bảo vệ môi trường trong giai đoạn thi công xây dựng:

Công ty thuê nhà xưởng đã được xây dựng sẵn và đi vào hoạt động từ năm 2016. Hiện tại, các máy móc thiết bị của dự án hiện hữu chỉ hoạt động khoảng 30% công suất thiết kế. Để nâng công suất sản xuất Công ty không cần phải đầu tư thêm máy móc thiết bị sản xuất mới, chỉ thực hiện tăng thêm số lượng công nhân và thêm số ca làm việc. Do đó không thực hiện kế hoạch bảo vệ môi trường trong giai đoạn thi công xây dựng.

IV. Kế hoạch bảo vệ môi trường trong giai đoạn hoạt động:

Bảng 8: Kế hoạch bảo vệ môi trường trong giai đoạn hoạt động

Yếu tố gây tác động	Tình trạng		Biện pháp giảm thiểu	Tình trạng	
	Có	Không		Có	Không
Bụi và khí thải phát sinh: - Bụi và khí thải phát sinh trong quá trình vận chuyển nguyên liệu và sản phẩm. - Bụi phát sinh từ quá trình hoạt động của hoạt động của máy móc thiết bị			Lắp đặt màng lọc gồm 2 lớp: bông lọc bụi và than hoạt tính vào cuối đường ống thoát khí trong nhà xưởng trước khi thoát khí ra ngoài môi trường.	x	
	x		Biện pháp khác: - Vệ sinh, quét dọn sau mỗi ca làm việc - Xe vận chuyển nguyên vật liệu và sản phẩm của Công ty yêu cầu phải tắt máy và đỗ tại sân bãi bên ngoài nhà xưởng để giảm thiểu ô nhiễm, - Phun nước giảm bụi khi trời nắng.	x	
Nước thải sinh hoạt (ước tính khoảng 150 m ³ /tháng tương đương 5,7 m ³ /ngày)			Thu gom và tái sử dụng		x
			Xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại cải tiến tập trung 30m ³ của tòa nhà (nhà xưởng số 4) do Công ty TNHH TLD Hi-Tech xây dựng.	x	
	x		Biện pháp khác: - Toàn bộ nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của cán bộ công nhân viên công ty được thu gom và xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại cải tiến sau đó đầu nối vào Hệ thống xử lý nước thải tập trung của tòa nhà (nhà xưởng số 4), công	x	

			<p>suất 55 m³/ngày.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nước thải sau xử lý tại Hệ thống xử lý nước thải tập trung của tòa nhà đạt tiêu chuẩn tiếp nhận nước thải của KCN cao Tp.HCM (theo Quyết định số 214/QĐ-KCNC ngày 30/12/2009 của BQL Khu công nghệ cao) được đấu nối vào hệ thống cống thu gom nước thải dẫn về Nhà máy XLNT tập trung của Khu công nghệ cao. Vị trí đấu nối tại hố ga B12 đường số 6 Lô I-3b. - Hệ thống xử lý nước thải tập trung của tòa nhà (nhà xưởng số 4) công suất 55 m³/ngày do Công ty TNHH TLD Hi-Tech đầu tư xây dựng và đã được Sở Tài nguyên và Môi trường Tp.HCM phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường tại Quyết định số 3041/QĐ-STNMT-CCBVMT ngày 11/12/2017. 		
<p>Nước thải sản xuất: nước rửa từ máy chế bản in không chứa các thành phần nguy hại với lưu lượng khoảng 20 lít/ngày (Kết quả phân tích nước thải được đính kèm phụ lục báo cáo)</p>	<p>x</p>		Thu gom và tái sử dụng		x
			Nước thải sản xuất được thu gom và đưa về xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại cùng với nước thải sinh hoạt của công ty.	x	
			Nước thải sau bể tự hoại đấu nối vào Hệ thống xử lý nước thải tập trung của tòa nhà (nhà xưởng số 4), công suất 55 m ³ /ngày xử lý đạt tiêu chuẩn tiếp nhận nước thải của KCN cao Tp.HCM. Nước thải sau đó được đấu nối vào hệ thống cống thu gom nước thải dẫn về Nhà máy XLNT tập trung của Khu công nghệ cao. Vị trí đấu nối tại hố ga B12 đường số 6 Lô I-3b. Công ty TNHH TLD Hi-Tech chủ	x	

			đầu tư và quản lý nhà xưởng đã ký hợp đồng xử lý nước thải phát sinh từ các nhà xưởng cho thuê với BQL các dự án đầu tư xây dựng KCN Cao TP.HCM số 24/HĐ-BQLCDA-XLT ngày 01/7/2017. (Hợp đồng được đính kèm phụ lục)		
Nước thải từ hệ thống làm mát		x	Giải nhiệt và thải ra môi trường	x	
			Biện pháp khác: không có		x
Chất thải rắn: - Chất thải sinh hoạt ước tính khoảng 15 kg/ngày. - Chất thải công nghiệp không nguy hại ước tính khoảng 50 kg/ngày.		x	Thu gom để tái chế hoặc tái sử dụng		x
			Tự xử lý		x
			Thuê đơn vị có chức năng để xử lý	x	
			Biện pháp khác: được thu gom và tập trung vào khu vực để rác trong khuôn viên Công ty. Công ty đã hợp đồng với Công ty TNHH MTV Phát triển Khu công nghệ cao TP.HCM đến thu gom rác thải với tần suất 3 lần/tuần		x
Chất thải nguy hại (Lượng chất thải nguy hại phát sinh theo Sổ đăng ký CNT CTNH là 1.531 kg/năm)		x	Thuê đơn vị có chức năng để xử lý	x	
			Biện pháp khác: Lượng chất thải rắn nguy hại phát sinh chủ yếu là bóng đèn huỳnh quang, chất hấp thụ, vật liệu lọc, giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại ... được Công ty thu gom và lưu trữ trong khu vực chứa chất thải nguy hại đảm bảo đúng theo quy định tại Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định về Quản lý chất thải nguy hại. Công ty đã hợp đồng với Công ty TNHH MTV Môi trường đô thị TP.HCM (Hợp đồng số 98/HĐ.MTĐT-NH/18.1.VX, ký ngày 26/12/2017) đến thu gom và xử lý định kỳ. Công ty TNHH Hinsitsu Vina đã		x

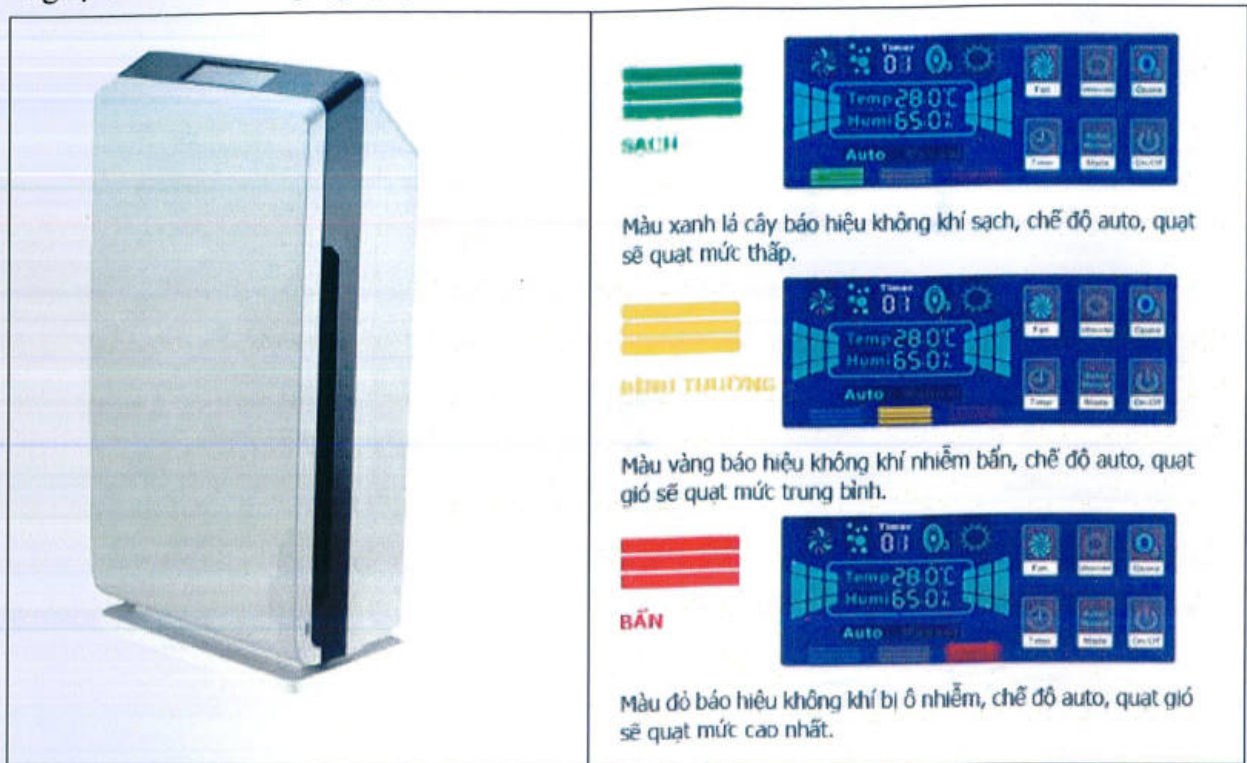
			được Sở Tài nguyên và Môi trường TP.HCM cấp Sổ chủ nguồn thải chất thải nguy hại (Mã số QLCTNH: 79.005770.T) ngày 16/9/2016		
Mùi (hơi dung môi toluene)	x		Lắp đặt quạt thông gió với bộ lọc không khí ở cuối đường ống	x	
			Biện pháp khác: <ul style="list-style-type: none"> - Trang bị khẩu trang y tế cho công nhân làm việc trực tiếp ở các máy in. - Công ty trang bị thêm máy lọc không khí bằng công nghệ lọc 6 lớp bao gồm màng lọc HEPA, màng lọc than hoạt tính, Màng lọc Pre-Filter, 2 lớp chất xúc tác lạnh & TiO₂, màng lưới than hoạt tính; mà GL8182 còn sử dụng công nghệ khử UV, công nghệ Ozone và công nghệ tạo Ion âm bố trí trong nhà xưởng sản xuất nhằm khử mùi mực in, hơi dung môi và lọc không khí khử nấm mốc và vi khuẩn. 	x	
Tiếng ồn	x		Định kỳ bảo dưỡng thiết bị	x	
			Cách âm để giảm tiếng ồn	x	
			Biện pháp khác: không có		x
Nhiệt dư		x	Lắp đặt quạt thông gió	x	
			Biện pháp khác: lắp đặt máy điều hòa	x	
Nước mưa chảy tràn	x		Có hệ thống rãnh thu nước, hố ga thu gom, lắng lọc nước mưa chảy tràn trước khi thoát ra môi trường	x	
			Biện pháp khác: không có		x

a. Biện pháp xử lý bụi, mùi trong nhà xưởng

Để giảm thiểu bụi và hơi mùi mực in, hơi dung môi trong nhà xưởng, Công ty thực hiện trang bị thêm máy lọc không khí bằng công nghệ lọc 6 lớp bao gồm màng lọc HEPA, màng lọc than hoạt tính, Màng lọc Pre-Filter, 2 lớp chất xúc tác lạnh &



TiO₂, màng lưới than hoạt tính; mà GL8182 còn sử dụng công nghệ khử UV, công nghệ Ozone và công nghệ tạo Ion âm bố trí trong nhà xưởng sản xuất.



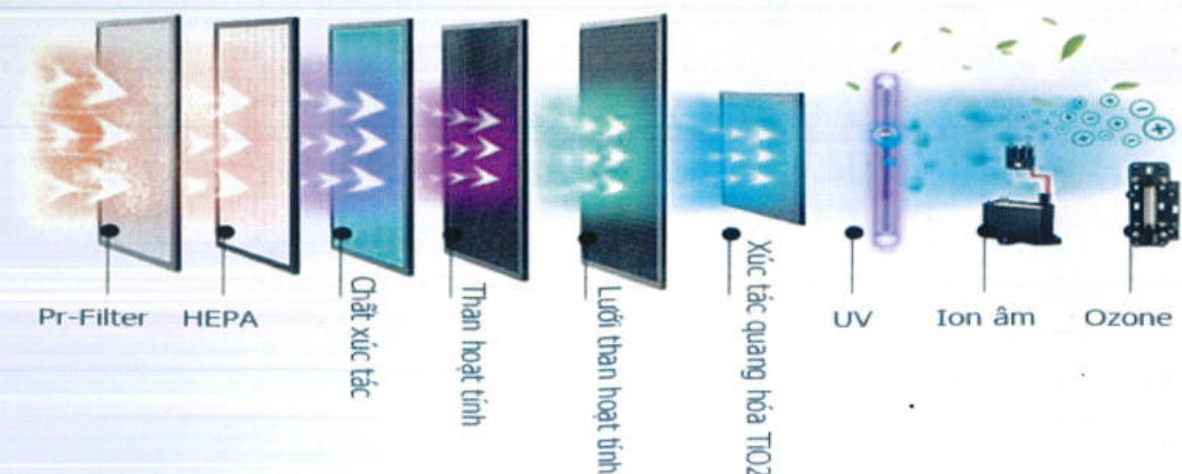
Hình 4: Hình ảnh máy lọc không khí và dấu hiệu cảnh báo ô nhiễm

Thông số kỹ thuật của máy lọc không khí như sau:

Bảng 9. Thông số kỹ thuật của máy lọc không khí GL8182

Điện áp: AC 220V/50Hz/78W	Công suất lọc : 300m ³ /h
Tiếng ồn : 35-49-54dB	Sản lượng ion âm : 5 triệu/cm ³
Kích thước màng HEPA : 380 * 240 * 48mm	Sản lượng ozone : 500mg/h
Màng lọc than hoạt tính : 380 * 240 * 10mm	Kích thước : 320 * 192 * 645mm
Chất xúc tác : 198 * 240 * 5mm	Trọng lượng : 8,0kg

Nguyên lý hoạt động của máy lọc không khí GL8182

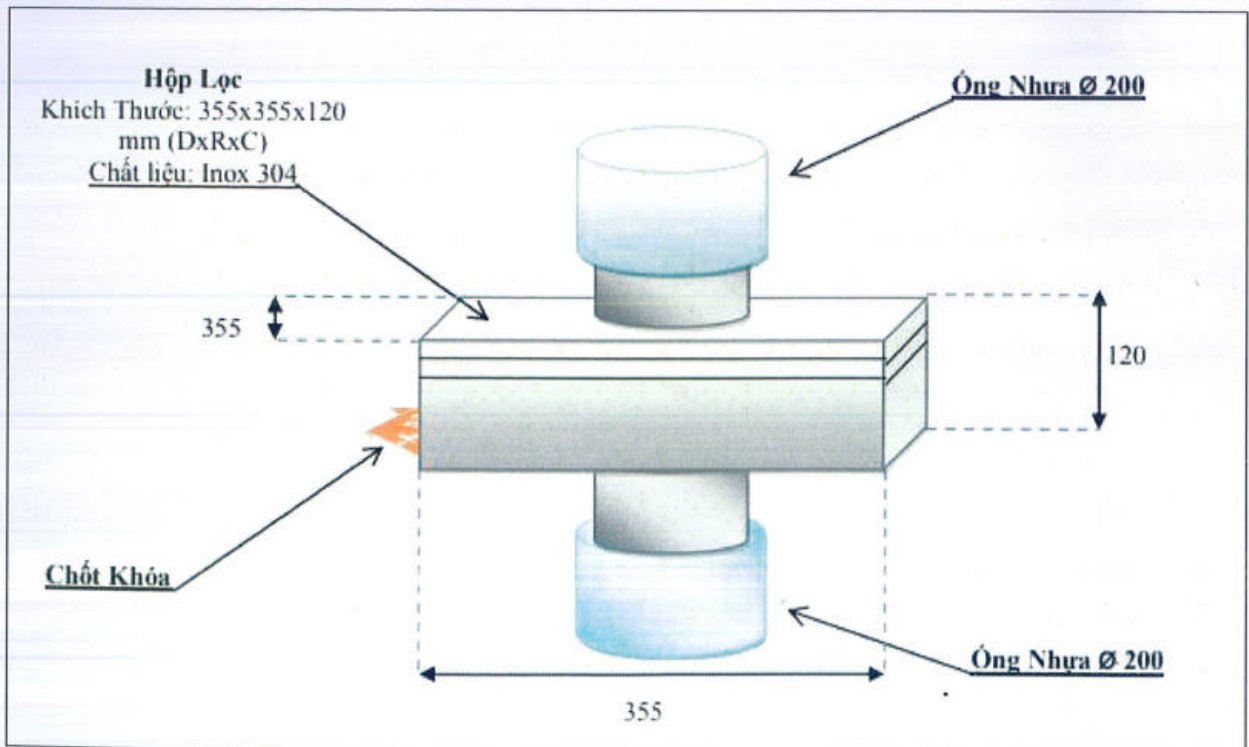


Hình 5: Hình ảnh nguyên lý hoạt động

Máy có 2 chế độ hoạt động: chế độ Auto – tự động lọc và chế độ bằng tay. Ở chế độ tự động (Auto): Máy tự động bật các chức năng lọc không khí theo các cường độ lọc khác nhau (Thời gian tắt & nghỉ tùy thuộc vào chất lượng mùi đo đạc được theo cảm biến không khí). Thứ tự các lớp màng lọc không khí tích hợp trong máy như sau:

- Màng Pr-Filter: Pr-Filter là một màng lọc cần thiết trong máy lọc không khí vì có tác dụng kéo dài tuổi thọ của hệ thống lọc như HEPA. Pr-Filter giữ lại không có các loại bụi lớn, tóc, mảnh vỡ, bụi & phấn hoa ngay trên bề mặt màng lọc.
- Màng lọc HEPA: Cấu tạo bao gồm sợi thủy tinh siêu nhỏ 0,5 đến 2,0 micromet, có tác dụng bẫy các hạt siêu nhỏ 0,3 mm như phấn hoa, bào tử nấm, khói,... thậm chí vi khuẩn trong không khí có khả năng gây bệnh hô hấp.
- Chất xúc tác: Phân hủy mùi khó chịu, đặc biệt là để phân hủy formaldehyde, ethanethiol,... hiệu quả lên đến 99%, nó cũng có tác dụng chống vi khuẩn và chống nấm mốc nhất định.
- Than hoạt tính : Loại bỏ chất gây ô nhiễm từ không khí, làm sạch không khí & khử mùi.
- Công nghệ UV: Tiêu diệt vi sinh vật trong không khí. Công nghệ Ion âm : Loại bỏ các hạt từ không khí như bụi, phấn hoa, khói thuốc lá.
- Công nghệ Ozone: Khí Ozone nhạy cảm với chất hữu cơ dễ bay hơi VOC, mùi hôi, mùi thuốc lá, chất độc hại có trong không khí, phá vỡ cấu trúc mùi chỉ trong 10 đến 15 phút. Ngoài ra, Ozone khả năng khử trùng không khí, tiêu diệt vi khuẩn, nấm mốc hiệu quả. Cơ chế hoạt động tuần hoàn, chạy 5 phút và nghỉ 15 phút.

Ngoài ra, ngăn ngừa bụi và hơi mùi mực in, hơi dung môi trong nhà xưởng phát tán ra ngoài môi trường xung quanh, Công ty thực hiện lắp đặt bộ lọc khí cuối đường ống thoát khí. Bộ lọc khí thải gồm: vỏ hộp bằng inox304SS và 2 màng lọc: Bông lọc bụi và than hoạt tính khử mùi.



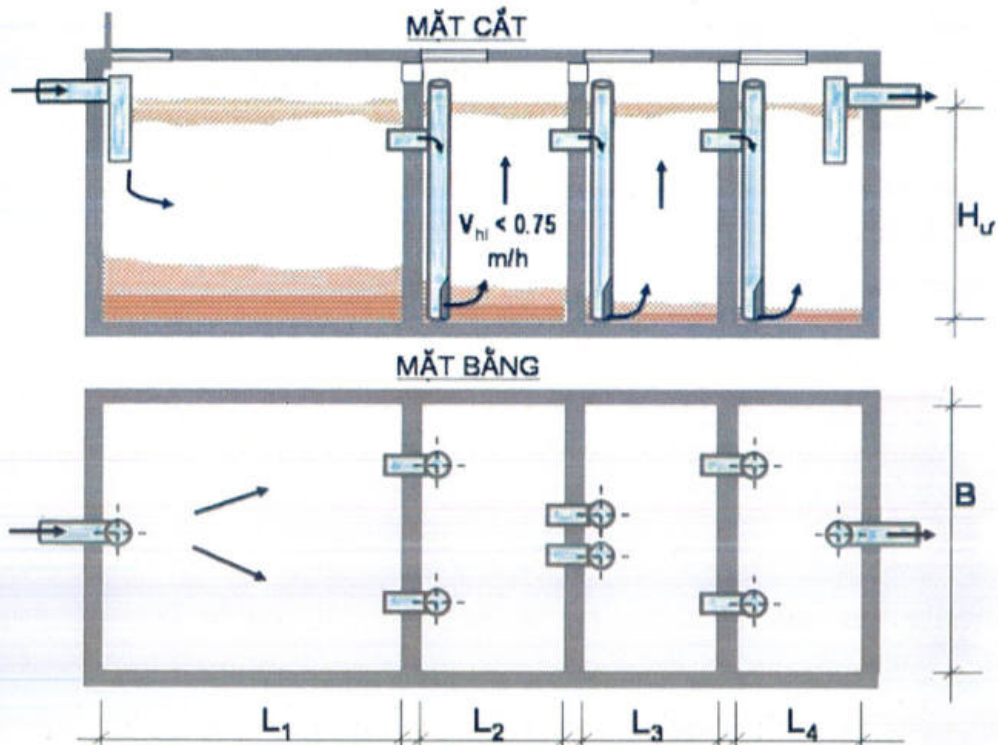
Hình 6: Hình ảnh bộ lọc bụi lắp cuối đường ống thoát khí

b. Biện pháp xử lý nước thải:

Nước thải sau khi qua bể tự hoại cải tiến được dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung tòa Nhà xưởng số 4, công suất 55 m³/ngày, tiếp tục xử lý đạt tiêu chuẩn tiếp nhận nước thải và dẫn về Nhà máy xử lý nước thải của Khu công nghệ cao Tp.HCM tiếp tục xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT trước khi thải ra nguồn tiếp nhận.

Nguyên lý hoạt động bể tự hoại cải tiến BAST

Bể phốt tự hoại cải tiến BAST được điều chỉnh tính toán dung lượng và nồng độ dòng chảy chính xác qua các vách ngăn mỏng dòng hướng lên được hoạt động như sau:



Hình 7: Nguyên lý hoạt động của bể tự hoại cải tiến Bast.

Thuyết minh nguyên lý hoạt động:

Bước 1: Chất thải từ bồn cầu được đưa tới bể chứa lớn nhất.

Bước 2: Nước thải chưa được lắng hoàn toàn sẽ được đưa vào ngăn thứ hai qua 2 đường ống hay các vách ngăn hướng dòng giúp cho việc tạo dòng chảy, điều hòa dung lượng và nồng độ chất thải, ngăn làm lắng đọng chất thải, lên men kỵ khí.

Bước 3: Ở các ngăn tiếp theo nước thải được chuyển động theo chiều từ dưới lên trên sẽ tiếp xúc với các sinh vật kỵ khí ở lớp bùn dưới đáy bể ở điều kiện động. Các chất hữu cơ được các sinh vật kỵ khí hấp thụ và chuyển hóa giúp chúng phát triển bên trong của từng khoang bể chứa. Điều này sẽ giúp ta bóc tách riêng 2 pha là lên men axit và lên men kiềm nhờ phản ứng kỵ khí này.

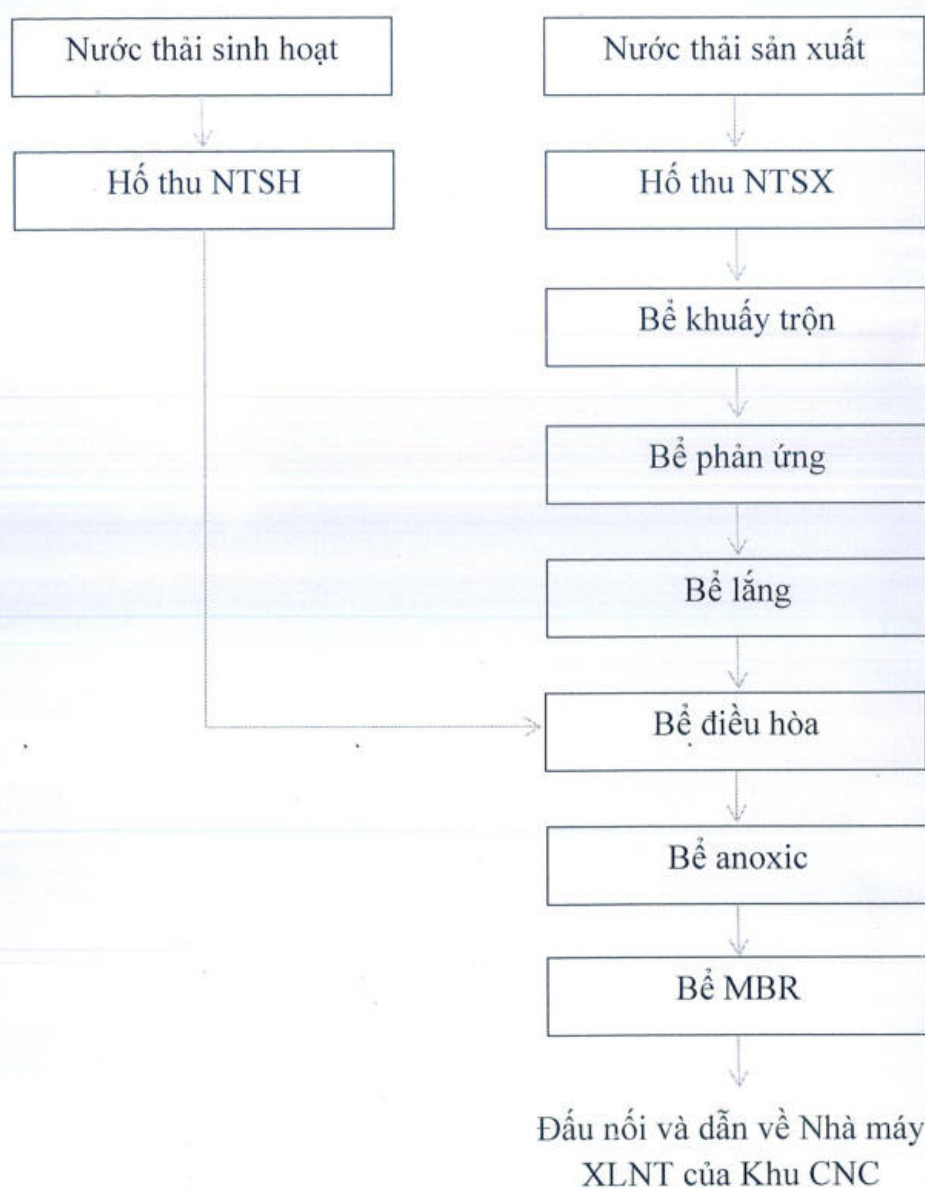
Chuỗi phản ứng này mà bể của chúng ta được xử lý triệt để lượng bùn và các chất cặn bã hữu cơ sẽ tăng thời gian lưu bùn.



Bước 4: Tại các ngăn lọc cuối cùng của bể thì các vi sinh vật kỵ khí sống nhờ dính bám vào bề mặt các hạt vật liệu học sẽ ngăn chặn lơ lửng trôi ra theo với nước làm sạch nước thải.

Nước thải sau khi qua bể tự hoại cải tiến được dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung tòa Nhà xưởng số 4, công suất 55 m³/ngày, tiếp tục xử lý đạt tiêu chuẩn tiếp nhận nước thải đầu vào của KCN cao Tp.HCM và đầu nối vào Nhà máy XLNT Khu công nghệ cao Tp.HCM tiếp tục xử lý đạt quy chuẩn trước khi xả ra nguồn tiếp nhận.

Hệ thống xử lý nước thải tập trung của tòa nhà (nhà xưởng số 4) công suất 55 m³/ngày do Công ty TNHH TLD Hi-Tech đầu tư xây dựng và đã được Sở Tài nguyên và Môi trường Tp.HCM phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường tại Quyết định số 3041/QĐ-STNMT-CCBVMT ngày 11/12/2017. Sơ đồ công nghệ hệ thống xử lý nước thải tập trung, công suất 55 m³/ngày của tòa nhà như sau:



Hình 8: Sơ đồ công nghệ Hệ thống xử lý nước thải tập trung của tòa nhà (nhà xưởng số 4) công suất 55 m³/ngày.



Diện tích xây dựng HTXLNT tập trung, công suất 55 m³/ngày của tòa nhà là 40 m². Vị trí Hệ thống xử lý nước thải như sau:

- Về Phía Đông Nam khoảng 100m là Phân viện vật liệu xây dựng Miền Nam;
- Về Phía Nam 50m có rạch suối Cái;
- Về Phía Tây Nam khoảng 40m có Công ty TNHH Kỹ thuật Daikou Việt Nam;
- Về phía Nam 110m có Công ty Cổ phần Công Nghệ Fawookidi Việt Nam;
- Về phía Nam 180m là đường Lê Văn Việt.

Các hạng mục công trình của HTXLNT tập trung, công suất 55 m³/ngày của tòa nhà như bảng sau:

Bảng 10. Các hạng mục công trình HTXLNT tập trung của Nhà xưởng số 4

HẠNG MỤC		KÍCH THƯỚC
Bể khuấy trộn	L x B x H	0,6m x 0,6m x 1,2m
Bể phản ứng	L x B x H	0,6m x 0,6m x 1,2m
Bể lắng	L x B x H	3,0m x 1,2m x 2,3m
Bể điều hòa	Thời gian lưu nước	7 h
	L x B x H	5,0m x 5,0m x 2,0m
	Vật liệu xây dựng	BTCT
Bể Anoxic	Thời gian lưu nước	5 h
	L x B x H	4,0m x 4,0m x 2,15m
	Vật liệu xây dựng	BTCT
Bể MBR	Thời gian lưu nước	10 h
	L x B x H	7,0m x 4,0m x 2,5m
	Vật liệu xây dựng	BTCT
Bể chứa nước rửa màng (nước sau hệ thống xử lý)	L x B x H	1,5m x 1,5m x 1,5m

Nguồn: Báo cáo ĐTM HTXLNT tập trung của Công ty TNHH TLD Hi-Tech, 2017

Công ty TNHH TLD Hi-Tech chủ đầu tư và quản lý nhà xưởng đã ký hợp đồng xử lý nước thải phát sinh từ các nhà xưởng cho thuê với BQL các dự án đầu tư xây dựng KCN Cao TP.HCM số 24/HĐ-BQLCDA-XLT ngày 01/7/2017. Vị trí đầu nối tại hồ ga B12 đường số 6 Lô I-3b. (Hợp đồng được đính kèm phụ lục).

c. Nước mưa:

Công ty thuê nhà xưởng xây sẵn của Khu công nghệ cao TP.HCM do Công ty TNHH TLD Hi-tech thiết kế, xây dựng. Hệ thống thoát nước mưa của nhà xưởng đã được thi công hoàn thiện, nước mưa từ mái nhà được thu gom bằng ống PVC, thoát xuống mương thoát nước dưới đất, sau đó được nhập chung với mương thoát nước mưa chung hiện hữu và dẫn ra công thoát nước mưa của Khu công nghệ cao Tp.HCM.

d. Chất thải rắn nguy hại:

Danh mục chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình hoạt động của Công ty dự kiến như sau:

Bảng 11. Danh sách chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên

TT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại (rắn/lỏng/bùn)	Số lượng trung bình (kg/năm)	Mã CTNH
1	Dung môi tẩy mực in thải	Lỏng	05	08 01 05
2	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	Lỏng	05	17 02 03
3	Hộp mực in thải có các thành phần nguy hại	Rắn	120	08 02 04
4	Bóng đèn huỳnh quang thải	Rắn	36	16 01 06
5	Giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	Rắn	1.200	18 02 01
6	Bao bì mềm thải	Rắn	40	18 01 01
7	Bao bì cứng thải bằng kim loại	Rắn	40	18 01 02
8	Bao bì cứng thải bằng nhựa	Rắn	40	18 01 03
9	Bông lọc bụi thải	Rắn	15	12 01 03
10	Than hoạt tính thải	Rắn	30	12 01 04
Tổng số lượng (kg)			1.531	

V. Cam kết

Chủ đầu tư dự án cam kết:

- Thực hiện nghiêm chỉnh các quy định về bảo vệ môi trường, tuân thủ các quy định, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về môi trường:
 - o Luật Bảo vệ môi trường số 55/2014/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII thông qua ngày 23/6/2014;
 - o Nghị định số 155/2016/NĐ-CP ngày 18/11/2016 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường;
 - o Nghị định số 80/2014/NĐ-CP ngày 6/8/2014 của Chính phủ về thoát nước và xử lý nước thải;
 - o Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

- Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/4/2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu, có hiệu lực thi hành từ ngày 15/6/2015;
 - Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định về Quản lý chất thải nguy hại;
 - Tiêu chuẩn tiếp nhận nước thải của Khu công nghệ cao Tp.Hồ Chí Minh;
 - QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn;
 - Các tiêu chuẩn về vệ sinh môi trường lao động ban hành theo Quyết định số 3733/2002/QĐ - BYT ngày 10/10/2002 của Bộ trưởng bộ Y tế;
 - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 24:2016/BYT về Tiếng ồn - Mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc;
 - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 26:2016/BYT về Vi khí hậu - Giá trị cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc
- Chịu hoàn toàn trách nhiệm nếu vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường. Khi có khiếu nại về ô nhiễm môi trường, chủ động khắc phục, hòa giải.
 - Thực hiện đầy đủ các kế hoạch bảo vệ môi trường được nêu trên đây.
 - Thực hiện đúng, đủ các yêu cầu của cơ quan Nhà nước nhằm đảm bảo môi trường, đáp ứng nhiệm vụ quản lý của cơ quan Nhà nước theo luật định.
 - Cam kết thông báo thời điểm triển khai nâng công suất dự án lên Phòng Tài nguyên và Môi trường quận 9 trước khi thực hiện dự án.
 - Thường xuyên thống kê, lưu trữ số liệu, chứng từ về các loại chất thải và tác động môi trường từ hoạt động của dự án.
 - Cam kết nếu có thay đổi quy mô hoạt động, thay đổi số liệu theo nội dung kế hoạch đăng ký dự án chỉ tiến hành triển khai khi có chấp thuận của cơ quan quản lý Nhà nước.

Chúng tôi đảm bảo độ trung thực của các thông tin và nội dung điền trong kế hoạch bảo vệ môi trường này.

CÔNG TY TNHH HINSITSU VINA



General Manager
Bùi Giang Nam

SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN**

Mã số doanh nghiệp: 0313918077

Đăng ký lần đầu: ngày 18 tháng 07 năm 2016

Đăng ký thay đổi lần thứ: 1, ngày 31 tháng 08 năm 2017

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH HINSITSU VINA

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: HINSITSU VINA COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: HINSITSU VINA

2. Địa chỉ trụ sở chính

Nhà xưởng số 4, Lô I-3b-1.4, Đường N6, Khu Công Nghệ Cao, Phường Tân Phú,
Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email: phong@hinsitsu.com

Website:

3. Vốn điều lệ 8.940.000.000 đồng

Bằng chữ: Tám tỷ chín trăm bốn mươi triệu đồng

tương đương 400.000 USD (Bốn trăm ngàn đô - la Mỹ)

4. Thông tin về chủ sở hữu

Tên tổ chức: CÔNG TY TNHH HINSITSU SCREEN VIỆT NAM

Mã số doanh nghiệp/Quyết định thành lập số: 042023000060

Do: Ban Quản Lý các khu công nghiệp tỉnh Hải Dương Cấp ngày: 06/03/2007

Địa chỉ trụ sở chính: Khu công nghiệp Đại An, Thành phố Hải Dương, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam

5. Người đại diện theo pháp luật của công ty

* Họ và tên: KONG VOON WEI

Giới tính: Nam

Chức danh: Tổng giám đốc

Sinh ngày: 21/12/1969 Dân tộc: Quốc tịch: Malaysia

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Hộ chiếu nước ngoài

Số giấy chứng thực cá nhân: A37663077

Ngày cấp: 18/03/2016 Nơi cấp: Pel Kelang, Malaysia

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: No. 10, Jalan Kantan 14/KS6, Bandar Botanik, 41200 Klang Selangor, Malaysia

Chỗ ở hiện tại: Căn hộ số 2703 tòa B, chung cư Thăng Long số 1, Phường Trung Hoà, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

TRƯỞNG PHÒNG



Nguyễn Thị Thanh Nguyệt

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ ĐẦU TƯ

Mã số dự án: **1103270356**

Chứng nhận lần đầu: Ngày 12 tháng 7 năm 2016
Chứng nhận thay đổi lần thứ 2: Ngày 28 tháng 11 năm 2018

Căn cứ Luật Đầu tư ngày 26 tháng 11 năm 2014;
Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 26 tháng 11 năm 2014;
Căn cứ Luật Công nghệ cao ngày 13 tháng 11 năm 2008;
Căn cứ Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp ngày 03 tháng 6 năm 2008, Luật số 32/2013/QH13 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2008;
Căn cứ Luật Thuế xuất khẩu, Thuế nhập khẩu ngày 14 tháng 6 năm 2005;
Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;
Căn cứ Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp;
Căn cứ Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12/02/2015 về quy định chi tiết thi hành luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các luật về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định về thuế;
Căn cứ Nghị định số 99/2003/NĐ-CP ngày 28 tháng 08 năm 2003 của Chính phủ ban hành Quy chế Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh;
Căn cứ Quyết định số 19/2015/QĐ-TTg ngày 15 tháng 06 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về Quy định tiêu chí doanh nghiệp Công nghệ cao;
Căn cứ Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2015 của Chính Phủ về Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;
Căn cứ Quyết định số 145/2002/QĐ-TTg ngày 24 tháng 10 năm 2002 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh trực thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh
Căn cứ Quyết định số 146/2002/QĐ-TTg ngày 24 tháng 10 năm 2002 của Thủ tướng Chính phủ thành lập Ban Quản lý Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh;
Căn cứ hồ sơ đăng ký điều chỉnh Giấy Chứng nhận đăng ký đầu tư do Công ty TNHH Hinsitsu Vina nộp ngày 15/11/2018,

**BAN QUẢN LÝ KHU CÔNG NGHỆ CAO
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**



Chứng nhận:

Dự án đầu tư **CÔNG TY TNHH HINSITSU VINA**; Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 1103270356, do Ban quản lý Khu công nghệ cao TP.HCM cấp ngày 12/7/2016 (Điều chỉnh lần thứ 1 ngày 25/7/2018) đăng ký điều chỉnh tăng quy mô dự án.

Chứng nhận nhà đầu tư:

Tổ chức: CÔNG TY TNHH HINSITSU SCREEN VIỆT NAM

1. Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư: 2158448186 cấp ngày 06/3/2007, thay đổi lần thứ 5 ngày 15/8/2017
2. Cơ quan cấp: Ban Quản lý các Khu Công nghiệp tỉnh Hải Dương
3. Địa chỉ trụ sở: Lô XN 25-1, Khu Công nghiệp Đại An, Phường Tứ Minh, Thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương, Việt Nam
4. Điện thoại: 0220.3555.885 Fax: 0220.3555.886
5. Website: www.hinsitsuvietsnam.com

Thông tin về người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp/tổ chức đăng ký đầu tư, gồm:

- Họ tên: KONG VOON WEI
- Giới tính: Nam Chức danh: Tổng Giám Đốc.
- Sinh ngày: 21/12/1969 Quốc tịch: Malaysia.
- Hộ chiếu số: A37663077
- Ngày cấp: 18/3/2016 Nơi cấp: Pel Kelang, Malaysia
- Địa chỉ thường trú: No.10, Jalan Kantan 14/KS6, Bandar Botanik, 41200 Klang Selangor Malaysia.
- Chỗ ở hiện tại: Căn hộ số 2703 tòa B, chung cư Thăng Long số 1, Trung Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội.
- Điện thoại: 091 660 5286 Email: kongvw@hinsitsu.com

Tổ chức kinh tế thực hiện dự án đầu tư: Công ty TNHH Hinsitsu Vina, mã số doanh nghiệp/số GCNĐT/số quyết định thành lập: 0313918077 Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 18/7/2016 cấp thay đổi lần thứ 1 ngày 31/8/2017.

Đăng ký thực hiện dự án đầu tư với nội dung như sau:

Điều 1: Nội dung dự án đầu tư

1. Tên dự án: **CÔNG TY TNHH HINSITSU VINA**
2. Địa điểm: Nhà xưởng số 4, Lô I-3b-1.4, Đường N6, Khu Công Nghệ Cao, Phường Tân Phú, Quận 9, TP. Hồ Chí Minh.

Diện tích nhà xưởng dự kiến: 1.224 m² (Một ngàn hai trăm hai mươi bốn mét vuông).

3. Mục tiêu và quy mô của dự án:

a) Mục tiêu:



1103270356

STT	Mục tiêu hoạt động	Mã ngành theo VSIC	Mã ngành CPC
1	In ấn Chi tiết: in ấn tem nhãn năng lượng trên các loại chất liệu; in ấn cảm nang sử dụng các loại mặt hàng tivi, tủ lạnh, máy giặt, bếp,...	1811	884
2	Dịch vụ liên quan đến in	1812	885

b) Quy mô:

- Diện tích nhà xưởng sử dụng: 1.224 m²;
- Công suất thiết kế: 300 triệu sản phẩm/năm
- Sản phẩm đầu ra dự kiến:

STT	Tên sản phẩm	Giai đoạn đầu (2016 – 2018) VNĐ	Giai đoạn ổn định (2019 trở đi) VNĐ
1	Nhãn dán	116.124.699.600	151.600.157.280
Tổng cộng		116.124.699.600	151.600.157.280

- Quy mô kiến trúc nhà xưởng xây dựng:
 - + Nhà xưởng: 709 m²;
 - + Văn phòng: 165 m²;
 - + Kho: 350 m²;

4. **Tổng vốn đầu tư:** 44.700.000.000 đồng (bằng chữ: Bốn mươi bốn tỷ bảy trăm triệu đồng) tương đương 2.000.000 đô la Mỹ (bằng chữ: Hai triệu đô la Mỹ) với tỷ giá quy đổi là tỷ giá bán áp dụng tại Ngân hàng Vietcombank – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh ngày 25/02/2016: USD/VND = 22.350, trong đó:

a) Cơ cấu vốn:

Vốn cố định: 33.525.000.000 VNĐ (Ba mươi ba tỷ năm trăm hai mươi lăm triệu đồng), tương đương 1.500.000 USD (Một triệu năm trăm ngàn Đô la Mỹ), bao gồm:

- Nhà xưởng và văn phòng: : 4.470.000.000 VNĐ
- Máy móc trang thiết bị: 29.055.000.000 VNĐ

Vốn lưu động: 11.175.000.000 VNĐ (Mười một tỷ một trăm bảy mươi lăm triệu đồng), tương đương 500.000 USD (Năm trăm ngàn Đô la Mỹ).

b) Nguồn vốn:

- Vốn góp: 8.940.000.000 VNĐ (Tám tỷ chín trăm bốn mươi triệu đồng) tương đương 400.000 USD (Bốn trăm ngàn đô la Mỹ).



(Handwritten signature in blue ink)

1103270356

STT	Tên nhà đầu tư	Số vốn góp		Tỷ lệ (%)	Phương thức góp vốn (*)	Tiền độ góp vốn
		VND	Tương đương USD			
01	Công ty TNHH Hinsitsu Screen Việt Nam	8.940.000.000	400.000	100 %	Tiền mặt	Trong vòng 90 ngày kể từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp

Vốn vay: 35.760.000.000 VNĐ (Ba mươi lăm tỷ bảy trăm sáu mươi triệu đồng) tương đương 1.600.000 USD (Một triệu sáu trăm ngàn Đô la Mỹ).

c) Tiền độ góp vốn:

STT	Thời gian	Nội dung	Thành tiền
1	Trong vòng 90 ngày kể từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp	Vốn điều lệ	8.940.000.000
2	Tháng 07/2016 đến 06/2017	Vốn cố định Vốn lưu động	2.235.000.000 4.470.000.000
3	Tháng 07/2017 đến 07/2018	Vốn cố định Vốn lưu động	22.350.000.000 6.705.000.000
Tổng cộng			44.700.000.000

5. Thời gian hoạt động của dự án: 50 (Năm mươi) năm.

6. Tiến độ thực hiện dự án kể từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư:

STT	Thời gian	Hạn mục
1	Tháng 06/2016	- Hoàn thiện thủ tục pháp lý của dự án
2	Tháng 07/2016	- Lắp đặt máy móc thiết bị ban đầu và đào tạo nhân viên; - Đánh giá tác động môi trường.
3	Tháng 08/2016 đến tháng 06/2017	- Triển khai dự án và sản xuất – Giai đoạn 1
4	Tháng 07/2017 đến 07/2018	- Đầu tư thêm máy móc – Giai đoạn 2
5	Từ tháng 08/2018	- Hoạt động ổn định với hai giai đoạn



Điều 2: Các ưu đãi, hỗ trợ đầu tư:

1. Ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp: Dự án được hưởng ưu đãi thuế suất Thuế Thu nhập doanh nghiệp 10% trong thời gian 15 năm, trong đó miễn thuế trong 04 năm và giảm 50% số thuế phải nộp trong 09 năm tiếp theo, áp dụng đối với thu nhập của dự án đầu tư mới tại Khu Công nghệ cao theo quy định tại Điểm a, Khoản 1 Điều 15 và Khoản 1 Điều 16 Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp.

2. Ưu đãi về thuế nhập khẩu: : Dự án được miễn thuế nhập khẩu đối với hàng hóa nhập khẩu theo quy định tại Khoản 1 Điều 14 Nghị định số 134/2016/NĐ-CP ngày 01/09/2016 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu.

Điều 3: Các điều kiện đối với nhà đầu tư:

Doanh nghiệp có trách nhiệm chấp hành các quy định của Nghị định số 60/2014/NĐ-CP ngày 19/6/2016 của Chính phủ quy định về hoạt động in.

Dự án có trách nhiệm chấp hành các quy định của Luật Bảo vệ Môi trường và các văn bản pháp luật có liên quan đến việc thi hành bảo vệ môi trường;

Nhà đầu tư cam kết thực hiện đánh giá tác động môi trường trước khi đi vào hoạt động chính thức.

Dự án phải lưu ý áp dụng các biện pháp và phương án cụ thể đáp ứng các yêu cầu về phòng chống cháy nổ, an toàn lao động tại địa điểm thực hiện dự án theo quy định pháp luật hiện hành;

Việc xây dựng các công trình của dự án phải tuân thủ các quy định của Pháp luật Việt Nam và Ban Quản lý Khu Công nghệ cao về quy hoạch và xây dựng;

Việc tuyển dụng, đào tạo và sử dụng làm việc tại dự án phải tuân thủ các quy định của Bộ luật Lao động Việt Nam;

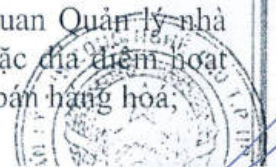
Dự án nhận chuyển giao công nghệ từ bên ngoài phải thực hiện theo đúng các quy định của Nhà nước Việt Nam về chuyển giao công nghệ;

Sản phẩm của dự án nếu tiêu thụ tại Việt Nam phải đăng ký chất lượng, nhãn hiệu hàng hóa, hợp chuẩn và phải chịu sự kiểm tra của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền của Việt Nam;

Đối với lĩnh vực đầu tư có điều kiện, dự án phải đáp ứng điều kiện quy định của cơ quan quản lý chuyên ngành. Doanh nghiệp chỉ được thực hiện quyền xuất khẩu - nhập khẩu sau khi được cơ quan quản lý chuyên ngành cấp phép hoặc các giấy tờ có giá trị tương đương;

Dự án có trách nhiệm gửi báo cáo định kỳ hàng tháng, hàng quý, hàng năm về Ban Quản lý Khu Công nghệ cao các Biểu mẫu liên quan đến doanh nghiệp được quy định tại Thông tư số 04/2011/TT-BKHĐT ngày 31/3/2011 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định hệ thống biểu mẫu báo cáo thống kê cơ sở áp dụng đối với doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp và dự án có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài.

Doanh nghiệp có trách nhiệm thực hiện các quy định của Cơ quan Quản lý nhà nước khi có sự điều chỉnh quy hoạch về ngành nghề kinh doanh hoặc địa điểm hoạt động mua bán hàng hoá và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hoá,



1103270356

Trong quá trình hoạt động, Nhà đầu tư phải chấp hành đúng các quy định hiện hành của pháp luật Việt Nam có liên quan đến lĩnh vực hoạt động và chịu sự kiểm tra, giám sát của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Dự án sẽ chấm dứt hoạt động theo quy định tại Điều 48 Luật Đầu tư, số 67/2014/QH13.

Trong trường hợp doanh nghiệp không thực hiện đúng nội dung dự án hoặc chậm triển khai dự án theo tiến độ và các nội dung đã cam kết (trừ trường hợp bất khả kháng hoặc có sự đồng ý bằng văn bản của Ban Quản lý Khu Công nghệ cao), Ban quản lý Khu Công nghệ cao có quyền thu hồi Giấy Chứng nhận đăng ký đầu tư.

Điều 4: Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Giấy chứng nhận đầu tư số 1103270356 ngày 12/07/2016 (Điều chỉnh lần thứ 1 ngày 25/7/2018).

Điều 5: Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư này được lập thành 02 (hai) bản gốc; nhà đầu tư được cấp 01 bản và 01 bản lưu tại Cơ quan đăng ký đầu tư.

**BAN QUẢN LÝ KHU CÔNG NGHỆ CAO
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỞNG BAN**



Lê Hoài Quốc

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence – Freedom – Happiness
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**HỢP ĐỒNG THUÊ NHÀ XƯỞNG TẠI
KHU CÔNG NGHỆ CAO TP. HỒ CHÍ MINH
FACTORY LEASE CONTRACT
IN SAIGON HI-TECH PARK**

Số/ No.: 03/HĐTX

- Căn cứ Luật Đất đai số 45/2013/QH13 ngày 29 tháng 01 năm 2013 của Quốc hội nước Cộng Hòa xã hội Chủ nghĩa Việt Nam
Based on Land Law No. 45/2013/QH13 dated January 29th, 2013 from the National Assembly of Socialist Republic of Vietnam;
- Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 05 năm 2014 của Chính phủ nước Cộng Hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam về thi hành Luật đất đai;
Based on Decree No. 43/2014/NĐ-CP dated May 15th, 2014 from the Government of Socialist Republic of Vietnam on Land Law Implementations;
- Căn cứ Luật đầu tư của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam số 59/2005/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2005;
Based on Investment Law No. 59/2005/QH11 dated November 29th, 2005 from the National Assembly of Socialist Republic of Vietnam;
- Căn cứ Nghị định số 108/2006/NĐ-CP ngày 22 tháng 09 năm 2006 của Chính Phủ nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam về qui định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu Tư;
Based on Decree No. 108/2006/NĐ-CP dated September 22th, 2006 from the Government of the Socialist Republic of Vietnam on detailing and guiding the implementation of a number of articles of the Investment Law;
- Căn cứ Nghị định số 99/2003/NĐ-CP ngày 28 tháng 08 năm 2003 của Chính Phủ ban hành Quy chế Khu Công nghệ cao TP HCM;
Based on Decree No. 99/2003/NĐ-CP dated August 28th, 2003 from the Vietnam Government on promulgating the regulation on Saigon Hi-Tech Park;
- Căn cứ Quyết định số 146/2002/QĐ-TTg ngày 24 tháng 10 năm 2002 của Thủ tướng Chính phủ thành lập Ban quản lý Khu Công nghệ cao TP HCM;
Based on Decision No. 146/2002/QĐ-TTg dated October 24th, 2002 of the Prime Minister on establishment of Management board of Saigon Hi-Tech Park;
- Căn cứ hợp đồng thuê đất số 85/HĐTĐ/KCNC-2015 ngày 17 tháng 09 năm 2015 giữa Công Ty TNHH TLD Hi-Tech và Ban quản lý Khu Công Nghệ cao TP HCM;
Based on the land lease contract No. 85 /HĐTĐ-KCNC-2015 dated September 17th, 2015 between TLD Hi-Tech Co., Ltd. and Management Board of Saigon Hi-Tech Park;



- Căn cứ Giấy chứng nhận đầu tư 413021000093 ngày 22 tháng 05 năm 2015 do Ban Quản lý Khu công nghệ cao TP HCM cấp cho Công ty TNHH TLD Hi-tech để đầu tư xây dựng dự án nhà xưởng xây sẵn tại Khu Công nghệ cao TP HCM

Based on Investment Certificate No. 413021000093 dated May 22nd, 2015, granted by Management Board of Saigon Hi-Tech Park to TLD Hi-Tech Co., Ltd. to invest on ready built factory in Saigon Hi-Tech Park.

- Căn cứ Giấy chứng nhận đầu tư 1103270356 ngày 12 tháng 07 năm 2016 do Ban Quản lý Khu công nghệ cao TP HCM cấp cho Công ty TNHH Hinsitsu Vina tại Khu Công Nghệ Cao TP HCM.

Based on Investment Certificate No. 1103270356 dated July 12th, 2016, granted by Management Board of Saigon Hi-Tech Park to Hinsitsu Vina Co., Ltd.

Bản Hợp đồng thuê nhà xưởng tại Khu công nghệ cao TP HCM này được ký ngày 20 tháng 09 năm 2016 giữa hai bên:

The Factory Lease Contract at Saigon Hi-Tech Park is signed on 20 September 2016 between the two parties:

BÊN CHO THUÊ (BÊN A): CÔNG TY TNHH TLD HI-TECH
LESSOR (PARTY A): TLD HI-TECH CO., LTD.

Quyết định thành lập Số 413021000093, chứng nhận lần đầu vào ngày 22 tháng 05 năm 2015, do Ban Quản lý Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh cấp vào ngày 22 tháng 05 năm 2015.

Decision of Establishment No. 413021000093, first certificate on May 22nd, 2015, granted by Management Board of Saigon Hi-Tech Park on May 22nd, 2015.

Địa chỉ: Lô I-3b-1, Đường N6, Khu Công nghệ cao, Quận 9, TP. Hồ Chí Minh
Address: Lot I-3B-1, N6 Street, Saigon Hi-Tech Park, District 9, Ho Chi Minh City.
ĐT/Tel.: (84-8) 5431 8330, 5431 8331
Fax: (84-8) 5431 8332

Số tài khoản: 140704070003254 Tại Ngân hàng HD Bank CN Quang Vinh- Đồng Nai
Account No.: 140704070003254 at HD Bank, Quang Vinh- Dong Nai Branch.

Mã số thuế/ Tax code: 0313329522

Người đại diện/ Representative: Bà/Ms. NGUYEN THI LAI

Chức vụ/ Position: GIÁM ĐỐC/ MANAGER

BÊN THUÊ (BÊN B): CÔNG TY TNHH HINSITSU VINA
LESSEE (PARTY B): HINSITSU VINA CO., LTD.

Giấy phép đầu tư: 1103270356 ngày 12 tháng 07 năm 2016 do Ban Quản lý Khu Công Nghệ cao TP HCM cấp cho Công ty TNHH Hinsitsu Vina tại Khu Công nghệ cao TP HCM.

Investment Certificate No. 1103270356 dated July 12th, 2016, granted by Management Board of Saigon Hi-Tech Park to Hinsitsu Vina Co., Ltd.

Địa chỉ: Lô I-3b-1, Đường N6, Khu Công nghệ cao, Quận 9, TP. Hồ Chí Minh.
Address: Lot I-3B-1, N6 Street, Saigon Hi-Tech Park, District 9, Ho Chi Minh City.
ĐT/ Tel.: (+84) 8 71 065 067
Fax: (+84-8) 320 3555 886

Mã số thuế/ Tax code: 0313918077

Người đại diện/ Representative: Ông/ Mr. KONG VOON WEI

Chức vụ/ Position: CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ/ CHAIRMAN

Hai Bên trên đây đã cùng nhau thảo luận và đồng ý ký vào bản Hợp đồng thuê Nhà xưởng tại Khu công nghệ cao TP Hồ Chí Minh với các điều khoản sau:

Two parties above have negotiated and agreed to sign this Factory Lease Contract in Saigon Hi-Tech Park with the following terms:

ĐIỀU 1: ĐỊNH NGHĨA

ARTICLE 1: DEFINITIONS

Ngoại trừ trường hợp có ý nghĩa khác tùy theo ngữ cảnh, những từ và cụm từ dưới đây được định nghĩa như sau:

Except the context requires otherwise, words and expressions provided below defined as follows:

- (i) “**Bên A**”: Công ty TNHH TLD Hi-tech (TLD HI-TECH) – Bên cho thuê
Party A: TLD Hi-Tech Co., Ltd. (TLD HI-TECH) – Lessor
- (ii) “**Bên B**”: Công ty TNHH Hinitsu Vina – Bên thuê
Party B: Hinitsu Vina Co., Ltd. - Lessee
- iii. “**Hai Bên**”: Bên A và Bên B.
“**Two parties**”: Party A and Party B.
- iv. “**Hợp đồng**”: Hợp đồng thuê mặt bằng nhà xưởng tại Khu công nghệ cao TP HCM ký giữa hai bên.
Contract: Factory lease contract in Saigon Hi-Tech Park between Two parties.
- v. “**Thời hạn thuê**”: là thời hạn thuê Mặt bằng
“Lease term”: time for leasing factory.
- vi. “**Tháng**”: là tháng Dương lịch.
“Month”: Calendar month.
- vii. “**Năm**”: là năm Dương lịch được tính bằng 12 (mười hai) tháng Dương lịch.
“Year”: Calendar year divided into 12 (twelve) calendar months.
- viii. “**Ngày bàn giao**”: Là ngày mà bên A sẽ bàn giao mặt bằng nhà xưởng cho bên B.
“Handover date”: The day that Party A shall hand over premises to Party B.
“**VND (Đồng Việt Nam)**”: là đơn vị tiền tệ của Nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam được dùng để thanh toán các khoản ghi trong Hợp đồng này, được quy đổi từ USD theo tỷ giá bán của Ngân hàng Thương mại cổ phần ngoại thương (Vietcombank) vào thời điểm thanh toán.
“VND (Vietnam Dong)”: the currency of Socialist Republic of Vietnam, used to pay amounts stated in this Contract, converted from USD at exchange rate of JSC Bank for Foreign Trade of Vietnam (Vietcombank) at payment time.

ĐIỀU 2: PHẠM VI HỢP ĐỒNG

ARTICLE 2: SCOPE OF CONTRACT

2.1 Vị trí và diện tích của Mặt bằng nhà xưởng/ Location and area of factory premises

- Vị trí: Một mặt bằng tầng 1, Nhà xưởng số 4, Lô I-3B-1, Đường N6, KCNC, Phường Tân Phú, Quận 9, TP.HCM.

Location: first (1st) floor, Factory 4, Lot I-3B-1, N6 Street, Saigon Hi-Tech Park, Tan Phu Ward, District 9, Ho Chi Minh City.

- Mặt bằng tầng 1 có diện tích: 1.224 m²
1st floor plan area: 1,224 m²

Mô tả chi tiết hơn tại bản vẽ đính kèm/ *Further details in attached drawings.*

2.2 Mục đích thuê/ Purpose of lease

- Bên B sử dụng Mặt Bằng chỉ để làm xưởng sản xuất và văn phòng làm việc, hoặc các

hoạt động khác theo quy định tại Giấy Đăng Kí Kinh Doanh của Bên B do Sở Kế Hoạch Và Đầu Tư Thành phố Hồ Chí Minh và Giấy Chứng Nhận Đầu Tư của Bên B do Ban Quản lý Khu Công Nghệ cao TP HCM và/ hoặc các cơ quan có thẩm quyền tại Việt Nam cấp ngoài ra không dùng vào bất cứ mục đích nào khác.

Party B shall use the floor premises only for production purpose and office, or other activities as stated in Party B's Business Registration Certificate granted by Ho Chi Minh City Department of Planning and Investment and/or competent authorities in Vietnam. Apart from this, it must not be used for other purposes.

2.3 Thời hạn thuê/ Term of lease

- Thời hạn Bên B được thuê mặt bằng nhà xưởng tại Khu công nghệ cao TP HCM là 3 (ba) năm, được tính từ ngày Bên B ký Hợp đồng thuê nhà xưởng với Bên A (sau đây gọi là "Thời hạn thuê") cụ thể từ ngày 05/10/2016 đến hết ngày 05/10/2019.

The term that Party B could lease factory premises in Saigon Hi-Tech Park shall three years, from Party B signs this Contract with Party A (hereinafter referred "Term of lease"), specifically from October 05th, 2017 to the end of October 05th, 2019.

- Nếu Bên B có nhu cầu gia hạn Hợp đồng thuê nhà xưởng, Bên B phải thông báo bằng văn bản cho Bên A ít nhất 2 (hai) tháng trước ngày kết thúc Hợp đồng, Bên A sẽ ưu tiên xem xét việc tiếp tục cho Bên B thuê nhà xưởng theo giá mới do hai bên thỏa thuận trên cơ sở thời hạn đầu tư của Bên B được quy định tại Giấy Đăng Ký Kinh Doanh và Giấy Chứng nhận Đầu Tư.

If Party B has request of extending this factory lease contract, Party B shall inform Party A in writing at least 02 (two) months before the end of the Contract, then Party A on preferred basis to continue leasing by Party B under new price on basis of Party B's investment period which stated in Business Registration Certificate and Investment Certificate.

- Các Bên sẽ ký phụ lục để gia hạn hợp đồng thuê.

Two Parties shall sign an appendix for lease contract extension.

2.4 Bàn giao mặt bằng và hiện trạng bàn giao/ Premises handover and Existing status:

Bàn giao mặt bằng/ Premises handover:

- Sau khi Bên B đã nộp tiền đặt cọc, tháng 10/2016 Bên A sẽ thu xếp bàn giao mặt bằng cho Bên B vào một ngày xác định và thông báo trước cho Bên B với khoảng thời gian hợp lý. Trong trường hợp Bên B không nhận mặt bằng trong ngày bàn giao mặt bằng thì tiền cọc xem như là bị tịch thu.

After Party B had paid the deposit, in October 2016, Party A should arrange to hand over the factory premises to Party B on a certain date and notify Party B in advance within a reasonable time. In case that Party B does not receive the premises on the handover date, the deposit shall be considered confiscated.

Hiện trạng bàn giao/ Existing status:

Tại thời điểm bàn giao mặt bằng, Bên A cam kết giao và Bên B sẽ nhận mặt bằng với điều kiện như sau:

At the time of handover, Party A shall commit to hand over premises with the following conditions:

Hoàn thiện bên ngoài tòa nhà: Sơn nước, cửa sổ nhôm kính.

External finish of building: Paint, aluminum windows.

Bên trong tòa nhà:

Internal finish of building:

- Nền xường: Bê tông xoa phẳng
Floor: troweled concrete
- Tường & Trần: Sơn nước
Wall and Ceiling: painting
- Cửa sổ & cửa toilet: Nhôm kính
Windows and WC door: glass and aluminum
- Cửa đi: Pano sắt & Kính
Entrance door: steel panel and glass

Hệ thống ME: Điện chiếu sáng cơ bản. Cung cấp tủ điện đến từng tầng: 300 KVA. Hệ thống kỹ thuật riêng. Nếu Bên B có nhu cầu sử dụng điện cao hơn thì Bên B tự chịu toàn bộ chi phí cho việc hạ trạm điện.

ME systems: Basic lighting system, DB for each floor: 300 KVA, separate technical system. If Party B has higher demand of using electricity, Party B shall bear the completely related cost of downing power station.

Phòng cháy chữa cháy: Báo cháy tự động theo quy định, có hệ thống chống sét chung cho toàn bộ tòa nhà.

Fire protection: Automatic fire alarm as regulations, with common lightning system for the entire building.

Hệ thống ống chờ cho internet, điện thoại.

Cable pipes system: Internet, telephone.

Hệ thống nước thải theo quy định của Khu Công Nghệ Cao

Waste treatment system as regulations of Management Board of Saigon Hi-Tech Park

ĐIỀU 3: TIỀN THUÊ NHÀ XƯỞNG VÀ ĐIỀU KIỆN THANH TOÁN **ARTICLE 3: LEASE COST AND PAYMENT TERMS**

3.1 Tiền thuê nhà xưởng/ Lease cost

Giá thuê mặt bằng nhà xưởng được hai bên thống nhất như sau:

The lease cost is agreed by two parties as follows:

+ VND 123.800 /m²/tháng

VND 123,800/m²/month

(Giá chưa có Thuế giá trị gia tăng và phí dịch vụ/ Excluding VAT and Service charges)

Tiền thuê nhà xưởng được tính từ ngày hai bên ký biên bản bàn giao mặt bằng.

Lease cost shall be calculated from the date when two parties sign handover minutes.

3.2 Phương thức thanh toán/ Payment method

Hàng quý, Bên B thanh toán Tiền thuê nhà xưởng theo Giấy báo thanh toán của Bên A, cụ thể như sau:

Every quarter of year, Party B shall make payment for lease cost under Payment Notice issued by Party A, as follows:

+ Số tiền phải trả hàng quý (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng và phí quản lý)

The amount paid every quarter of a year (excluding VAT and Management cost)

123.800 VNĐ/m²/tháng x 1.224 m² x 03 tháng = 454.593.600 VNĐ

VND 123.800/m²/month x 1,224 m² x 03 months = VND 454.593.600

(Bốn trăm năm mươi bốn triệu năm trăm chín mươi ba ngàn sáu trăm đồng)

(Four hundred fifty-four million five hundred ninety-three thousand six hundred dongs).

+ Thời hạn thanh toán: chậm nhất ngày 5 của tháng đầu tiên của mỗi quý trong năm.

Payment period: by the 5th date of the first month in every quarter of a year.

+ Nếu Bên B chậm thanh toán bất kỳ khoản tiền nào, Bên B phải trả cho Bên A tiền lãi chậm thanh toán theo lãi suất vay của Ngân hàng mà Bên A vay tại thời điểm thanh toán, thời gian chậm thanh toán không quá 15 ngày. Nếu thanh toán quá hạn 15 ngày thì tính theo Lãi Suất Quá Hạn đối với khoản chậm thanh toán đó cho khoảng thời gian tính từ ngày đến hạn thanh toán cho đến ngày Bên B thực tế thanh toán đầy đủ các khoản tiền đó nhưng không được trễ quá 30 ngày.

If Party B made overdue payment of any amount, Party B should pay to Party A overdue payment interest at the interest rate of the Bank which Party A had borrowed at the time of payment, the time of overdue is not later than 15 days. If the payment is overdue is over 15 days, the overdue interest shall be applied to that overdue payment for the period from the payment due date to the date Party B actually pay the full amount but not exceeding 30 days.

3.3 Phí quản lý (không bao gồm VAT)/ *Management cost: (Excluding VAT)*

Các loại phí/ *Types of cost: Theo danh sách đính kèm/ as attached list*

Bên B phải trả cho Bên A các loại Phí quản lý được quy định theo danh sách đính kèm. Phí quản lý sẽ được tính từ ngày Bên B thực hiện hoạt động kinh doanh của mình tại Phần Diện Tích Thuê hoặc Ngày Bắt Đầu thuê, tùy thời điểm nào đến trước.

Party B must pay the management cost to Party A, which are specified in the attached list. Management cost shall be calculated from the date Party B carries out its business activity on the Leased Area or Lease Starting Date, whichever comes first.

Trong suốt Thời hạn, vào từng thời điểm, bằng việc gửi văn bản thông báo trước ba mươi (30) ngày, Bên A có quyền thay đổi Phí quản lý nếu Bên A cho là cần thiết để đảm bảo hoạt động cung cấp dịch vụ quản lý.

Throughout the Term, at each time prior thirty (30) days, in a written notice, Party A remains the right to change the Management Cost if Party A deems necessary to ensure services provision.

3.4. Đặt cọc/ *Deposit*

Khoản tiền đặt cọc là **898.923.960 VND** (tương đương 06 tháng tiền thuê nhà xưởng). Tiền đặt cọc mà Bên B đã thanh toán cho Bên A sẽ được hoàn trả cho Bên B vào cuối thời hạn thuê, đề cập tại điều 2.3 của Hợp đồng hoặc kết thúc hợp đồng sớm theo thỏa thuận của hợp đồng này.

The amount of deposit is VND 898.923.960 (approximating 06-month lease cost). Deposit paid by Party B to Party A shall be redeemed Party B at the end of Lease term, mentioned at Article 2.3 of this contract or early termination permitted under this contract.

Ngay sau khi Hai Bên ký kết hợp đồng thuê nhà xưởng. Bên B phải thanh toán tiền đặt cọc cho Bên A. Thời hạn thanh toán trong 5 ngày làm việc kể từ ngày Hai bên ký kết hợp đồng.

Once after Two parties sign Lease contract. Party B shall pay deposit to Party A. Payment period is within 05 working days from the date of contract.

Khi Hợp Đồng Thuê bị chấm dứt, trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày được Bên B bàn giao mặt bằng thuê lại cho Bên A phù hợp với quy định tại Hợp Đồng Thuê, hoặc ngày giải

quyết hết những khoản phải trả còn tồn đọng giữa hai Bên (bao gồm tiền điện, nước, internet tiền lãi phạt vi phạm, tiền bồi thường thiệt hại (nếu có), Phí quản lý) tùy thời điểm nào đến sau, Bên A sẽ hoàn trả cho Bên B số Tiền Đặt Cọc, (Tiền đặt cọc không được tính lãi trong suốt thời hạn thuê).

When the Lease Contract is terminated, within thirty (30) days from the date on which Party B hand over the leased premises to Party A in accordance with the terms of the Lease Contract, or the date on which all amounts of outstanding account are payable between the two parties (including electricity, water, the Internet, interest rate, penalties, damage compensation (if any), management cost), whichever comes first, then Party A shall reimburse deposit amount, (Deposit interest shall not be applied during the Term of Lease).

3.5 Thuế/ Taxes

Bên B sẽ chịu trách nhiệm thanh toán mọi loại thuế (bao gồm nhưng không giới hạn ở thuế giá trị gia tăng), khoản phí, lệ phí bắt buộc theo quy định của pháp luật Việt Nam (sau đây gọi chung là "Thuế") liên quan đến việc thuê Phần Diện Tích Thuê theo quy định tại Hợp Đồng Thuê này.

Party B shall be responsible for paying all taxes (including but not limited to VAT), mandatory charges in accordance with the laws of Vietnam (collectively referred to as "Taxes") relating to the Leased Area under the terms of this Lease Contract.

3.6 Đồng tiền thanh toán/ Payment Currency

Bên B thanh toán các loại phí nêu tại điều 3 của Hợp đồng này cho Bên A bằng tiền Việt Nam Đồng.

Party B shall pay all costs to Party A as mentioned Article 3 of this Contract in Vietnam Dong

Tỷ giá thanh toán theo tỷ giá bán của Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần Ngoại Thương Việt Nam (Vietcombank) tại thời điểm thanh toán.

The exchange rate shall be selling rate of JSC Bank for Foreign Trade of Vietnam (Vietcombank) at the time of payment.

ĐIỀU 4: BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

ARTICLE 4: ENVIRONMENTAL PROTECTION

Các chất thải (chất thải sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, nước thải sản xuất và chất thải nguy hại) sinh ra trong quá trình hoạt động, sản xuất của bên Bên phải tuân thủ theo Luật, Quyết định, Thông tư và QCVN thải sau:

Waste (domestic waste, ordinary industrial waste, production wastewater and hazardous waste) generated during the operation and production of Party B must comply with the Law, Decision, Circular, and QCVN (Vietnam Technical Regulations) as follows:

Luật Bảo vệ môi trường số 55/2014/QH13 của Quốc hội nước Cộng Hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 23/06/2014;

Law on Environmental Protection No. 55/2014 / QH13 issued by the National Assembly of the Socialist Republic of Vietnam on June 23rd, 2014;

Luật Tài nguyên nước số 17/2012/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa 13 thông qua ngày 21/6/2012;

Law on Water Resources No. 17/2012 / QH13 passed by the National Assembly of Socialist Republic of Vietnam, the 13th session, dated on June 21st, 2012;

Quy chuẩn QCVN 40:2011/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp được ban hành kèm theo Thông tư số 47/2011/TT-BTNMT ngày 28/12/2011 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia môi trường;

The Code QCVN 40:2011/BTNMT – National Technical Regulation on industrial wastewater promulgated with the Circular No. 47/2011/TT-BTNMT dated on December 28th, 2011 from Minister of Ministry of Natural Resources and Environment regulating on National Technical Regulation on Environment.

Quyết định số 214/QĐ-KCNC ngày 30/12/2009 của Ban Quản lý Khu Công nghệ cao về việc công bố “Tiêu chuẩn chất lượng nước thải đầu vào của nhà máy xử lý nước thải tập trung Khu Công nghệ cao TP.HCM – Giai đoạn 1”

Decision No 214/QĐ – KCNC dated on December 30th, 2009 of Saigon Hi-Tech Park Management Board on announcement of “Quality standard of input waste water for central waste water treatment plant at Saigon Hi-Tech Park – Phase 1”

Quyết định số 173/QĐ-KCNC ngày 31/5/2017 của Ban quản lý Khu công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh về việc giao nhiệm vụ tiếp nhận, quản lý các công trình, cơ sở hạ tầng ngân sách đầu tư trong Khu công nghệ cao và tổ chức vận hành, khai thác, sử dụng các công trình cơ sở hạ tầng kỹ thuật; thực hiện bảo trì công trình; thực hiện các hoạt động dịch vụ công cộng, các hoạt động dịch vụ có thu phí trong Khu Công nghệ cao và hoạt động dịch vụ khác theo yêu cầu của nhà đầu tư;

Decision No. 173 / QĐ-KCNC dated May 31st, 2017 of Saigon Hi-Tech Park Management Board on assignment, management of works and infrastructure investment budget in the SHTP, organization of its operation, exploitation, and use of technical infrastructure works; performing maintenance work; carrying out public service activities, chargeable service activities in SHTP and other service activities as requested by investors;

Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/06/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về hướng dẫn điều kiện hành nghề, mã số quản lý chất thải nguy hại.

Circular No. 36/2015/TT-BTNMT dated June 30th, 2015 from Ministry of Natural Resources and Environment on guiding practice conditions, hazardous waste management identification numbers.

Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/04/2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu, có hiệu lực từ ngày 15/06/2015.

Decree No. 38/2015/NĐ-CP dated April 24th, 2015 of the Government on the management of waste and scrap, effective from June 15th, 2015.

Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 07:2009/BTNMT về Ngưỡng chất thải nguy hại, ban hành theo thông tư số 25/2009/TT-BTNMT ngày 16/11/2009 của BTNMT.

Vietnam technical regulations QCVN 07: 2009/BTNMT on the threshold of hazardous waste, issued in accordance with Circular No. 25/2009/TT-BTNMT dated November 16th, 2009 of MONRE (Ministry of Natural Resources and Environment).

*Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 6707:2009 – Chất thải nguy hại – Dấu hiệu cảnh báo.
National standard TCVN 6707: 2009 - Hazardous waste - Warning signs.*

*Nghị định số: 155/2016/NĐ-CP quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường.
Decree No. 155/2016/NĐ-CP on fining administrative violations in the field of environmental protection.*

*Thông báo số 29/TB-KCNC ngày 28 tháng 6 năm 2013 của Ban Quản lý Khu Công nghệ cao về việc nước thải đầu ra của doanh nghiệp, đơn vị vượt tiêu chuẩn quy định của Khu Công nghệ cao TP. Hồ Chí Minh;
Announcement No. 29/TB-KCNC dated June 28th, 2013, from the Management Board of Saigon High-Tech Park on wastewater discharge of enterprises, units in excess of the standards of SHTP;*

*Thông báo số 35/TB-KCNC ngày 14 tháng 8 năm 2013 của Ban Quản lý Khu Công nghệ cao về phí xử lý nước thải đầu ra của các doanh nghiệp, đơn vị vượt tiêu chuẩn quy định của Khu Công nghệ cao;
Announcement No. 35 / TB-KCNC dated August 14th, 2013 of the Management Board of Saigon High-Tech Park on the wastewater treatment charge of enterprises, units in excess of the standards of SHTP;*

*Bên B phải tuân thủ qui định về “quản lý chất thải của khách thuê” của bên A.
Party B must comply with Party A's regulations on "waste control"*

4.1 Chất thải/ Waste

4.1.1 Chất thải sinh hoạt và chất thải rắn công nghiệp thông thường/ Domestic waste and ordinary industrial waste

Chất thải sinh hoạt và chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh trong quá trình sản xuất của Bên B, Bên B phải ký hợp đồng thu gom rác thải với Công ty TNHH MTV Phát Triển Khu Công Nghệ Cao.

Domestic waste and ordinary industrial waste incurred during the production process of Party B, Party B must sign the waste collecting contract with SHTP Development Company Limited. Party A shall hand over a storage to Party B to collect and store waste there.

Bên A sẽ bàn giao nhà chứa rác cho bên B tập kết và lưu trữ chất thải.

4.1.2 Nước thải sinh hoạt và nước thải sản xuất/ Domestic wastewater and Production wastewater

Bên A và bên B sẽ ký kết hợp đồng xử lý nước thải sinh hoạt và nước thải sản xuất.

Party A and Party B shall sign a contract of treatment service for domestic wastewater and production wastewater.

Bên A tiếp nhận nước thải của bên B đăng ký trong hợp đồng và đưa vào Hệ thống xử lý nước thải tập trung của nhà xưởng 4: Bao gồm nước thải sinh hoạt và nước thải sản xuất (nước thải công nghiệp) không bao gồm nước thải nguy hại.

Party A receives wastewater of Party B registered in the contract and is discharged into the central wastewater treatment system of Factory 4: Including domestic wastewater and production wastewater (industrial wastewater) excluding hazardous waste.

Tiêu chuẩn chất lượng nước thải sau xử lý của Bên A trước khi xả vào hệ thống thu gom nước thải tập trung của Khu Công Nghệ Cao đạt theo tiêu chuẩn "Chất lượng nước thải đầu vào nhà máy xử lý tập trung – Khu Công Nghệ Cao Thành phố Hồ Chí Minh – giai đoạn 1" ban hành kèm theo Quyết định số 214/QĐ-KCNC ngày 30/12/2009 (Phụ lục 2).

The standard which is applied to wastewater quality after treatment of Party A before discharging into the central wastewater collecting system of Saigon Hi-Tech Park, meets the standard "Quality of input wastewater to central treatment plants - Saigon Hi-Tech Park, Phase 1" promulgated with Decision No. 214/QĐ-KCNC dated December 30th, 2009 (Appendix 2).

Bên A sẽ định kỳ và đột xuất kiểm tra nước thải sản xuất đầu vào của bên B, nếu phát hiện sai phạm, Bên B phải chịu trách nhiệm và đóng phí xử lý nước thải vượt chuẩn.

Party A shall periodically and irregularly check input wastewater production of Party B, if detecting violations, Party B shall be responsible and pay wastewater treatment fee in excess of the standard.

4.1.3 Chất thải nguy hại (CTNH)/ Hazardous waste (HW)

Bên B phải đăng ký sở chủ nguồn chất thải nguy hại với Sở Tài Nguyên Môi Trường và có trách nhiệm phân định, phân loại, xác định số lượng CTNH phải đăng ký, báo cáo và quản lý.

Party B shall register the hazardous waste source with the Department of Natural Resources and Environment and shall be responsible for classifying, categorizing and identifying the volumes of hazardous wastes, they should be registered, reported and managed.

Bên B phải ký hợp đồng chuyển giao CTNH (đã đăng ký trong đề xử lý với các tổ chức, cá nhân có giấy phép quản lý CNTH phù hợp).

Party B must sign a contract to transfer the HW (registered in the deal with organizations and individuals with proper management license).

Bên A sẽ bàn giao nhà chứa rác cho bên B tập kết và lưu trữ chất thải.

Party A shall hand over a storage to Party B to collect and store waste.

4.2 Khí thải và tiếng ồn/ Emission and Noise

Chất lượng khí thải phải tuân thủ đúng các quy định sau:

QCVN 19:2009/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ.

QCVN 19: 2009/BTNMT National Technical Regulation on Industrial Emissions for Dust and Inorganic Substances.

QCVN 26:2010/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn (thay thế TCVN 5949:1998)

QCVN 26: 2010/BTNMT National Technical Regulation on noise (replacing TCVN 5949: 1998)

QCVN 02:2008/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải lò đốt chất thải rắn y tế
QCVN 02: 2008/BTNMT National Technical Regulation on emissions of medical solid waste incinerators

QCVN 05:2009/NTNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh (thay thế TCVN 5937:2005)

QCVN 05: 2009/NTNMT National Technical Regulation on ambient air quality (replacing TCVN 5937: 2005)

QCVN 06:2009/NTNMT Chất lượng không khí - Nồng độ tối đa cho phép của một số chất độc hại trong môi trường không khí xung quanh (thay thế TCVN 5938:2005)

QCVN 06:2009/NTNMT Air Quality - Maximum allowable concentration of some hazardous substances in ambient air environment (replacing TCVN 5938: 2005).

TCVN 5939:2005 Chất lượng không khí - Tiêu chuẩn khí thải công nghiệp đối với bụi và chất vô cơ

TCVN 5939:2005 Air quality - Industrial emission standards for dust and inorganic substances

TCVN 5940:2005 Chất lượng không khí - Tiêu chuẩn khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ

TCVN 5940: 2005 Air quality - Industrial emission standards for some organic substances

TCVN 5949:1998 Âm học - Tiếng ồn khu vực công cộng và dân cư - Mức ồn tối đa cho phép.

TCVN 5949: 1998 Acoustics - Noise in public and residential areas - Maximum allowable noise volume.

ĐIỀU 5: QUYỀN HẠN CỦA CÁC BÊN

ARTICLE 5: PARTIES' AUTHORITY

5.1 Quyền hạn của bên A/ Party A's authority

Bên A có quyền buộc Bên B chấm dứt Hợp đồng và trả mặt bằng thuê lại cho Bên A nếu Bên B sử dụng mặt bằng không đúng với nội dung đã nêu trong Hợp đồng và không phù hợp với qui định của Giấy đăng ký kinh doanh.

Party A remains rights to force Party B to terminate the Contract and hand over the premises to Party A if Party B breaches in improper use of premises with the content stated in the Contract and compliance with regulations in Business Registration Certificate.

Nếu Bên B không thanh toán tiền thuê nêu tại Điều 3 đúng hạn thì Bên A có quyền phạt lãi chậm thanh toán theo khoản 3.2 Điều 3 của hợp đồng cho đến khi Bên A nhận được tiền trả trễ hay đến ngày bản Hợp đồng này bị Bên A chấm dứt do việc Bên B trả tiền không đúng hạn.

If Party B does not pay lease cost as stated in Article 3 in due time, Party A remains rights to charge interest on overdue payment under clause 3.2 Article 3 of this Contract until Party A receives overdue payment or until this Contract is terminated by Party A due to Party B fails to pay in due time.

Được sử dụng các tiện ích chung của tòa nhà.
Use the common facilities of the building.

Sau thời hạn 03 (ba) tháng kể từ ngày xác định chậm trả mà Bên B không thanh toán các khoản tiền phải trả cho Bên A thì Bên A có quyền chấm dứt Hợp đồng này như qui định tại Điều 8.2 của Hợp đồng.

After a period of 03 (three) months from date of overdue payment which Party B fails to pay commitments, Party A shall remain rights to terminate the Contract as stated in Article 8.4 of this Contract.

5.2 Quyền hạn của Bên B/ Party B's authority

Kể từ ngày ký hợp đồng, Bên B được quyền sử dụng mặt bằng thuê theo đúng mục đích sử dụng như qui định tại Hợp đồng và theo đúng nội dung Giấy đăng ký kinh doanh trong suốt thời hạn thuê.

From the date of signing contract, Party B remains rights to use the premises complying with purpose of use as stated in the Contract and content in Business Registration Certificate during Term of Lease.

Bên B được phép bắt đầu triển khai hoạt động trên mặt bằng thuê sau khi:
Party B is permitted to carry out activities in lease premises after:

+ Được Bên A bàn giao Mặt bằng.

Party A finished handing over Premises to Party B.

Khi hết hạn thời hạn thuê quy định tại Điều 2.3, nếu Bên B có nhu cầu tiếp tục thuê mặt bằng nhà xưởng trên cơ sở phù hợp với thời hạn đầu tư do cấp có thẩm quyền phê chuẩn thì Bên B được Bên A ưu tiên gia hạn hợp đồng như theo quy định tại điều 2.3, theo giá do hai bên thỏa thuận, trong trường hợp giá thuê tăng thì mức tăng không quá 10% giá thuê của năm trước đó.

Once the lease term is expired as stated in Article 2.3, if Party B has request of continuation of factor lease on basis of investment period approved by competent authority, then Party B shall be given priority to extend factory leasing term as per Article 2.3 under new price negotiated between 02 parties, in case the price increases, it must not exceed 10% of the leasing price of previous year.

ĐIỀU 6: TRÁCH NHIỆM VÀ CAM KẾT CỦA CÁC BÊN

ARTICLE 6: REponsibilities AND COMMITMENT OF PARTIES

6.1. Trách nhiệm và cam kết của Bên A/ Responsibilities and commitment of Party A

Trong thời hạn Hợp đồng Bên A cam kết dành cho Bên B trọn quyền sử dụng mặt bằng để thực hiện dự án theo Giấy Đăng Kí Kinh Doanh và theo các quy định của Hợp đồng. Bên A cam kết đảm bảo duy trì những giấy tờ pháp lý cần thiết để hoạt động cho thuê có hiệu lực theo hợp đồng này.

During Contract period, Party A commits to grant Party B full rights to use premises to implement projects under Business Registration Certificate and other regulations in this Contract without any interference from party A or any third party. In addition, Party A commits to maintain all necessary licenses to lease the premises under this contract.

Bên A chịu trách nhiệm sửa chữa các hư hỏng liên quan đến kết cấu xây dựng của nhà xưởng mà lỗi không phải do Bên B gây ra. Chi phí sửa chữa này do Bên A chi trả.

Party A shall be responsible for repairing damages related to construction structure of the factory, which are not outcomes from Party B's fault. Party A shall pay the cost.

Bên A chịu trách nhiệm bảo trì, quản lý cơ sở hạ tầng ngoài nhà xưởng của Bên A trong phạm vi Khu công nghệ cao trong suốt thời hạn cho thuê.

Party A shall be responsible for maintenance, infrastructure management outside the factory in scope of Saigon Hi-Tech Park during Term of Lease.

Bên A cam kết hỗ trợ Bên B trong suốt thời hạn cho thuê tùy theo khả năng của mình khi Bên B có yêu cầu.

Party A commits to support Party B during term of lease depending on party's abilities in case Party B requires.

Hệ thống an ninh toàn nhà và khu vực giữ xe được bảo vệ 24/24. Mọi tài sản của đơn vị thuê bên A không chịu trách nhiệm.

Security system and the parking area is 24/24. All the assets of the A rental unit is not responsible.

Hệ thống PCCC đã được Sở Cảnh Sát PCCC TP.HCM ký nghiệm thu đưa vào sử dụng.

Fire Protection system has been signed for inspection by Ho Chi Minh City Fire Police Department.

Bên A đã mua bảo hiểm cháy nổ cho Nhà Xưởng Số 4.

Party A has bought fire insurance for Factory 4

6.2 Trách nhiệm và cam kết của Bên B/ Responsibilities and commitment of Party B

Bên B cam kết sẽ sử dụng mặt bằng thuê vào mục đích như Giấy đăng ký kinh doanh quy định và tuân thủ theo đúng Luật pháp Việt Nam cũng như các điều khoản trong Hợp đồng này.

Party B commit to use premises comply with content in Business Registration Certificate, Vietnam Laws and articles in this Contract as well.

Bên B chịu mọi khoản thuế theo quy định của Giấy đăng ký kinh doanh và các khoản thuế khác theo quy định của Luật pháp Việt Nam.

Party B shall bear all taxes payment as regulations in Business Registration Certificate and other taxes under Vietnam Laws.

Bên B cam kết tuân thủ đúng các quy định của Luật bảo vệ Môi trường của Nhà nước Việt Nam và các quy định về phòng cháy chữa cháy.

Party B commits to comply with regulations of Law on Environmental Protection of the Vietnam State and other regulations on Fire Protection.

Trong suốt thời hạn hợp đồng, Bên B cam kết không xây dựng thêm bất kỳ công trình nào; không di dời, đục phá làm biến dạng hay thay thế bất kỳ một vật kiến trúc, thiết bị thuộc mặt bằng của Bên A mà không được sự đồng ý của Bên A. Nếu vi phạm, Bên B sẽ bồi thường đầy đủ cho Bên A mỗi khi Bên A chịu thiệt hại về bất cứ lý do nào phát sinh do việc làm cố ý hay không cố ý của Bên B hay nhân viên hoặc người thừa hành của Bên B gây ra.

During contract period, Party B commits not to construct any buildings, to relocate, to demolish leading disortation or replace any architectural objects, equipment belonging to Party A's premises without Party A's consent. In case of breaching, Party B shall

compensate fully Party A as Party A bears any damages, losses incurred by intentional or unintentional actions from Party B or employees or executors of Party B.

Bên B không được quyền thế chấp, sang nhượng, cho thuê lại mặt bằng thuê dưới bất kỳ hình thức nào cho bất kỳ đối tượng nào.

Party B does not remain rights to mortgage, transfer, and lease the premises under any form to anyone.

Trong thời hạn thuê, Bên B có trách nhiệm bảo vệ, quản lý và sử dụng đúng công dụng của mặt bằng. Mọi trường hợp hư hỏng xảy ra đối với mặt bằng, Bên B phải bồi thường cho Bên A bằng số chi phí mà Bên A phải bỏ ra để sửa chữa.

During term of lease, Party B shall be responsible for protection, managing and use as proper purpose of use. Any damages, losses incurred to premises, Party B shall compensate Party A for cost, which Party A paid to repair.

Bên B phải mua bảo hiểm thiệt hại tài sản, xâm phạm, cháy nổ, và các hiểm họa khác theo quy định của Nhà Nước.

Party B to purchase property damage insurance, Intrusion, fire, and other hazards as prescribed by the State.

Thanh toán đầy đủ và đúng hạn các khoản tiền nêu tại Điều 3 của Hợp đồng.

Pay fully and in due time all payments as stated in Article 3 of this Contract.

6.3 Trách nhiệm và cam kết chung/ General responsibility and commitment

Bên B đồng ý rằng Bên A được quyền chuyển quyền sở hữu đối với toàn bộ hoặc một phần Dự Án cho bên thứ ba theo bất kỳ cách thức nào phù hợp với quy định của pháp luật, cầm cố, thế chấp một phần hoặc toàn bộ Dự Án, các quyền và lợi ích của Bên A theo Hợp Đồng Thuê để bảo đảm cho nghĩa vụ của Bên A với bất kỳ bên thứ ba nào; hoặc chuyển nhượng, chuyển giao các quyền và nghĩa vụ của Bên A theo Hợp Đồng Thuê cho bên thứ ba, với điều kiện là Bên B vẫn được tiếp tục thuê Phần Diện Tích Thuê theo các điều kiện quy định tại Hợp Đồng Thuê cho đến hết Thời Hạn Thuê.

Party B agrees that Party A is entitled to transfer ownership of all or part of the Project to a third party in any manner consistent with the law, pledge or mortgage partly or fully the Project; the rights and benefits of Party A shall be under the Lease Contract to secure Party A's obligations to any third party; or assign or transfer the rights and obligations of Party A under the Lease Contract to a third party, provided that Party B continues to lease its area in accordance with the terms of the Lease Contract until expiry date of Term of Lease.

ĐIỀU 7: THỰC HIỆN VÀ THAY ĐỔI

ARTICLE 7: PERFORMANCE AND AMENDMENT

7.1 Thực hiện/ Performance

Trong quá trình thực hiện Hợp đồng, việc một Bên không áp dụng bất cứ một điều khoản nào trong bản Hợp đồng này sẽ không tạo nên sự bãi miễn của điều khoản đó hay các tác động, chi phối của nó đến các điều khoản khác của Hợp đồng.

During performance of Contract, in the event that one Party not applying any terms in this Contract shall not constitute dismissal of that term or its effect, dominant to other terms in the Contract.

7.2. Thay đổi/ Amendment

Mọi trường hợp điều chỉnh, sửa đổi và bổ sung Hợp đồng này chỉ có hiệu lực khi được hai Bên thoả thuận thông qua bằng việc ký kết phụ lục Hợp đồng.

In any cases of amendment, changes or supplement for this Contract shall only take effect once Two parties agree by signing a Contract Amendment.

Trừ khi được hai Bên đồng ý bằng một văn bản khác, các quyền và trách nhiệm quy định trong Hợp đồng này không được cải biến, sửa đổi, chuyển nhượng bởi một trong hai Bên mà không được sự đồng ý của Bên kia.

Unless otherwise Two parties sign in another writing, rights and responsibilities stated in this Contract shall not amended, changed, assigned by one of Two parties without other Party's consent.

ĐIỀU 8: HIỆU LỰC VÀ CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG

ARTICLE 8: EFFECT AND TERMINATION

8.1 Hiệu lực/ Effect

Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký.

This Contract takes effect from the date of signing.

8.2 Chấm dứt/ Termination

Hợp Đồng Thuê này sẽ chấm dứt trong các trường hợp sau đây:

The Contract shall be terminated in the following cases:

- a) Hết Thời Hạn mà không được gia hạn
Expiry of the term without extension
- b) Bên B bị giải thể hoặc phá sản
Party B is dissolved or bankrupt
- c) Bên A quyết định chấm dứt hợp đồng do Bên B vi phạm Hợp Đồng Thuê theo quy định tại Điều 9.
Party A decides to terminate the Contract because Party B breaches the Lease Contract as stipulated in Article 9.
- d) Phần Diện Tích Thuê bị hỏng đến mức không thể sử dụng được.
The Leased Area is broken down to unusable levels.
- e) Nếu xảy ra Sự Kiện Bất Khả Kháng như quy định tại Điều 10 của Hợp Đồng Thuê;
In the event of a Force Majeure as defined in Article 10 of the Lease Contract;
- f) Một trong Các Bên đơn phương chấm dứt Hợp Đồng Thuê này trước Thời Hạn, bởi các lý do khác ngoài các điều khoản của Hợp Đồng Thuê, bằng cách gửi thông báo bằng văn bản trước ít nhất ba (03) tháng cho bên kia và trả cho bên kia một khoản bồi thường tương đương ba (03) tháng Tiền Thuê và Phí quản lý.
One of the parties unilaterally terminates this Lease Contract, for reasons other than the terms of the Lease Contract, by giving written notice at least three (3) months in advance to the other party and pay the other party a compensation equal to three (03) months of Lease Cost and Management Cost.

- g) Giá thuê nhà xưởng trên thị trường tăng đột biến gây thiệt hại đáng kể cho Bên A và sau hai lần thương lượng Các Bên không thống nhất được giá thuê mới hợp lý hơn. Quyền và nghĩa vụ của Các Bên trong trường hợp này được giải quyết như trường hợp Hợp Đồng Thuê chấm dứt do hết Thời Hạn.

The lease price of the factory in the market increases suddenly causing considerable damage to Party A and after two negotiations, the Parties could not agree on the more reasonable price. The rights and obligations of the Parties, in this case, shall be settled as if the Lease Contract is terminated due to the end of the Term of Lease.

Trong trường hợp Hợp Đồng Thuê chấm dứt theo Điều 9 nêu trên, hoặc Bên Thuê chấm dứt Hợp Đồng Thuê trái với Pháp luật quy định trong Hợp Đồng Thuê này:

In the event that the Lease Contract is terminated pursuant to Article 9 as stated above, or the Lessee terminates the Contract in contravention of the law provided for in this Lease Contract:

- a) Bên A sẽ được quyền giữ lại và bán toàn bộ hàng hóa hoặc tài sản của Bên B trong Phần Diện Tích Thuê để thanh toán cho các khoản nợ, phạt vi phạm, bồi thường thiệt hại (nếu có) và các khoản phải thanh toán khác mà Bên B có nghĩa vụ phải trả cho Bên A theo Hợp Đồng Thuê này.

Party A shall be entitled to retain and sell all Party B's goods or assets in the Leased Area for payment of debts, fines, damage compensation (if any) and other payments that Party B is obliged to pay to Party A under this Lease Contract.

- b) Bên A được giữ lại và sử dụng toàn bộ Tiền Đặt Cọc Thuê.

Party A shall retain and use the entire deposit.

Khi Hợp Đồng Thuê chấm dứt, Bên B có trách nhiệm khôi phục lại và hoàn trả Phần Diện Tích Thuê về tình trạng ban đầu như mô tả tại Biên bản bàn giao mặt bằng, ngoại trừ các hao mòn tự nhiên được Bên A chấp thuận, trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày Hợp Đồng Thuê bị chấm dứt. Nếu Bên B không khôi phục, hoàn trả nguyên trạng như ban đầu có tình trì hoãn việc thực hiện nghĩa vụ hoặc không hoàn thành việc khôi phục nguyên trạng Phần Diện Tích Thuê trong thời hạn được quy định, Bên A có toàn quyền tự thực hiện hoặc chỉ định nhà thầu thực hiện các công việc này và Bên B có trách nhiệm thanh toán/bồi hoàn mọi khoản chi phí liên quan đến công việc nêu trên cho Bên A ngay sau khi nhận được đề nghị hoặc hóa đơn thanh toán của Bên A.

When the Lease Contract is terminated, Party B is responsible for restoring and returning the Leased Area to the initial condition as described in the Premises Handover Minutes, except for the natural wear and tear approved by Party A within thirty (30) days from the termination date of the Contract. If Party B does not restore, return the initial condition, deliberately delay the performance of obligations or failure to complete the restoration of the status within the prescribed period, Party A has full right of acting by itself or designating another contractor to carry out those tasks and Party B shall be responsible for payment/reimbursement of all expenses related to the above work to Party A right after receiving the payment request or red invoice from Party A.

Nếu sau khi chấm dứt Hợp Đồng Thuê và rời khỏi Phần Diện Tích Thuê, Bên B để lại bất cứ tài sản nào và không di dời những tài sản đó khi quá thời hạn nêu trong văn bản yêu cầu của Bên A thì những tài sản để lại này sẽ được coi là bị Bên B từ bỏ và Bên A có quyền bỏ hoặc bán những tài sản này và sử dụng số tiền thu được sau khi khấu trừ chi phí di dời, lưu kho và chi phí bán phát sinh hợp lý để thanh toán các khoản nợ của Bên B, số tiền còn lại (nếu có) sẽ thuộc sở hữu của Bên A. Trong trường hợp số tiền thu được từ việc thanh lý tài sản của Bên B không đủ bù đắp các chi phí của Bên Cho Thuê thì Bên B có nghĩa vụ thanh toán/bồi hoàn cho Bên A khoản tiền thiếu hụt đó.

If after the termination of the Lease Contract and leave the Leased Area, Party B leaves any property and does not relocate such property after the expiration of the term stated in the written request of Party A, those leaves shall be deemed to have been abandoned by Party B and Party A has the right to remove or sell those assets and use the proceeds after deducting the relocation, storage and selling expenses incurred to settle the debts of Party B, the remaining amount (if any) shall be owned by Party A. In case that the proceeds from the liquidation of Party B's assets is not enough to cover the expenses of The lessor, Party B is obliged to pay/refund to Party A such deficit.

ĐIỀU 9: VI PHẠM HỢP ĐỒNG

ARTICLE 9: BREACH OF CONTRACT

Bên B sẽ bị coi là vi phạm Hợp Đồng Thuê nếu Bên B không thực hiện hoặc thực hiện không đúng và không đầy đủ hoặc chậm thực hiện bất kỳ nghĩa vụ nào quy định trong Hợp Đồng Thuê.

Party B shall be deemed to be a breach of the Lease Contract if Party B fails to perform or improperly performs or latently perform any of the obligations as stipulated in the Lease Contract.

Trong trường hợp Bên Thuê không khắc phục vi phạm hoặc không hoàn thành việc khắc phục vi phạm trong vòng mười (10) ngày làm việc kể từ khi nhận được văn bản thông báo về vi phạm của Bên A hoặc vi phạm đó là không thể khắc phục được, Bên A sẽ được quyền:

In case the Lessee fails to rectify the breach or fails to complete the remedy within ten (10) working days after receiving the written notice of breach from Party A or such violation is impossible to overcome, Party A shall be entitled:

- a) Buộc Bên Thuê khắc phục vi phạm hoặc tự mình khắc phục vi phạm bằng chi phí và phí tổn của Bên B
To force the lessee to redress breaches or remedy them by their own way with expenses on Party B
- b) Đình chỉ hoạt động kinh doanh của Bên B, niêm phong nhà xưởng thuê, ngừng cung cấp các dịch vụ cơ bản như điện, nước, v.v tại Phần Diện Tích Thuê;
To suspend the business activities of Party B, seal up the leased factory, stop providing basic services such as electricity and water supply in the Leased Area;
- c) Chấm dứt Hợp Đồng Thuê này;
To terminate this Lease Contract;



- d) Trục xuất Bên Thuê và những người có liên quan của Bên Thuê ra khỏi Phần Diện Tích Thuê;
To expel the Lessee and its affiliates from the Leased Area;
- e) Thực hiện bất kỳ biện pháp xử lý nào khác theo quy định của luật pháp Việt Nam;
To take any other measures as stipulated by the laws of Vietnam;
- f) Phạt vi phạm hợp đồng đối với Bên Thuê số tiền tương đương 0,5% giá trị Tiền Thuê và Phí quản lý của một tháng đối với một (1) hành vi vi phạm và không quá 10% giá trị Tiền Thuê và Phí Dịch Vụ (tính trên một tháng) đối với các vi phạm trong một tháng. Phạt tiền lãi chậm thanh toán trong trường hợp vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo quy định tại khoản 3.2 Điều 3 của Hợp Đồng Thuê này đồng thời bồi thường các thiệt hại (nếu có).
To impose a penalty for breach of contract on the Lessee equivalent to 0.5% of the Lease Cost and Management Cost of one month for one (1) violation and not over 10% of the Lease Cost and Service Charge (per month) for one month's offenses. To impose overdue payment interest in the case of breach of payment obligations in accordance with Clause 3.2 of Article 3 in this Lease Contract, at the same time Party B should make compensation for damages (if any).

ĐIỀU 10: TRƯỜNG HỢP BẤT KHẢ KHÁNG
ARTICLE 10: FORCE MAJEURE

Hai Bên đồng ý miễn trừ trách nhiệm về sự mất mát, tổn thương, trễ nải, thiệt hại hay bất cứ tổn thất nào xảy đến cho Bên kia do những sự phê duyệt quy chế hay hướng dẫn của Chính phủ, do việc bộc phát tình trạng khẩn trương, các hoạt động thù nghịch, chiến tranh, các biến động dân sự, bạo loạn, bệnh dịch, bão táp, hỏa hoạn hay những nguyên nhân tương tự xảy ra ngoài tầm kiểm soát của Bên kia.

Two parties agree dissolution of responsibility for losses, injuries, delays or any damages to each other Party due to approval of regulations or instructions from the Government, due to emergency outbreak, hostile activities, war, civil fluctuations, violence, decease, storms, fire or similar reasons incurred beyond of other Party's control.

ĐIỀU 11: GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP
ARTICLE 11: DISPUTE SETTLEMENT

Các tranh chấp phát sinh trong quá trình thực hiện Hợp đồng trước hết phải được hai bên giải quyết qua thương lượng hòa giải. Trong trường hợp thương lượng hòa giải không giải quyết được tranh chấp thì hai bên sẽ đồng ý đưa vụ tranh chấp ra Tòa án Thành phố Hồ Chí Minh. Quyết định cuối cùng là quyết định của Tòa án có thẩm quyền. Bên thua kiện chịu trách nhiệm toàn bộ chi phí phát sinh (nếu có).

Disputes arisen during contract performance shall be settled by negotiation first. In the event that disputes could not resolved by negotiation then two parties shall agree to submit those disputes arbitration to Ho Chi Minh City People's Court. The final decision shall be the decision of the competent court. The losing party is responsible for all costs incurred (if any).

ĐIỀU 12: NGÔN NGỮ VÀ LUẬT PHÁP



ARTICLE 12: LANGUAGE AND APPLICABLE LAW

Ngôn ngữ/Language

Tiếng Việt và Tiếng Anh

Bilingual: Vietnamese and English

Tiếng Việt được dùng làm ngôn ngữ để cắt nghĩa các nội dung của Bản hợp đồng này.

Vietnamese shall be language to explain contents of this Contract.

Luật pháp/Applicable Law

Bản Hợp đồng này sẽ do Luật pháp Việt Nam chi phối và ràng buộc các Bên.

This Contract shall be governed and bound by Laws of Vietnam

ĐIỀU 13: ĐIỀU KHOẢN CUỐI CÙNG

ARTICLE 13: FINAL TERMS

Bản hợp đồng này thay thế cho tất cả các thỏa thuận bằng lời nói hay các trao đổi cam kết ứng thuận bằng văn bản trước đây.

This Contract shall replace all previous verbal agreements or exchange, commitments, consent in writing.

Mọi điều khoản không được quy định cụ thể tại Bản hợp đồng này sẽ được hai bên thực hiện theo Luật pháp Việt Nam.

All terms, not stated specifically in this Contract, shall be performed under Laws of Vietnam.

Bản hợp đồng này được lập thành năm (05) bản tiếng Việt mỗi bên giữ hai (02) bản. Một bản gửi ban quản lý Khu công nghệ cao TP HCM.

This Contract shall be made into five (05) Vietnamese copies; each party keeps two (02) copies. One copy shall be sent to Management Board of Saigon Hi-Tech Park.

Cả hai bên đã đọc nội dung, hoàn toàn am hiểu và nhìn nhận là thể hiện đúng ý định của mình.

Both Parties have read, fully understood and recognized that the Contract expresses their true intention.

**ĐẠI DIỆN BÊN A
PARTY A'S REPRESENTATIVE**



Nguyễn Thị Lài

**ĐẠI DIỆN BÊN B
PARTY B'S REPRESENTATIVE**

CT.HĐQT
Chairman



**KÔNG GIÁM ĐỐC
KONG VOON WEI**

A large, stylized handwritten signature in blue ink, located at the bottom right of the page.

ỦY BAN NHÂN DÂN
QUẬN 9

Số: 3097/UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Quận 9, ngày 04 tháng 11 năm 2016

**GIẤY XÁC NHẬN ĐĂNG KÝ
KẾ HOẠCH BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

Ủy ban nhân dân Quận 9 xác nhận Công ty TNHH Hinsitsu Vina đã đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường của “Dự án in ấn và các dịch vụ liên quan đến in của Công ty TNHH Hinsitsu Vina” tại địa chỉ nhà xưởng số 4, Lô I-3b-1.4 đường N6, Khu công nghệ cao, phường Tân Phú, Quận 9 vào ngày 27/10/2016.

Công ty TNHH Hinsitsu Vina có trách nhiệm thực hiện các nội dung sau:

1. Tự chịu trách nhiệm trước pháp luật về thông tin, các biện pháp bảo vệ môi trường đề xuất trong bản kế hoạch bảo vệ môi trường đã đăng ký.
2. Tổ chức thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường theo kế hoạch bảo vệ môi trường đã đăng ký và các trách nhiệm khác theo quy định tại Điều 33 Luật Bảo vệ môi trường năm 2014.
3. Công ty TNHH Hinsitsu Vina phải báo cáo với Ủy ban nhân dân Quận 9 khi có những thay đổi, điều chỉnh nội dung bản kế hoạch bảo vệ môi trường và chỉ được thực hiện khi có sự chấp nhận bằng văn bản của Ủy ban nhân dân Quận 9.

Kế hoạch bảo vệ môi trường của dự án “Dự án in ấn và các dịch vụ liên quan đến in của Công ty TNHH Hinsitsu Vina” kèm theo Giấy xác nhận đăng ký này được cấp cho Công ty TNHH Hinsitsu Vina để thực hiện và được lưu tại cơ quan Nhà nước để kiểm tra, giám sát.

Nơi nhận:

- CT TNHH Hinsitsu Vina;
- UBND Phường Tân Phú;
- BQL KCNC Tp. HCM;
- Lưu: VT, TNMT (H)



KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Thị Kim Chi

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 9 năm 2016

SỔ ĐĂNG KÝ CHỦ NGUỒN THẢI CHẤT THẢI NGUY HẠI

Mã số QLCTNH 79. 005770.T

(Cấp lần 1)

I. Thông tin chung về chủ nguồn thải CTNH:

Tên: CÔNG TY TNHH HINSITSU VINA

Địa chỉ văn phòng/trụ sở chính: Nhà xưởng số 4, lô I-3b-1.4, đường N6, Khu công nghệ cao, phường Tân Phú, quận 9, thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: 0983337443 Email: sales_hcm@hinsitsu.com

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0313918077 Ngày cấp: 18/7/2016

Nơi cấp: Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp.HCM

II. Nội dung đăng ký:

Chủ nguồn thải CTNH đã đăng ký cơ sở phát sinh CTNH kèm theo danh sách CTNH tại Phụ lục kèm theo.

III. Trách nhiệm của chủ nguồn thải:

1. Tuân thủ các quy định tại Luật Bảo vệ môi trường và các văn bản quy phạm pháp luật về môi trường có liên quan.
2. Thực hiện đúng trách nhiệm quy định tại Điều 7 Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.
3. Có trách nhiệm áp dụng các biện pháp cần thiết, thông báo cho cơ quan có thẩm quyền khi xảy ra sự cố và thực hiện nghiêm chỉnh các hướng dẫn của cơ quan này.

IV. Điều khoản thi hành:

Sổ đăng ký này có giá trị sử dụng cho đến khi cấp lại hoặc chấm dứt hoạt động. /

Nơi nhận:

- Công ty TNHH Hinsitsu Vina;

- Lưu VT; P.QLCTR (2b).

Dự thảo: Lý.



KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thị Thanh Mỹ

PHỤ LỤC

Kèm theo Sổ đăng ký chủ nguồn thải CTNH có mã số QLCTNH: 79005770.T do Sở Tài nguyên và Môi trường TP.HCM, cấp lần 1, ngày 16 tháng 9 năm 2016)

1. Cơ sở phát sinh chất thải nguy hại

Tên: **CÔNG TY TNHH HINSITSU VINA**

Địa chỉ cơ sở: Nhà xưởng số 4, lô I-3b-1.4, đường N6, Khu công nghệ cao, phường Tân Phú, quận 9, thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: 0983337443

Email: sales_hcm@hinsitsu.com

2. Danh sách chất thải nguy hại đã đăng ký phát sinh thường xuyên (ước tính)

STT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại (rắn/lỏng/bùn)	Số lượng trung bình (kg/năm)	Mã CTNH
1	Dung môi tẩy sơn thải	Lỏng	05	08 01 05
2	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	Lỏng	05	17 02 03
3	Hộp mực in thải có các thành phần nguy hại	Rắn	120	08 02 04
4	Bóng đèn huỳnh quang thải	Rắn	36	16 01 06
5	Các linh kiện điện tử thải hoặc các thiết bị điện thải	Rắn	03	16 01 13
6	Chất hấp thụ, vật liệu lọc, giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	Rắn	1.200	18 02 01
7	Bao bì mềm thải	Rắn	40	18 01 01
8	Bao bì cứng thải bằng kim loại	Rắn	40	18 01 02
9	Bao bì cứng thải bằng nhựa	Rắn	40	18 01 03
	Tổng số lượng		1.489	

3. Danh sách CTNH đã đăng ký tự tái sử dụng, sơ chế, tái chế, xử lý, đồng xử lý, thu hồi năng lượng từ CTNH tại cơ sở: (không có)



(Handwritten signature)

Số: 1277/TD-PCCC

**GIẤY CHỨNG NHẬN
THẨM DUYỆT THIẾT KẾ VỀ PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY**

Căn cứ Nghị định số 79/2014/NĐ-CP ngày 31/7/2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy;

Căn cứ Điều 7 Thông tư số 66/2014/TT-BCA ngày 16/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 79/2014/NĐ-CP ngày 31/7/2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy;

Xét hồ sơ và văn bản đề nghị thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy số đơn ngày 14/7/2015 của: Công ty TNHH TLD HI-TECH.

Người đại diện là ông/bà: Phạm Thị Thanh Hằng. Chức danh: Giám đốc

**CẢNH SÁT PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
CHỨNG NHẬN:**

Nhà xưởng xây dựng sẵn

Địa điểm xây dựng: Lô I-3b-1, khu sản xuất công nghệ cao, đường N6, khu công nghệ cao Quận 9, TP. HCM

Chủ đầu tư/chủ phương tiện: Công ty TNHH TLD HI-TECH.

Đơn vị lập dự án/thiết kế: Cty Cổ phần Xây dựng Phước Thành

Đã được thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy các nội dung sau:

- Bậc chịu lửa, giao thông phục vụ chữa cháy, giải pháp ngăn cháy, khoảng cách an toàn PCCC, lối thoát nạn;
- Hệ thống đầu báo cháy tự động, đèn sự cố, đèn thoát hiểm, cảnh báo cháy;
- Hệ thống hòng nước chữa cháy trong nhà, chữa cháy tự động Sprinkler, bình chữa cháy.
- Hệ thống chống sét đánh thẳng.

theo các tài liệu, bản vẽ ghi ở trang 2.

Nơi nhận;

- Chủ đầu tư;

- Cục CS PCCC & CNCH Bộ Công An 36504 Quyển số.....SCT;

- Phòng CS PC&CC Quận 9; tháng 11 năm 2015

- Lưu VT, P2.

Chứng thực bản sao
đúng với bản chính

TP. Hồ Chí Minh, ngày 19. tháng 10. năm 2015

GIÁM ĐỐC



PHÓ CHỦ TỊCH



Đại tá Tô Văn Bửu

**DANH MỤC TÀI LIỆU, BẢN VẼ ĐÃ ĐƯỢC
THẨM DUYỆT THIẾT KẾ VỀ PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY**

STT	TÊN TÀI LIỆU, BẢN VẼ	KÝ HIỆU	GHI CHÚ
	1. Văn bản này thay thế Giấy chứng nhận thẩm duyệt về PCCC số: 847/TD-PCCC ngày 23/7/2015 của Cảnh sát PC&CC TP. Hồ Chí Minh.		
	2. Chủ đầu tư phải thông báo bằng Văn bản đến Cảnh sát PC&CC TP. Hồ Chí Minh để kiểm tra nghiệm thu công trình trước khi đưa vào sử dụng./		
01	Kiến trúc liên quan PCCC. Quy mô xây dựng: 06 tầng	KT - 01 - 10 KC 01/04 - 04/04, 12	
02	Hệ thống đầu báo cháy tự động, đèn sự cố, đèn thoát hiểm, cảnh báo cháy; Hệ thống họng nước chữa cháy trong nhà, chữa cháy tự động Sprinkler, bình chữa cháy. Hệ thống chống sét đánh thẳng	PCCC: 01/12 - 12/12	

Số: 1277/TD-PCCC

**GIẤY CHỨNG NHẬN
THẨM DUYỆT THIẾT KẾ VỀ PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY**

Căn cứ Nghị định số 79/2014/NĐ-CP ngày 31/7/2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy;

Căn cứ Điều 7 Thông tư số 66/2014/TT-BCA ngày 16/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 79/2014/NĐ-CP ngày 31/7/2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy;

Xét hồ sơ và văn bản đề nghị thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy số đơn ngày 14/7/2015 của: Công ty TNHH TLD HI-TECH.

Người đại diện là ông/bà: Phạm Thị Thanh Hằng. Chức danh: Giám đốc

**CẢNH SÁT PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
CHỨNG NHẬN:**

Nhà xưởng xây dựng sẵn

Địa điểm xây dựng: Lô I-3b-1, khu sản xuất công nghệ cao, đường N6, khu công nghệ cao Quận 9, TP. HCM

Chủ đầu tư/chủ phương tiện: Công ty TNHH TLD HI-TECH.

Đơn vị lập dự án/thiết kế: Cty Cổ phần Xây dựng Phước Thành

Đã được thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy các nội dung sau:

- Bậc chịu lửa, giao thông phục vụ chữa cháy, giải pháp ngăn cháy, khoảng cách an toàn PCCC, lối thoát nạn;
- Hệ thống đầu báo cháy tự động, đèn sự cố, đèn thoát hiểm, cảnh báo cháy;
- Hệ thống họng nước chữa cháy trong nhà, chữa cháy tự động Sprinkler, bình chữa cháy.
- Hệ thống chống sét đánh thẳng.

theo các tài liệu, bản vẽ ghi ở trang 2.

Nơi nhận;

- Chủ đầu tư;

- Cục CS PCCC & CNCH - Bộ Công An (Số 3650/CT-ĐP)

- Phòng CS PC&CC Quận 9 (Số 11/2015/ĐP)

- Lưu VT, P2.

Chứng thực bản sao
đúng với bản chính

TP. Hồ Chí Minh, ngày 19. tháng 10. năm 2015

GIÁM ĐỐC



PHÓ CHỦ TỊCH



Đại tá Tô Văn Báu

**DANH MỤC TÀI LIỆU, BẢN VẼ ĐÃ ĐƯỢC
THẨM DUYỆT THIẾT KẾ VỀ PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY**

STT	TÊN TÀI LIỆU, BẢN VẼ	KÝ HIỆU	GHI CHÚ
<p>1. Văn bản này thay thế Giấy chứng nhận thẩm duyệt về PCCC số: 847/TD-PCCC ngày 23/7/2015 của Cảnh sát PC&CC TP. Hồ Chí Minh.</p> <p>2. Chủ đầu tư phải thông báo bằng Văn bản đến Cảnh sát PC&CC TP. Hồ Chí Minh để kiểm tra nghiệm thu công trình trước khi đưa vào sử dụng./.</p>			
01	Kiến trúc liên quan PCCC. Quy mô xây dựng: 06 tầng	KT - 01 - 10 KC 01/04 - 04/04, 12	
02	Hệ thống đầu báo cháy tự động, đèn sự cố, đèn thoát hiểm, cảnh báo cháy; Hệ thống họng nước chữa cháy trong nhà, chữa cháy tự động Sprinkler, bình chữa cháy. Hệ thống chống sét đánh thẳng	PCCC: 01/12 - 12/12	

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số 3041/QĐ-STNMT-CCBVMT

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 12 năm 2017

BẢN SAO

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường
Dự án “Đầu tư các hệ thống xử lý nước thải công nghiệp tập trung tổng
công suất 370 m³/ngày phục vụ công trình Nhà xưởng xây dựng sẵn”

tại Lô I-3b-1 đường N6, Khu công nghệ cao, Quận 9

của Công ty TNHH TLD Hi-Tech

Chứng thực sao đúng với bản chính

Số chứng thực:64 Quyển số: 1..... S

Ngày/tháng/năm 11-12-2017

GIÁM ĐỐC SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
VĂN PHÒNG CÔNG CHỨNG QU
CÔNG CHỨNG VIÊN

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23/06/2015

Căn cứ Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 27/2015/TT-BTNMT ngày 29/5/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 31/2016/TT-BTNMT ngày 14/10/2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về bảo vệ môi trường cụm công nghiệp, khu kinh doanh, dịch vụ tập trung, làng nghề và cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ;

Căn cứ Quyết định số 121/2003/QĐ-UB ngày 18/7/2003 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc thành lập Sở Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Quyết định số 04/2012/QĐ-UBND ngày 31/01/2012 của Ủy ban nhân dân Thành phố về việc chuyển đổi mô hình tổ chức Chi cục Bảo vệ môi trường thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường;

Theo đề nghị của Hội đồng thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án “Đầu tư các hệ thống xử lý nước thải công nghiệp tập trung tổng công suất 370 m³/ngày phục vụ công trình Nhà xưởng xây dựng sẵn” tại Lô I-3b-1 đường N6, Khu công nghệ cao, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh của Công ty TNHH TLD Hi-Tech, họp ngày 19/10/2017 tại Sở Tài nguyên và Môi trường;

Xét nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án “Đầu tư các hệ thống xử lý nước thải công nghiệp tập trung tổng công suất 370 m³/ngày phục vụ công trình Nhà xưởng xây dựng sẵn” tại Lô I-3b-1 đường N6, Khu công nghệ

cao, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh đã được chỉnh sửa, bổ sung kèm theo Công văn số 10/2017/CV/PL ngày 27/11/2017 của Công ty TNHH TLD Hi-Tech;

Xét đề nghị của Chi cục trưởng Chi cục Bảo vệ môi trường,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án “Đầu tư các hệ thống xử lý nước thải công nghiệp tập trung tổng công suất 370 m³/ngày phục vụ công trình Nhà xưởng xây dựng sẵn” tại Lô I-3b-1 đường N6, Khu công nghệ cao, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh (sau đây gọi là dự án) được lập bởi Công ty TNHH TLD Hi-Tech (sau đây gọi là chủ dự án) với các nội dung chủ yếu sau đây:

1. Phạm vi, quy mô của dự án:

1.1. Phạm vi: Dự án “Đầu tư các hệ thống xử lý nước thải công nghiệp tập trung tổng công suất 370 m³/ngày phục vụ công trình Nhà xưởng xây dựng sẵn” được xây dựng trên khu đất tổng diện tích 227 m² (thuộc khu đất nhà xưởng xây dựng sẵn tổng diện tích 11.311,33 m²) tại Lô I-3b-1 đường N6, Khu công nghệ cao, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh.

1.2. Quy mô: Đầu tư xây dựng 04 hệ thống xử lý nước thải cho 04 nhà xưởng xây dựng sẵn bao gồm:

- Hệ thống xử lý nước thải Nhà xưởng 1 công suất 105 m³/ngày;
- Hệ thống xử lý nước thải Nhà xưởng 2 công suất 110 m³/ngày;
- Hệ thống xử lý nước thải Nhà xưởng 3 công suất 100 m³/ngày;
- Hệ thống xử lý nước thải Nhà xưởng 4 công suất 55 m³/ngày;

2. Yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với dự án:

2.1. Thực hiện các biện pháp giảm thiểu, xử lý ô nhiễm bụi, khí thải, tiếng ồn, rung, nước thải và chất thải rắn trong giai đoạn chuẩn bị, giai đoạn thi công xây dựng, đảm bảo đạt các Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về môi trường theo QCVN 05:2013/BTNMT, QCVN 06:2009/BTNMT, QCVN 26:2010/BTNMT, QCVN 27:2010/BTNMT, QCVN 40:2011/BTNMT; có biện pháp hạn chế sự tắc nghẽn giao thông trong suốt quá trình thi công của dự án; có biện pháp thoát nước chung, đảm bảo không gây ngập úng khu vực;

2.2. Xây dựng tách riêng hệ thống thoát nước mưa và nước thải; xây dựng các hệ thống xử lý nước thải tổng công suất 370 m³/ngày, đảm bảo toàn bộ nước thải phát sinh từ giai đoạn vận hành của Dự án được thu gom

và xử lý đạt Quy chuẩn tiếp nhận và đầu nối đúng quy định vào nguồn tiếp nhận nước thải Khu công nghệ cao; xây dựng hồ ga sau xử lý thuận tiện cho công tác kiểm tra, giám sát;

2.3. Giảm thiểu và xử lý bụi, mùi, khí thải, nhiệt thừa phát sinh từ các loại máy móc, thiết bị khác trong giai đoạn vận hành của Dự án, đảm bảo đạt các Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về môi trường theo QCVN 05:2013/BTNMT, QCVN 06:2009/BTNMT, QCVN 19:2009/BTNMT, QCVN 26:2010/BTNMT, QCVN 27:2010/BTNMT;

2.4. Bố trí khu vực tập kết chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại riêng biệt. Phân loại, lưu giữ và hợp đồng với các đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại theo đúng quy định;

2.5. Thực hiện các biện pháp an toàn lao động, các phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố cháy nổ, sự cố sụt lún công trình, sự cố rò rỉ nguyên nhiên liệu và các sự cố môi trường khác;

2.6. Thực hiện chương trình quản lý môi trường trong suốt quá trình thi công xây dựng và vận hành của dự án. Thực hiện chương trình giám sát môi trường, báo cáo kết quả giám sát môi trường định kỳ cho Sở Tài nguyên và Môi trường (Chi cục Bảo vệ môi trường) và các cơ quan chức năng.

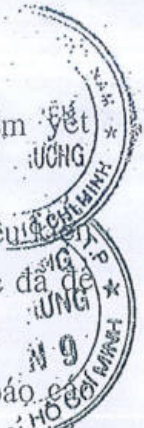
Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm:

1. Lập và gửi kế hoạch quản lý môi trường của dự án để niêm yết công khai theo quy định pháp luật.

2. Thực hiện nghiêm túc các yêu cầu về bảo vệ môi trường, các điều kiện nêu tại Điều 1 Quyết định này và các nội dung bảo vệ môi trường khác đã đề xuất trong báo cáo đánh giá tác động môi trường.

3. Trong quá trình thực hiện nếu dự án có những thay đổi so với báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt, chủ dự án phải có văn bản báo cáo và chỉ được thực hiện những thay đổi sau khi có văn bản chấp thuận của Sở Tài nguyên và Môi trường.

Điều 3. Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án "Đầu tư các hệ thống xử lý nước thải công nghiệp tập trung tổng công suất 370 m³/ngày phục vụ công trình Nhà xưởng xây dựng sẵn" tại Lô I-3b-1 đường N6, Khu công nghệ cao, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh của Công ty TNHH TLD Hi-Tech là căn cứ để cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định các bước tiếp theo của dự án theo quy định tại Khoản 2 Điều 25 Luật Bảo vệ môi trường.



[Handwritten signature]

Điều 4. Ủy nhiệm Chi cục Bảo vệ môi trường thực hiện kiểm tra các nội dung bảo vệ môi trường trong báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại Quyết định này.

Điều 5. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Quyết định gồm 04 trang, có đóng dấu giáp lai./

Nơi nhận:

- Cty TNHH.TLD Hi-Tech;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- UBND Thành phố Hồ Chí Minh;
- UBND/Phòng TNMT Quận 9;
- Ban quản lý Khu Công nghệ cao;
- Giám đốc Sở;
- Lưu: VT, TĐMT (2b).A.Thảo.09. *lưu*

KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC *ll*



Nguyễn Thị Thanh Mỹ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG DỊCH VỤ XỬ LÝ NƯỚC THẢI

Số: 24 /HĐ-BQLCDA-XLNT

Căn cứ Bộ luật dân sự số 91/2015/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa 13 thông qua ngày 24/11/2015;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường số 55/2014/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa 13 thông qua ngày 23/6/2014;

Căn cứ Luật Tài nguyên nước số 17/2012/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa 13 thông qua ngày 21/6/2012;

Căn cứ Quy chuẩn QCVN 40:2011/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp được ban hành kèm theo Thông tư số 47/2011/TT-BTNMT ngày 28/12/2011 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia môi trường;

Căn cứ Quyết định số 214/QĐ-KCNC ngày 30/12/2009 của Ban Quản lý Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh về việc công bố “Tiêu chuẩn chất lượng nước thải đầu vào của nhà máy xử lý nước thải tập trung Khu công nghệ cao TP.Hồ Chí Minh- giai đoạn 1”;

Căn cứ Quyết định số 173/QĐ-KCNC ngày 31/5/2017 của Ban Quản lý Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh về việc giao nhiệm vụ tiếp nhận, quản lý các công trình, cơ sở hạ tầng ngân sách đầu tư trong Khu Công nghệ cao và tổ chức vận hành, khai thác, sử dụng các công trình cơ sở hạ tầng kỹ thuật; thực hiện bảo trì công trình; thực hiện các hoạt động dịch vụ công cộng, các hoạt động dịch vụ có thu phí trong Khu Công nghệ cao và hoạt động dịch vụ khác theo yêu cầu của nhà đầu tư;

Căn cứ vào khả năng và nhu cầu của hai bên,

Hôm nay, ngày 01 tháng 7 năm 2017, tại Văn phòng Ban quản lý các dự án Đầu tư-Xây dựng Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh, hai bên gồm có:

BÊN A. BAN QUẢN LÝ CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ-XÂY DỰNG KHU CÔNG NGHỆ CAO THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH.

Đại diện: Ông Phạm Hữu Minh Chức vụ: Phó Giám đốc.

Theo Ủy quyền tại Quyết định số 17/QĐ-BQLCDA ngày 16/6/2017

Địa chỉ: Km 1001 Xa Lộ Hà Nội, Đường D1 Khu Công nghệ cao, P. Tân Phú, Quận 9, Thành Phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: (08) 37 360462, 37 307390 - Fax: (08) 3736 0470

Tài khoản: 31410002531451 tại Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV) – Chi nhánh Đông Sài Gòn.

Mã số thuế : 0306678152

BÊN B: CÔNG TY TNHH TLD HI-TECH

Đại diện :

Chức vụ :

Địa chỉ : Lô I -3b- 1 (Nhà xưởng 1), đường N6, KCNC, Phường Tân Phú, Quận 9, TP.HCM

Điện thoại : 08.54318330 Fax : 08.54318332

Mã số thuế : 0313329522

Bên A và Bên B cùng thống nhất ký kết hợp đồng dịch vụ xử lý nước thải với các điều khoản như sau:

Điều 1. Điểm đầu nối.

Vị trí đầu nối tại Hồ ga: *hồ ga... đường... KCNC... I-3b*

Quy cách điểm đầu nối:

(Theo văn bản đề nghị đầu nối nước thải của Cty)

Điều 2. Khối lượng nước thải.

Khối lượng nước thải đăng ký: m³/ngày.

Điều 3. Chất lượng nước thải.

1. Quy định nước thải tiếp nhận đưa vào Hệ thống xử lý nước thải tập trung Khu Công nghệ cao TP.HCM: Bao gồm nước thải sinh hoạt và nước thải sản xuất (nước thải công nghiệp).

2. Chất lượng nước thải của Bên B trước khi xả vào hệ thống xử lý nước thải của Bên A phải đảm bảo trong tiêu chuẩn cho phép của Khu Công nghệ cao theo tiêu chuẩn "Chất lượng nước thải đầu vào nhà máy xử lý tập trung - Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh - giai đoạn 1" ban hành kèm theo Quyết định số 214/QĐ-KCNC ngày 30/12/2009 (Phụ lục 2);

3. Cơ sở xác định chất lượng nước thải của Bên B được căn cứ vào kết quả quan trắc chất lượng nước thải hàng quý của bên B hoặc kết quả kiểm tra giám sát môi trường của các cơ quan chức năng, kết quả lấy mẫu nước thải đột xuất của Bên A.

4. Tiêu chuẩn chất lượng nước thải sau xử lý của Bên A trước khi xả ra môi trường đạt loại A, QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp.

Điều 4. Chất lượng dịch vụ.

Đảm bảo duy trì hoạt động ổn định dịch vụ xử lý nước thải trong suốt thời gian hiệu lực của hợp đồng

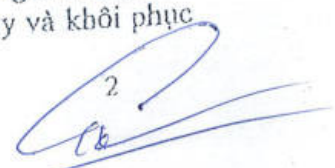
Điều 5. Quyền và nghĩa vụ của Bên A.

1. Tiếp nhận và xử lý toàn bộ nước thải (trong tiêu chuẩn quy định của Khu Công nghệ cao) theo đăng ký của Bên B.

2. Thông báo đến Bên B các thay đổi liên quan đến nội dung Hợp đồng dịch vụ xử lý nước thải (nếu có).

3. Tiếp nhận và có biện pháp giải quyết kịp thời những thắc mắc, khiếu nại của Bên B về các vấn đề liên quan đến thu gom, xử lý nước thải.

4. Khi thực hiện công việc bảo dưỡng và sửa chữa tuyến ống thu gom cũng như hệ thống xử lý nước thải, Bên A sẽ thông báo cho Bên B trước 7 ngày và khôi phục

2


hoạt động trong thời gian sớm nhất để hạn chế gián đoạn việc xử lý nước thải của Bên B.

5. Bên A có quyền lấy mẫu đột xuất để kiểm tra chất lượng nước thải của Bên B nếu thấy cần thiết.

6. Qua phân tích mẫu nước thải lấy đột xuất, nếu kết quả phân tích mẫu phát hiện có các chỉ tiêu ô nhiễm vượt tiêu chuẩn cho phép, thì Bên A và Bên B sẽ lập Biên bản ghi nhận sự việc trình cấp thẩm quyền xử lý.

7. Đối với các đơn vị có lắp đặt hệ thống quan trắc tự động chất lượng nước thải (đã được Ban Quản lý Khu Công nghệ cao Thành Phố Hồ Chí Minh nghiệm thu): các chỉ tiêu được quan trắc sẽ là cơ sở để Bên A đánh giá chất lượng nước thải của bên B.

Điều 6. Quyền và nghĩa vụ của Bên B.

1. Đầu nối hoàn chỉnh hệ thống thoát nước thải vào hệ thống thu gom xử lý nước thải tập trung theo đúng các quy định của Ban Quản lý Khu Công nghệ cao.

2. Báo cáo đúng tính chất và thành phần các chất ô nhiễm có trong nước thải, nếu phát hiện có sự thay đổi thành phần hoặc gia tăng nồng độ các chất ô nhiễm hay các hiện tượng bất thường thì Bên B phải kịp thời thông báo trước cho Bên A bằng các hình thức: fax, email và văn bản trong ngày.

3. Thực hiện việc báo cáo, kiểm tra mẫu nước thải:

- Trước khi Bên B đầu nối vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của Khu Công nghệ cao: Bên B gửi kết quả quan trắc chất lượng nước thải của Bên B cho Bên A.

- Sau đó định kỳ 03 tháng/lần, bên B tiếp tục gửi kết quả quan trắc chất lượng nước thải của Bên B cho Bên A trong tuần lễ đầu tiên của mỗi quý để giám sát.

4. Thanh toán đầy đủ, đúng kỳ hạn toàn bộ chi phí dịch vụ xử lý nước thải.

5. Bồi thường và buộc thực hiện các biện pháp khắc phục khi gây thiệt hại cho các bên liên quan theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Giá dịch vụ thoát nước và phương thức thanh toán.

1. Mức phí:

a) Phí dịch vụ xử lý nước thải công nghiệp: 0,24USD/m³ (căn cứ theo Quyết định 5754/QĐ-UBND ngày 28/12/2007 của UBND thành phố Hồ Chí Minh về một số cơ chế chính sách thu hút đầu tư vào Khu Công nghệ cao thành phố)

- Thời điểm tính phí xử lý nước thải: từ ngày ... tháng ... năm 2017

- Số tiền thanh toán phí xử lý nước thải sẽ theo hóa đơn phát hành tại thời điểm đề nghị thanh toán theo từng tháng.

- Lượng nước thải xử lý được xác định bằng:

Đối với đơn vị không lắp đặt đồng hồ đo lưu lượng nước thải: lượng nước thải được tính bằng 80% lượng nước cấp sử dụng của Bên B theo hóa đơn tiền nước hàng tháng.

Đối với đơn vị có lắp đặt đồng hồ đo lưu lượng nước thải đã được Ban Quản lý Khu Công nghệ cao nghiệm thu: lưu lượng nước thải được tính theo chỉ số của đồng hồ. Trong trường hợp đồng hồ hư hỏng, lưu lượng nước thải được áp dụng như đơn vị không lắp đặt đồng hồ đo lưu lượng nước thải.

Trường hợp phí xử lý nước thải đối với nước thải công nghiệp thay đổi thì biểu giá mới sẽ được áp dụng và Bên A sẽ thông báo bằng văn bản cho Bên B ngay sau khi Bên A nhận được chính thức biểu giá mới. Thời điểm bắt đầu áp dụng biểu giá mới sẽ căn cứ vào thời điểm mà cơ quan có thẩm quyền quy định.

2. Phương thức thanh toán:

a) Bên B thanh toán phí dịch vụ xử lý nước thải đối với nước thải công nghiệp hàng tháng bằng tiền đồng Việt Nam theo hình thức chuyển khoản trong vòng 07 ngày kể từ ngày Bên B nhận được phiếu thông báo thanh toán. Giá trị thanh toán được tính theo tỷ giá ngân hàng Đầu tư và Phát triển VN (BIDV) - chi nhánh Đông Sài Gòn tại thời điểm xuất hóa đơn.

Tên tài khoản: Ban Quản lý các dự án Đầu tư - Xây dựng Khu Công nghệ cao Thành phố

Số tài khoản: 31410002531451

Tại Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV) – Chi nhánh Đông Sài Gòn.

b) Quá thời hạn 07 ngày kể từ ngày Bên B nhận được giấy thông báo (căn cứ theo ngày Bên B ký nhận thông báo thanh toán phí dịch vụ xử lý nước thải) mà vẫn chưa thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán cho Bên A, thì Bên B phải thanh toán thêm tiền lãi quá hạn trên số nợ theo mức lãi suất của Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV) - chi nhánh Đông Sài Gòn.

Điều 8. Sửa đổi, bổ sung Hợp đồng.

Trong thời gian hiệu lực của hợp đồng, nếu một bên muốn thay đổi, hoặc bổ sung nội dung hợp đồng đã ký, thì bên đó phải thông báo cho bên kia trước 15 ngày. Bất kỳ thay đổi nào sẽ có hiệu lực nếu được lập thành văn bản và ký bởi hai bên (phụ lục sửa đổi, bổ sung hợp đồng). Nếu phụ lục sửa đổi, bổ sung có những điều khoản trái với điều khoản của hợp đồng thì xem như điều khoản đó trong hợp đồng đã được sửa đổi.

Điều 9. Chấm dứt hợp đồng.

Hợp đồng dịch vụ xử lý nước thải được chấm dứt khi xảy ra một trong những trường hợp sau đây :

1. Sau khi thực hiện xong hợp đồng, hai Bên hoàn tất nghĩa vụ với nhau và không ký lại hợp đồng mới hoặc gia hạn hợp đồng thì tiến hành thủ tục thanh lý hợp đồng.

2. Khi một trong hai bên vi phạm bất kỳ điều khoản nào trong hợp đồng hoặc vi phạm những qui định pháp luật hiện hành liên quan đến hoạt động xả thải thì hợp đồng sẽ được chấm dứt nếu như vi phạm đó đã được một trong hai Bên nhắc nhở bằng văn bản mà vẫn không khắc phục.

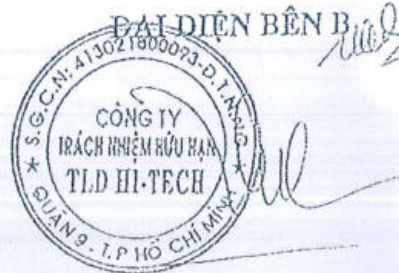
3. Một số trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

Điều 10. Điều khoản chung.

1. Hợp đồng này và các Phụ lục đính kèm là thỏa thuận toàn bộ giữa hai bên (Bên A & Bên B) về các vấn đề được nêu trong Hợp đồng.
2. Hai bên cam kết hợp tác, hỗ trợ tạo điều kiện thuận lợi cho việc thực hiện Hợp đồng.
3. Trường hợp phát sinh tranh chấp hai bên giải quyết bằng thương lượng. Nếu thương lượng không thành, thì việc tranh chấp sẽ được giải quyết theo quy định hiện hành. Phán quyết của Trọng tài là phán quyết cuối cùng và bắt buộc thực hiện.
4. Hợp đồng này có hiệu lực 01 (một) năm kể từ ngày ký. Hợp đồng này sẽ tự động được gia hạn hàng năm trừ khi Bên A hoặc Bên B có ý kiến khác.
5. Sau khi thực hiện xong hợp đồng, hai bên hoàn tất nghĩa vụ với nhau và không ký lại hợp đồng mới (hoặc Phụ lục hợp đồng) thì hợp đồng này có thêm giá trị tự thanh lý.
6. Hợp đồng dịch vụ xử lý nước thải được lập thành sáu (06) bản, mỗi bên giữ ba (03) bản và có giá trị pháp lý như nhau.



Phạm Hữu Minh



Nguyễn Thị Lai

5

UBND THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
BAN QUẢN LÝ KHU CÔNG NGHỆ CAO
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 281 /KCNC-QHXDMT

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 3 năm 2018

V/v ý kiến môi trường đối với hệ thống xử lý nước
thải công suất 50 m³/ngày đêm tại Công ty TNHH
TLD Hi-tech.

Kính gửi: Công ty TNHH TLD Hi tech

Ban Quản lý Khu Công nghệ cao (Ban Quản lý) nhận được các văn bản của Công ty TNHH TLD Hi-Tech (Công ty TLD): Văn bản số 26-T2/CV-NXH HiTech ngày 24/01/2018 về việc có ý kiến về hệ thống xử lý nước thải công suất 50m³/ngày của nhà xưởng 4 Công ty TLD và Văn bản số 26/CV-XLNT-NX4 ngày 31/01/2018 về việc yêu cầu tiếp nhận nước thải và ngưng thu phí nước thải vượt tiêu chuẩn đối với Công ty TLD. Để có cơ sở có ý kiến môi trường đối với hệ thống xử lý nước thải công suất 50m³/ngày của nhà xưởng 4 Công ty TLD, Ban Quản lý đã tiến hành kiểm tra thực tế và lấy mẫu nước thải sau hệ thống xử lý nước thải nêu trên vào ngày 07/02/2018. Sau khi kiểm tra và căn cứ vào kết quả phân tích chất lượng nước thải sau xử lý, Ban Quản lý có ý kiến như sau:

1. Công ty TLD đã hoàn thành việc xây dựng, lắp đặt và đưa vào vận hành hệ thống xử lý nước thải công suất 50 m³/ngày.đêm của nhà xưởng 4 với quy trình công nghệ xử lý như sau:

Nước thải sinh hoạt → Hồ thu TK 02
Nước thải sản xuất → Hồ thu TK01 → Bể khuấy trộn TK03 → Bể phản ứng TK 04 → Bể lắng hóa lý TK 05 } →
→ Bể điều hòa → Bể Anoxic → Bể Aerotank kết hợp màng MBR → Bể chứa nước → Hồ ga đầu nổi nước thải của Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh.
Bùn sinh ra từ quá trình xử lý → Bể chứa bùn → Định kỳ hợp đồng với đơn vị thu gom xử lý theo quy định.

2. Theo kết quả phân tích số IER-N18022009/1 ngày 26/02/2018 của Viện Môi trường và Tài nguyên, chất lượng nước thải sau hệ thống xử lý tại thời điểm kiểm tra lấy mẫu đạt Tiêu chuẩn chất lượng nước thải đầu vào của Nhà máy xử lý nước thải tập trung Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh – Giai đoạn 1 (Ban hành kèm theo Quyết định số 214/QĐ-KCNC ngày 30/12/2009 của Ban Quản lý).

3. Công ty TLD có trách nhiệm tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn, quy định về bảo vệ môi trường; thường xuyên vận hành hệ thống xử lý nước thải, lập sổ nhật ký vận hành, đảm bảo toàn bộ lượng nước thải sinh hoạt và sản xuất phát sinh từ hoạt động của các đơn vị thuê nhà xưởng 4 Công ty TLD được thu gom triệt để và xử lý đạt Tiêu chuẩn quy định của Khu Công nghệ cao; ký hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển và xử lý bùn thải phát sinh từ hệ thống xử lý

nước thải nêu trên. Riêng nước thải sản xuất có thành phần nguy hại phải được thu gom và xử lý như chất thải nguy hại theo quy định tại Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường. Thực hiện việc quan trắc môi trường theo quy định gửi về Ban Quản lý, Sở Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân Quận 9 để kiểm tra, giám sát./

Nơi nhận:

- Như trên;
 - Trưởng ban (để báo cáo);
 - Ban Quản lý Các dự án Đầu tư - Xây dựng KCNC (để phối hợp);
 - Phòng QLDN;
 - Lưu: VT, P.QHXDMT.Q.06
- Đính kèm: Kết quả phân tích số IER-N18022009/1 ngày 26/02/2018 của Viện Môi trường và Tài nguyên

KT. TRƯỞNG BAN
HỒ TRƯỞNG BAN



Lê Thành Đại

Lê Thành Đại



BẢNG KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Tên khách hàng : BAN QUẢN LÝ KCN CAO TP. HCM Số : IER-N1802009/1
 Tên mẫu : Công ty TNHH TLD HI-TECH (nhà xưởng 4-Lô II3 B1) Mô tả mẫu : Mẫu khoáng 5 lít nước
 - Hồ ga sau hệ thống xử lý nước thải. chứa trong bình nhựa
 Ngày lấy mẫu : 14h30 07.02.2018
 Đơn vị lấy mẫu : PTN Chất Lượng Môi Trường - IER Ngày nhận mẫu : 07.02.2018
 Người lấy mẫu: Phan Đình Anh Trường

TT	THÔNG SỐ PHÂN TÍCH	ĐƠN VỊ	KẾT QUẢ	TIÊU CHUẨN SO SÁNH(**)	PHƯƠNG PHÁP THỬ
1.	pH	-	5,76	5 - 9	SMEWW 4500-H ⁺ B:2012
2.	TDS	mg/l	360	-	LGW 35
3.	BOD ₅	mgO ₂ /l	9	250	SMEWW 5210 (B):2012
4.	TSS	mg/l	KPH (LOD=2)	300	SMEWW 2540 (D)-Solids:2012
5.	Amoni N-NH ₄ ⁺	mg/l	17,2	29	SMEWW 4500-NH ₄ (B):2012
6.	Tổng Nitơ	mg/l	58,5	60	TCVN 6638:2000
7.	Tổng phospho P _{tot}	mg/l	1,74	14	SMEWW 4500-P (B&D):2012
8.	Sunfua S ²⁻	mg/l	KPH (LOD=0,05)	0,5	SMEWW 4500-S ²⁻ (D):2012
9.	Dầu động thực vật	mg/l	KPH (LOD=1)	100	SMEWW 5520 (B&F):2012
10.	Tổng Coliforms	MPN/100ml	9,1	37 x 10 ⁷	SMEWW 9221 (B):2012

Ghi chú:

1. Phòng thí nghiệm đạt chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường số hiệu: VIMCERTS 138 (QĐ số 3296/QĐ-BTNMT)
2. Các kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử.
3. Thông tin tên khách hàng và tên mẫu thử được ghi trên phiếu kết quả này theo yêu cầu của khách hàng.
4. KPH: Không phát hiện, LOD: Giới hạn phát hiện, (P) Kết quả đo nhà thầu phụ thực hiện:
5. Dấu (-): Không chứa giá trị, thông tin.

Nhận xét và đánh giá: (***) Tiêu chuẩn chất lượng nước đầu vào nhà máy xử lý nước thải tập trung KCN Cao TP.HCM-GĐ1 (tiêu chuẩn do khách hàng cung cấp).

Người lập bảng

Nguyễn Thị Thanh

Trưởng Phòng Thí Nghiệm

ThS. Bùi Thị Như Phương



TP. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 02 năm 2018

Viện Trưởng

GS.TS Nguyễn Văn Phước

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG

Số: 78 /HĐ-SHTPCo-TMDV

V/v thu gom, vận chuyển chất thải rắn thông thường không nguy hại

Căn cứ Luật Thương mại số 36/2005/QH11, ngày 14/06/2005 của Quốc Hội nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam và các Nghị Định, Thông tư, văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ, nhu cầu và khả năng thực hiện 2 bên.

Hôm nay, ngày 14 tháng 9 năm 2016, tại văn phòng Công ty TNHH MTV Phát triển Khu công nghệ cao Tp.HCM, hai bên gồm có :

BÊN A: CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN PHÁT TRIỂN KHU CÔNG NGHỆ CAO TP. HCM

Đại diện: Ông **TRẦN MINH PHƯƠNG** - Chức vụ: **Trưởng Chi Nhánh Trung Tâm Thương Mại Dịch Vụ**

Văn bản số : 02/SHTPCo-HĐTV ngày 02 tháng 8 năm 2016

Trụ sở tại: 46/26 Nguyễn Cửu Vân, P.17, Quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh

VP điều hành: Khu G3, đường D1, P. Tân Phú, Quận 9, Tp. Hồ Chí Minh

Điện thoại : 08. 3730 5276 – 08. 3730 5277 - Fax : 08. 3730 5274

Mã số thuế : 0300376966

Số tài khoản: 31410000264937 tại NH Đầu tư và PT VN – CN Đông Sài Gòn

BÊN B: CÔNG TY TNHH HINSITSU VINA

Đại diện : Ông **TRẦN VĂN PHONG** - Chức vụ : **Tổng Giám đốc**

Trụ sở tại : Nhà xưởng số 4, Lô I-3b-1.4, Đường N6, Khu Công nghệ cao, Phường Tân Phú, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại : - Fax,

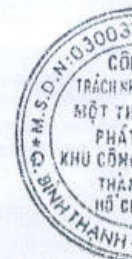
Mã số thuế : 0313918077

Số tài khoản :

Hai bên đồng ý ký kết hợp đồng thu gom, vận chuyển chất thải rắn thông thường với các điều khoản sau :

ĐIỀU 1 : NỘI DUNG DỊCH VỤ

1.1 Bên A nhận thu gom, vận chuyển toàn bộ lượng chất thải rắn thông thường cho



- 1.2 Địa điểm thu gom: Công ty TNHH Hinsitsu Vina tại Nhà xưởng số 4, Lô I-3b-1.4, Đường N6, Khu Công nghệ cao, Phường Tân Phú, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh
- 1.3 Thời gian thu gom và vận chuyển: 03 lần/tuần (vào các ngày thứ hai, thứ tư, thứ sáu)

ĐIỀU 2 : ĐƠN GIÁ VÀ PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN

- 2.1 Đơn giá thuê thùng rác và thu gom, vận chuyển xử lý chất thải sinh hoạt : (theo phụ lục hợp đồng số 01 đính kèm)
- 2.2 Phương thức thanh toán : Cuối mỗi tháng, căn cứ vào khối lượng rác thải bên A đã thu gom và vận chuyển thực tế đã được hai bên xác nhận, bên A xuất hóa đơn tài chính cho bên B và bên B thanh toán cho Bên A theo hình thức chuyển khoản sau 20 ngày kể từ ngày nhận được hóa đơn đỏ.

ĐIỀU 3 : TRÁCH NHIỆM HAI BÊN

Bên A :

- 3.1 Bảo đảm thu gom và vận chuyển toàn bộ lượng chất thải rắn thông thường đúng như thỏa thuận tại điều 1.
- 3.2 Phương tiện chuyên chở được trang bị những thiết bị bảo đảm theo đúng qui định của ngành vệ sinh môi trường.
- 3.3 Trong trường hợp xe (máy) chuyên dụng hư hỏng, Bên A sẽ sắp xếp, bố trí thay thế phương tiện để vận chuyển, bốc xếp toàn bộ chất thải trong ngày.
- 3.4 Bên A từ chối thu gom, vận chuyển hoặc có thể đơn phương chấm dứt hợp đồng nếu phát hiện các loại chất thải nguy hại và những chất liệu không hợp pháp, gây cháy, nổ hoặc hoá chất độc hại trộn lẫn trong thành phần chất thải rắn thông thường của bên B.
- 3.5 Bên A vận chuyển, bốc xếp chất thải rắn thông thường của bên B về Trạm Trung chuyển số 12 đường Quang Trung, phường 08, Q. Gò Vấp.

Bên B :

- 3.1 Có trách nhiệm bố trí khu vực chứa rác và chứa rác vào các thùng chứa rác để thuận tiện cho bên A thu gom và vận chuyển.
- 3.2 Khi bên A đến thu gom chất thải rắn thông thường, bên B sẽ có nhân viên giám sát và xác nhận khối lượng thực tế phát sinh để làm cơ sở thanh toán hàng tháng. Bên B thanh toán chi phí cho việc thu gom và vận chuyển chất thải rắn thông thường hàng tháng cho bên A sau khi nhận hoá đơn tài chính của Bên A.
- 3.3 Đảm bảo toàn bộ khối lượng chất thải rắn thông thường mà bên A thu gom và vận chuyển tại các thùng chứa rác của bên B đều phải là rác không độc hại đã được phân loại theo qui định của pháp luật.
- 3.4 Trường hợp khối lượng rác xây dựng phát sinh ngoài dự kiến, bên B phải báo trước cho bên A trước 36 giờ để bên A điều động thêm chuyến xe lấy rác như qui định tại Điều 1.

ĐIỀU 4 : ĐIỀU KHOẢN CHUNG

4.1 Hai Bên cùng đồng ý thực hiện đúng các điều khoản của Hợp đồng. Trong quá trình thực hiện Hợp đồng, nếu có hướng dẫn mới của UBND TP và các Sở, Ban, Ngành về thu gom và xử lý chất thải rắn thông thường, hai bên sẽ điều chỉnh theo đúng qui định.

4.2 Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký và sẽ kết thúc ngày 31/12/2017. Sau thời hạn trên nếu không có văn bản từ bên A hay bên B trước 15 ngày cho đến ngày hết hạn hợp đồng thì hợp đồng này mặc nhiên được gia hạn từng năm một. Nếu trong thời gian thực hiện một trong hai bên có nhu cầu thay đổi nội dung đã ký trong hợp đồng thì phải thông báo cho bên kia trước 15 ngày để cùng nhau giải quyết.

4.3 Sau khi thực hiện xong hợp đồng, hai Bên hoàn tất nghĩa vụ với nhau và không ký lại Hợp đồng mới (hoặc Phụ lục hợp đồng) thì hợp đồng này có thêm giá trị tự thanh lý.

4.4 Hợp đồng này được lập thành 06 bản tiếng Việt mỗi bên giữ 03 bản và có giá trị như nhau.

ĐẠI DIỆN BÊN A
TU. GIÁM ĐỐC



Trần Minh Phương

ĐẠI DIỆN BÊN B



TỔNG GIÁM ĐỐC

TRẦN VĂN PHONG



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

PHỤ LỤC HỢP ĐỒNG SỐ 01

(Đính kèm hợp đồng số: /HĐ-SHTPCo-TMDV)

**V/v đơn giá thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn
thông thường không nguy hại**

Hôm nay, ngày tháng năm 2016, tại văn phòng Công ty TNHH MTV
Phát triển Khu công nghệ cao Tp.HCM, hai bên gồm có :

**BÊN A: CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN PHÁT TRIỂN KHU CÔNG
NGHỆ CAO TP. HCM**

Đại diện: Ông **TRẦN MINH PHƯƠNG** - Chức vụ: **Trưởng Chi Nhánh
Trung Tâm Thương Mại Dịch Vụ**

Văn bản số : 02/SHTPCo-HĐTV ngày 02 tháng 8 năm 2016

Trụ sở tại: 46/26 Nguyễn Cửu Vân, P.17, Quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh

VP điều hành: Khu G3, đường D1, P. Tân Phú, Quận 9, Tp. Hồ Chí Minh

Điện thoại : 08. 3730 5276 – 08. 3730 5277 - Fax : 08. 3730 5274

Mã số thuế : 0300376966

Số tài khoản: 31410000264937 tại NH Đầu tư và PT VN – CN Đông Sài Gòn

BÊN B: CÔNG TY TNHH HINSITSU VINA

Đại diện : Ông **TRẦN VĂN PHONG** - Chức vụ : **Tổng Giám đốc**

Trụ sở tại : Nhà xưởng số 4, Lô I-3b-1.4, Đường N6, Khu Công nghệ cao, Phường tân
Phú, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại : - Fax

Mã số thuế : 0313918077

Số tài khoản :

Hai bên đồng ý ký kết phụ lục đơn giá hợp đồng thu gom, vận chuyển chất thải
rắn thông thường với các điều khoản sau :

ĐIỀU 1 : ĐƠN GIÁ HỢP ĐỒNG

1.1 Đơn giá thuê thùng rác:

- Thùng 240 lít: **25.000** đồng /01thùng /tháng

THÀNH PHẦN ĐƠN GIÁ THU GOM, VẬN CHUYỂN VÀ XỬ LÝ CHẤT THẢI RẮN THÔNG THƯỜNG KHÔNG NGUY HẠI

1.2 Chi phí thu gom, vận chuyển chất thải sinh hoạt:

- Rác sinh hoạt : 176.800 đồng/m³.
(Giá trên chưa bao gồm VAT 10%)

ĐIỀU 2 : ĐIỀU KHOẢN CHUNG

- 2.1 Phụ lục hợp đồng này được là một bộ phận không thể tách rời của hợp đồng số/HD-SHTPCo-TMDV
- 2.2 Phụ lục hợp đồng này được lập thành 06 bản tiếng Việt mỗi bên giữ 03 bản và có giá trị như nhau.

ĐẠI DIỆN BÊN A



[Signature]
TUQ. GIÁM ĐỐC
TRƯỞNG CHI NHÁNH
Trần Minh Phương

ĐẠI DIỆN BÊN B



TỔNG GIÁM ĐỐC
TRẦN VĂN PHONG



Hinsitsu - NH/03

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc

HỢP ĐỒNG THU GOM, VẬN CHUYỂN VÀ XỬ LÝ CHẤT THẢI NGUY HẠI
Số: 98 /HĐ.MTĐT-NH/18.1.VX

Căn cứ Bộ Luật Dân Sự số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015 của Quốc Hội Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Bộ Luật Thương Mại số 36/2005/QH11 ngày 14/06/2005 của Quốc Hội Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam và các Nghị Định, Thông Tư, các Văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ giấy phép xử lý chất thải nguy hại do Bộ Tài Nguyên và Môi Trường Thành Phố cấp ngày 25/01/2017, mã số QLCTNH: 3-4-5-6.013.VX;

Căn cứ Sổ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại mã số QLCTNH: 79.005770.T cấp ngày 16/09/2016, nơi cấp: Sở Tài nguyên và Môi trường TP.HCM,

Hôm nay, ngày 26 tháng 12 năm 2017, chúng tôi đại diện hợp pháp của:

Bên A : **CÔNG TY TNHH HINSITSU VINA**
Địa chỉ : Nhà Xưởng Số 4, Lô I-3b-1.4, Đường N6, Khu Công Nghệ Cao, Phường Tân Phú, Quận 9, Tp.HCM
Điện thoại : Fax:
Mã số thuế : 0313918077
Đại diện : Ông *Bùi Giang Nam* Chức vụ: Giám Đốc Nhà Máy

Bên B : **CÔNG TY TNHH MTV MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ TP.HCM**
Địa chỉ : 42 - 44 Võ Thị Sáu, Phường Tân Định, Quận 1, TP.HCM
Điện thoại : 3996 6834 – 3829 1975 Fax : 3996 8926 - 3829 6680
MST : 0300 438 813
Số TK : 114 00000 4523
Ngân hàng : Ngân Hàng TMCP Công Thương Việt Nam - CN TPHCM
Đại diện : Ông NGUYỄN THANH SƠN Chức vụ : Phó Giám Đốc

(Căn cứ Giấy Ủy Quyền số 434/GUQ-MTĐT ngày 26/11/2017 của Giám Đốc Công Ty TNHH MTV Môi Trường Đô Thị TP.HCM)

Hai bên đồng ý và thống nhất ký kết hợp đồng với các điều khoản và điều kiện cụ thể như sau:

ĐIỀU 1: NỘI DUNG DỊCH VỤ - GIÁ TRỊ HỢP ĐỒNG

1.1 Nội dung dịch vụ

Bên B nhận hợp đồng thu gom, vận chuyển và xử lý rác nguy hại cho bên A với chi tiết như sau:

- 1.1.1 Thời gian: Theo yêu cầu (Báo trước 03 ngày)
- 1.1.2 Địa điểm: Nhà Xưởng Số 4, Lô I-3b-1.4, Đường N6, Khu Công Nghệ Cao, Phường Tân Phú, Quận 9, Tp.HCM
- 1.1.3 Phương tiện vận chuyển: Xe chuyên dùng ngành vệ sinh đô thị.



[Handwritten signature]



- 1.1.4 Nơi xử lý CTNH: Khu xử lý chất thải nguy hại trực thuộc Công Ty Môi Trường Đô Thị Thành Phố.
- 1.1.5 Khí Bền A có những CTNH phát sinh ngoài danh mục thì phải báo cho Bên B trước để thống nhất phương án, giá xử lý và cùng ký Phụ lục bổ sung hợp đồng.
- 1.2 Giá trị hợp đồng:

Giá trị hợp đồng = Chi phí xử lý (1) + Chi phí vận chuyển (2)

Trong đó:

(1) Chi phí xử lý từng loại CTNH = (Khối lượng thực tế) x (Đơn giá xử lý)

Khối lượng thực tế dựa trên biên bản giao nhận CTNT được hai bên ký xác nhận.

Đơn giá xử lý được nêu ở bảng sau:

STT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại	Mã CTNH	Đơn vị tính	Đơn giá VNĐ/ĐVT
1	Dung môi tẩy sơn thải	Lỏng	080105	Kg	8.000
2	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	Lỏng	170203	Kg	8.000
3	Hộp mực in thải có các thành phần nguy hại	Rắn	080204	Kg	8.000
4	Bóng đèn huỳnh quang thải	Rắn	160106	Kg	40.000
5	Các linh kiện điện tử thải hoặc các thiết bị điện thải	Rắn	160113	Kg	25.000
6	Chất hấp thụ, vật liệu lọc, giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	Rắn	180201	Kg	8.000
7	Bao bì mềm thải	Rắn	180101	Kg	8.000
8	Bao bì cứng thải bằng kim loại	Rắn	180102	Kg	8.000
9	Bao bì cứng thải bằng nhựa	Rắn	180103	Kg	8.000

- Mã CTNH được ký hiệu theo hướng dẫn của Thông tư về quản lý CTNH hiện hành TT-BTNMT

(2) Chi phí vận chuyển: 2.500.000 đồng/chuyến

Đơn giá trên bao gồm 10% VAT

Ghi chú:

Đơn giá xử lý có thể thay đổi tùy thuộc vào đơn giá xử lý tại thời điểm thu gom.

Đơn giá thu gom, vận chuyển có thể tăng nếu giá nhiên liệu tăng 10% và sau khi hai bên thương thảo lại đơn giá hợp đồng.

Thời gian thay đổi giá sẽ được thông báo trước 01 tháng,

ĐIỀU 2: HIỆU LỰC HỢP ĐỒNG

Hợp đồng này có hiệu lực trong vòng mười hai (12) tháng kể từ ngày 01/01/2018 đến ngày 31/12/2018. Sau khi thực hiện xong hợp đồng, hai bên không ký lại hợp đồng mới (hoặc phụ lục hợp đồng) và không còn nợ nhau thì hợp đồng này có thêm giá trị tự thanh lý.



ĐIỀU 3: PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN

- 3.1 Cuối mỗi tháng (theo đợt chuyển giao khối lượng CTNH cụ thể), hai bên lập biên bản đối chiếu xác nhận khối lượng công việc đã thực hiện trong tháng dựa trên Biên bản giao nhận CTNH,
- 3.2 Trên cơ sở đó Bên B sẽ xuất hóa đơn tài chính kèm giấy đề nghị thanh toán, Bên A thanh toán cho Bên B trong vòng 07 ngày bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản vào tài khoản số 114000004523 – Ngân Hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi Nhánh Thành Phố Hồ Chí Minh (Chi phí chuyển khoản Bên A chịu trách nhiệm thanh toán) khi nhận đầy đủ các chứng từ hợp lệ,
- 3.3 Đồng tiền thanh toán: Việt Nam đồng.
- 3.4 Nếu Bên A không thanh toán cho Bên B đúng thời hạn hợp đồng thì Bên B sẽ tạm ngưng thu gom CTNH cho Bên A.

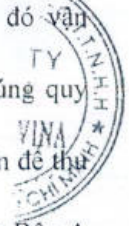
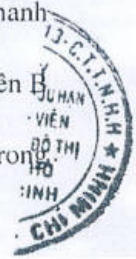
ĐIỀU 4: TRÁCH NHIỆM CỦA HAI BÊN

4.1 Trách nhiệm của bên A:

- 4.1.1 Bên A phải cung cấp bản sao Sổ chủ nguồn thải, chứng từ QLCTNH và các hồ sơ pháp lý có liên quan do Bên B yêu cầu.
- 4.1.2 CTNH phải phân thành từng loại riêng biệt và được chứa trong những thùng chứa rác chuyên dụng chuẩn có lót bao nylon, thực hiện quy định về phân loại rác tại nguồn, không được đưa các chất thải không hợp pháp, chất thải có thể gây cháy nổ vào chung CTNH.
- 4.1.3 Nơi chứa CTNH phải thuận tiện cho xe ra vào lấy CTNH. Có trách nhiệm bảo quản thùng chứa CTNH đặt của Bên B (nếu có). Không để lẫn các CTNH khác ngoài danh mục hợp đồng.
- 4.1.4 Xác nhận số lượng, khối lượng chuyển vận chuyển bằng cách ký vào chứng từ giao nhận CTNH và biên bản giao nhận của Bên B. Thanh toán chi phí cho việc giải quyết CTNH hàng tháng cho Bên B (Sau khi nhận được giấy báo đề nghị thanh toán dịch vụ và hóa đơn tài chính của Bên B).
- 4.1.5 Thông báo cho Bên B biết trước trong trường hợp khối lượng CTNH tăng để Bên B có kế hoạch điều động phương tiện thu gom. Chi phí phát sinh Bên A chịu.
- 4.1.6 Bên A chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật nếu để lẫn CTNH không có trong danh mục CTNH của nội dung hợp đồng.
- 4.1.7 Bên A phải giao đúng khối lượng và chủng loại phát sinh tại chủ nguồn thải.

4.2 Trách nhiệm của bên B

- 4.2.1 Bảo đảm giải quyết toàn bộ lượng CTNH đúng như hợp đồng đã ký kết hai bên.
- 4.2.2 Bên B phải cung cấp cho Bên A các hồ sơ pháp lý có liên quan do Bên A yêu cầu,
- 4.2.3 Hai bên cùng ký chứng từ CTNH, biên bản giao nhận CTNH trên mỗi chuyến,
- 4.2.4 Bên B sẽ thu gom CTNH của Bên A được chứa trong thùng 240L hoặc vật chứa chuyên dụng hoặc trong các bao chứa CTNH do Bên B cung cấp, sau đó vận chuyển đến nhà máy xử lý CTNH của Bên B,
- 4.2.5 Bên B đảm bảo thu gom, vận chuyển và xử lý CTNH của Bên A theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.
- 4.2.6 Trong trường hợp xe hư hỏng Bên B sẽ sắp xếp (bổ trí) thay thế phương tiện để thu gom CTNH trong thời gian sớm nhất (trong vòng 48h).
- 4.2.7 Bên B từ chối vận chuyển hoặc có thể đơn phương chấm dứt hợp đồng nếu Bên A giao CTNH không đúng theo nội dung hợp đồng.





ISO 9001
Quality
Management

ISO 14001
Environmental
Management

OHSAS 18001
Occupational
Health & Safety
Management



Hinsitsu - NH/03

ĐIỀU 5: GIẢI QUYẾT CÁC TRƯỜNG HỢP PHÁT SINH

- 5.1 Đối với Bên A, trong trường hợp ngưng hoạt động hoặc lượng chất thải nguy hại tăng quá nhiều cần phải báo ngay cho Bên B ngưng hoặc điều động thêm xe, thêm chuyến để giải quyết CTNH ngoài định kỳ đã được quy định ở Điều 1 (Bảo trước 01 ngày về số điện thoại 3996 6834 – 3996 8926).
- 5.2 Đối với Bên B, trong trường hợp máy móc gặp sự cố bất thường, cần phải thông báo ngay cho Bên A và tìm biện pháp giải quyết kịp thời không để CTNH ứ đọng làm vệ sinh, môi trường trong khu vực của Bên A.

ĐIỀU 6: TRANH CHẤP VÀ GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP

- 6.1 Trường hợp có vướng mắc trong quá trình thực hiện hợp đồng, các bên nỗ lực tối đa chủ động bàn bạc để tháo gỡ và thương lượng giải quyết.
- 6.2 Trường hợp không đạt thỏa thuận giữa các bên, việc giải quyết tranh chấp sẽ được thông qua hòa giải, trọng tài hoặc tòa án giải quyết theo quy định của Nước CHXHCN Việt Nam,

ĐIỀU 7: ĐIỀU KHOẢN CHUNG

- 7.1 Hai bên cùng đồng ý thực hiện đúng và đủ các điều khoản của hợp đồng. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, nếu có khó khăn trở ngại phát sinh hai bên sẽ cùng nhau giải quyết bằng thương lượng trên tinh thần hợp tác và hai bên cùng có lợi. Nếu 01 trong 02 bên muốn chấm dứt hợp đồng trước hạn, phải thông báo cho bên kia biết trước ba mươi (30) ngày.
- 7.2 Sau khi thực hiện hợp đồng trong vòng 03 tháng liên tiếp nếu Bên A không giao CTNH cho Bên B thì hợp đồng này sẽ tự thanh lý (không còn giá trị pháp lý).
- 7.3 Bên A tuyệt đối không được sử dụng hợp đồng này để ký hợp đồng xử lý CTNH với các chủ nguồn thải khác.
- 7.4 Hợp đồng này được thành lập thành sáu (06) bản, bằng tiếng Việt. Mỗi bên giữ ba (03) bản có giá trị như nhau.



General Manager
Bùi Giang Nam



Nguyễn Thanh Sơn

NH/THÀNH PHỐ: HỒ CHÍ MINH CHỨNG TỬ CHẤT THẢI NGUY HẠI
 SỐ: 01 - 2017/ 79.005770.T

Chủ nguồn thải: CÔNG TY TNHH HINSITSU VINA Mã số QLCTNH: 79.005770.T
 Địa chỉ văn phòng: Nhà Xưởng số 4, Lô I-3B-I.4, Đường N6, Khu Công Nghệ Cao, Phường Tân Phú, Quận 9, Tp.HCM ĐT:
 Địa chỉ cơ sở/đại lý: ĐT:
 Chủ hành nghề QLCTNH 1: CÔNG TY TNHH MTV MÔI TRƯỜNG ĐÓ THỊ TP.HCM Mã số QLCTNH: 3-4-5-6.013.VX
 Địa chỉ văn phòng: 42 - 44 Võ Thị Sáu, Phường Tân Định, Quận 1, Tp.HCM ĐT: 38291975
 Địa chỉ cơ sở: Khu Xử Lý CTNH, CTCN, Xã Đông Thạnh, Huyện Hóc Môn, Tp.HCM ĐT: 38208666
 Chủ hành nghề QLCTNH 2 (Chủ tài sử dụng): Mã số QLCTNH(Số ĐKKD/CMND):
 Địa chỉ văn phòng: ĐT:
 Địa chỉ cơ sở (nơi tài sử dụng): ĐT:
 Khai khai CTNH chuyên giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)

T	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý, (hoặc tài sử dụng) ^a
		Rắn	Lỏng	Bùn			
	Dung môi tẩy sơn thải		x		080105	/	
	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải		x		170203		
	Hộp mực in thải có các thành phần nguy hại	x			080204		
	Bóng đèn huỳnh quang thải	x			160106		
	Các linh kiện điện tử thải	x			160113		
	Chất hấp thụ, vật liệu lọc, giẻ lau nhiễm TPNH	x			180201		80
	Bao bì mềm thải	x			180101		TĐ
	Bao bì cứng thải bằng kim loại	x			180102		/
	Bao bì cứng thải bằng nhựa	x			180103		

hi lần lượt (ký hiệu) các phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: Thu hồi/tái chế (TC); Trung hòa (TH); Phân tách/triệt/loại...(PT); Oxy hóa (OH); Kết (KT); Hóa rắn/ổn định hóa/đầu tính hóa...(HR); Lò xi măng (XN); Lò đốt chuyên dụng (LD); Sinh học (SH); Chôn lấp (CL); khác (ghi rõ tên phương pháp).

Xuất khẩu CTNH: Có: Không: Nước nhập khẩu: Cảng nhập khẩu:
 Số phương tiện: 51C-05179 Ngày xuất cảng: Cảng xuất khẩu:

Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và chủng loại CTNH như đã kê khai ở mục 4

Họ tên người nhận thay mặt chủ vận chuyển 1: Ngô Đình Lê Khoa Ký: *[Signature]* Ngày: 14 Tháng: 04 Năm: 2017
 Họ tên người nhận thay mặt chủ vận chuyển 2: Ký: Ngày: Tháng: Năm:
 Họ tên người nhận thay mặt chủ xử lý, tiêu hủy: *Tăng Văn Hiến* Ký: *[Signature]* Ngày: 17-04-2017 Tháng: Năm:

Chủ nguồn thải xác nhận đã thông nhất với chủ vận chuyển và chủ xử lý, tiêu hủy kê khai chi tiết các thông tin ở mục 1 - 4 (hoặc 5) 8. Chủ xử lý, tiêu hủy xác nhận đã hoàn thành việc xử lý, tiêu hủy an toàn tất cả CTNH bằng phương pháp như kê khai ở mục 4



(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh, đóng dấu) Ngày: 14 Tháng: 04 Năm: 2017



(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh, đóng dấu) Ngày: 12-05-2017 Tháng: Năm:

Liên: 1□ - 2□ 2^S□ - 2^T□ - 3□ - 3^S□ - 3^T□ - 4□ - 5^S□

[Handwritten signature]

TỈNH/THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH CHUNG TỬ CHẤT THAI NGUY HẠI SỐ:-2018/ 79.005770.T

1. Chủ nguồn thải: CÔNG TY TNHH HINSITSU VINA Mã số QLCTNH: 79.005770.T
 Địa chỉ văn phòng: Xưởng số 4 Lô I-3b-I.4, Đường N6, Khu Công Nghệ Cao, Phường Tân Phú, Quận 9, Tp.HCM ĐT:
 Địa chỉ cơ sở/đại lý: ĐT:

2. Chủ hành nghề QLCTNH 1: CÔNG TY TNHH MTV MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ TP.HCM Mã số QLCTNH: 3-4-5-6.013.VX
 Địa chỉ văn phòng: 42 - 44 Võ Thị Sáu, Phường Tân Định, Quận 1, Tp.HCM ĐT: 02838291975

3. Chủ hành nghề QLCTNH 2: CÔNG TY TNHH MTV MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ TP.HCM Mã số QLCTNH: 3-4-5-6.013.VX
 Địa chỉ văn phòng: 42 - 44 Võ Thị Sáu, Phường Tân Định, Quận 1, Tp.HCM ĐT: ĐT: 02838291975
 Địa chỉ cơ sở: Khu Xử Lý CTNH, CTCN, Xã Đông Thạnh, Huyện Hóc Môn, Tp.HCM ĐT: ĐT: 02838291975

4. Kế khai CTNH chuyên gia (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)

STT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý, (hoặc tái sử dụng)*		
		Rắn	Lỏng	Bùn					
1	Dung môi tẩy sơn thải		x		080105	/	PH-HR-CL		
2	Dầu động cơ hộp số và bôi trơn thải		x		170203				
3	Hộp mực in thải	x			080204				
4	Bóng đèn huỳnh quang thải	x			160106				
5	Các thiết bị linh kiện điện tử thải	x			160113				
6	Giẻ lau vải bảo vệ chất hấp thu nhiễm TPNH	x			180201			129	TĐ
7	Bao bì mềm thải	x			180101			1	SR
8	Bao bì bằng kim loại thải	x			180102			2	
9	Bao bì cứng bằng nhựa thải	x			180103			1	

Ghi lần lượt (ký hiệu) các phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: Thu hồi/tái chế (TC); Trung hòa (TH); Phân tách/triệt lọc.(PT); Oxy hóa (OH); Kết tủa (KT); Hóa rắn/ổn định hóa/thủy tinh hóa...(HR); Lò xi măng (XM); Lò đốt chuyên dụng (LD); Sinh học (SH); Chôn lấp (CL); khác (ghi rõ tên phương pháp).

5. Xuất khẩu CTNH: Có: Không: Nước nhập khẩu: Cảng nhập khẩu: Số phương tiện: Ngày xuất cảng: Cảng xuất khẩu:

6. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và chủng loại CTNH như đã kê khai ở mục 4


6.1. Họ tên người nhận thay mặt chủ QLCTNH 1: Lê Hữu Thiện-CN Môi Trường Đô Thị Gia Định Ký: Ngày Tháng Năm 12 12 2018

6.2. Họ tên người nhận thay mặt chủ QLCTNH 2: Đoàn Khắc Hưng Ký: Ngày Tháng Năm 18-12-2018

7. Chủ nguồn thải xác nhận đã thông nhất với chủ vận chuyển và chủ xử lý, tiêu hủy kế khai chính xác các thông tin ở mục 1 - 4 (hoặc 5)
 8. Chủ xử lý, tiêu hủy xác nhận đã hoàn thành việc xử lý, tiêu hủy an toàn tất cả CTNH bằng phương pháp như kê khai ở mục 4

Tp.Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 12 năm 2018
 CÔNG TY TNHH HINSITSU VINA

 General Manager
 Bùi Giang Nam

Tp.Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2018
 CÔNG TY TNHH MTV MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ TP.HCM
 PHÓ GIÁM ĐỐC

 THANH SƠN

(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh, đóng dấu) Ngày Tháng Năm 17 12 2018

(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh, đóng dấu) Ngày Tháng Năm 26-12-2018





HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Mẫu số : 01GTKT3/002

Ký hiệu : HT/18P

Số : 0000139

Liên 2: Giao cho người mua

Ngày ...21...tháng ...10...năm 20...18...

Đơn vị bán hàng: **CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN TLD HI-TECH**Mã số thuế : **0313329522**Địa chỉ : **Lô I-3b-1(Nhà xưởng 1), Đường N6, Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh,
Phường Tân Phú, Quận 9, Thành Phố Hồ Chí Minh, Việt Nam**Điện thoại : **028 5431 8330**Fax: **028 5431 8322**

Số tài khoản :

Họ tên người mua hàng :

Tên đơn vị : **CÔNG TY TNHH HINSITSU VINA**Mã số thuế : **0313918077**Địa chỉ : **Nhà xưởng số 4, Lô I-3b-1.A, Đường N6, Khu Công Nghệ Cao, P.Tân Phú, Quận 9, TP.HCM**Hình thức thanh toán : **Chuyển khoản...Số tài khoản :**

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6) = (4) x (5)
1	Tiền nước sử dụng tháng 10/2018 (đính kèm theo thông báo thu phí)				728.640

Cộng tiền hàng : 728.640

Thuế suất GTGT : **5.....%**

Tiền thuế GTGT : 36.432

Tổng cộng tiền thanh toán : 765.072

Số tiền viết bằng chữ : **Bảy trăm sáu mươi lăm nghìn, không trăm bảy mươi hai đồng chẵn**Người mua hàng
(Ký, ghi rõ họ, tên)

BÁN HÀNG QUA ĐIỆN THOẠI

Người bán hàng
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ, tên)

Nguyễn Thị Lai

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi tập giao, nhận hóa đơn)



THÔNG BÁO THU PHÍ - THÁNG 10 NĂM 2018
PAYMET NOTICE - October 2018
TỪ NGÀY 29/09/2018 ĐẾN NGÀY: 30/10/2018

Tên khách hàng/Customer name : Công ty TNHH Hinsitsu Vina

Địa chỉ/Address : Tầng 1 - Nhà xưởng 4/ Level 1 - Factory 4

Diện tích/Total area: 1,224.00 m²

STT No.	Loại phí Fees	Chỉ số cũ Prev month	Chỉ số mới Current month	Tiêu thụ Consumption	Đơn giá Unit price	Thành tiền Total	Ghi chú Noted
1	Nước/Water fee	1,337.00	1,406.00	69.00	10,560	728,640	
	Tổng phát sinh/Total monthly accrued expence					728,640	
	Thuế giá trị gia tăng (VAT)/ Value - added tax (5%)					36,432	
	Tổng thanh toán (Bao gồm VAT)/ Amount total (inc VAT)					765,072	

Bằng tiền : Bảy trăm sáu mươi lăm ngàn không trăm bảy mươi hai đồng.

By words: Seven hundred sixty-five thousand, seventy-two thousand vietnam dong

Thời hạn đóng tiền trong vòng 10 ngày kể từ ngày nhận phiếu thông báo thanh toán.

Time limit for payment within 10 days after receiving notice of payment.

Vui lòng chuyển tiền vào tài khoản sau:

Please transfer money to the account:

Tên chủ TK/Account name: Công ty TNHH TLD HI-TECH

Số TK/ Account: 1407 0407 000 3254

Ngân Hàng/Bank: NH HDBANK – CN ĐồngNai – PGD QuangVinh

Date/ Ngày 31 tháng 10 năm 2018

Công ty TNHH TLD HI-TECH

* Để biết thêm thông tin chi tiết xin vui ờng liên hệ với BQL tòa nhà

* Please contact with Management Boardfor more infomation



GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thị Lai



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Liên 2: Giao cho người mua
Ngày ..30...tháng ..11...năm 2018.....

Mẫu số : 01GTKT3/002

Ký hiệu : HT/18P

Số: 0000151

Đơn vị bán hàng: **CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN TLD HI-TECH**
Mã số thuế : **0313329522**
Địa chỉ : **Lô I-3b-1(Nhà xưởng 1), Đường N6, Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh, Phường Tân Phú, Quận 9, Thành Phố Hồ Chí Minh, Việt Nam**
Điện thoại : **028 5431 8330** Fax: **028 5431 8322**
Số tài khoản :

Họ tên người mua hàng :
Tên đơn vị : **CÔNG TY TNHH HINSITSU.VINA**.....
Mã số thuế : **0313918077**.....
Địa chỉ : **Nhà xưởng số 4, Lô I-3b-1.4, Đường N6, Khu Công Nghệ Cao, P. Tân Phú, Quận 9, TP.HCM**.....
Hình thức thanh toán : **Chuyển khoản**...Số tài khoản :

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6) = (4) x (5)
1	Nước sử dụng tháng 11/2018 (đính kèm theo thông báo thu phí)				728.640

Cộng tiền hàng : 728.640
Thuế suất GTGT : **5%**.....% Tiền thuế GTGT : 36.432
Tổng cộng tiền thanh toán : 765.072

Số tiền viết bằng chữ : *Bảy trăm sáu mươi lăm nghìn, không trăm bảy mươi hai đồng chẵn*

Người mua hàng
(Ký, ghi rõ họ, tên)

BÁN HÀNG QUA ĐIỆN THOẠI



Người bán hàng
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ, tên)

Nguyễn Thị Lai

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hoá đơn)



THÔNG BÁO THU PHÍ - THÁNG 11 NĂM 2018
PAYMET NOTICE - NOVEMBER 2018
TỪ NGÀY 31/10/2018 ĐẾN NGÀY: 29/11/2018

Tên khách hàng/Customer name : Công ty TNHH Hinsitsu Vina

Địa chỉ/Address : Tầng 1 - Nhà xưởng 4/ Level 1 - Factory 4

Diện tích/Total area: 1,224.00 m²

STT No.	Loại phí Fees	Chỉ số cũ Prev month	Chỉ số mới Current month	Tiêu thụ Consumption	Đơn giá Unit price	Thành tiền Total	Ghi chú Noted
1	Nước/Water fee	1,406.00	1,475.00	69.00	10,560	728,640	
Tổng phát sinh/Total monthly accrued expence						728,640	
Thuế giá trị gia tăng (VAT)/ Value - added tax (5%)						36,432	
Tổng thanh toán (Bao gồm VAT)/ Amount total (inc VAT)						765,072	

Bằng tiền : Bảy trăm sáu mươi lăm ngàn không trăm bảy mươi hai đồng.

By words: Seven hundred sixty-five thousand, seventy-two thousand vietnam dong

Thời hạn đóng tiền trong vòng 10 ngày kể từ ngày nhận phiếu thông báo thanh toán.

Time limit for payment within 10 days after receiving notice of payment.

Vui lòng chuyển tiền vào tài khoản sau:

Please transfer money to the account:

Tên chủ TK/Account name: Công ty TNHH TLD HI-TECH

Số TK/ Account: 1407 0407 000 3254

Ngân Hàng/Bank: NH HDBANK – CN ĐồngNai – PGD QuangVinh



* Để biết thêm thông tin chi tiết xin vui lòng liên hệ với BQL tòa nhà

* Please contact with Management Board for more information

Nguyễn Chi Lai



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Mẫu số : 01GTKT3/002

Ký hiệu : HT/18P

Số: 0000174

Liên 2: Giao cho người mua

Ngày ...25...tháng ...12...năm 20...18...

Đơn vị bán hàng: **CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN TLD HI-TECH**

Mã số thuế : 0313329522

Địa chỉ : Lô I-3b-1(Nhà xưởng 1), Đường N6, Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh,
Phường Tân Phú, Quận 9, Thành Phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại : 028 5431 8330

Fax: 028 5431 8322

Số tài khoản :

Họ tên người mua hàng :

Tên đơn vị :CÔNG TY TNHH HIENSITSU.VINA.....

Mã số thuế :0313210077.....

Địa chỉ :Nhà xưởng số 1, Lô I.3b-1.A... Đường N6, Khu Công Nghệ Cao, P.Tân Phú, Quận 9, TP.HCM.....

Hình thức thanh toán :Chuyển khoản...Số tài khoản :

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6) = (4) x (5)
1	Phí quản lý và sử dụng dịch vụ tháng 12/2018 (đính kèm theo thông báo thu phí)				30.245.638

Cộng tiền hàng : 30.245.636

Thuế suất GTGT : 10 %

Tiền thuế GTGT : 3.024.564

Tổng cộng tiền thanh toán : 33.270.200

Số tiền viết bằng chữ : Ba mươi ba triệu, hai trăm bảy mươi nghìn, hai trăm đồng chẵn

Người mua hàng
(Ký, ghi rõ họ, tên)

BÁN HÀNG QUA ĐIỆN THOẠI

Người bán hàng
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ, tên)

Nguyễn Thị Lai

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi (g), giao, nhận hóa đơn)



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Mẫu số : 01GTKT3/002

Ký hiệu : HT/18P

Số: 0000152

Liên 2: Giao cho người mua
Ngày ...30...tháng ...11...năm 20.18....

Đơn vị bán hàng: **CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN TLD HI-TECH**
Mã số thuế : **0313329522**
Địa chỉ : **Lô I-3b-1(Nhà xưởng 1), Đường N6, Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh, Phường Tân Phú, Quận 9, Thành Phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.**
Điện thoại : **028 5431 8330** Fax: **028 5431 8322**
Số tài khoản :

Họ tên người mua hàng :
Tên đơn vị : **CÔNG TY TNHH HINSITSLI.VINA**
Mã số thuế : **0313918077**
Địa chỉ : **Nhà xưởng số 4, Lô I.3b.1.4, Đường N6, Khu Công Nghệ Cao, P.Tân Phú, Quận 9, TP.HCM**
.....
Hình thức thanh toán : **Chuyển khoản** Số tài khoản :

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6) = (4) x (5)
1	Phí quản lý và sử dụng dịch vụ tháng 11/2018 (đính kèm theo thông báo thu phí)				33.079.127

Cộng tiền hàng : 33.079.127
Thuế suất GTGT : **10** % Tiền thuế GTGT : 3.307.913
Tổng cộng tiền thanh toán : 36.387.040

Số tiền viết bằng chữ : **Ba mươi sáu triệu, ba trăm tám mươi bảy nghìn, không trăm bốn mươi đồng chẵn**

Người mua hàng
(Ký, ghi rõ họ, tên)

BÁN HÀNG QUA ĐIỆN THOẠI

Người bán hàng
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ, tên)
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN TLD HI-TECH
QUẬN 9 - TP. HỒ CHÍ MINH
Nguyễn Thị Lai

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hoá đơn)



HÓA ĐƠN
GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Mẫu số : 01GTKT3/002

Ký hiệu : HT/18P

Số: 0000140

Liên 2: Giao cho người mua

Ngày ...31...tháng ...10...năm 20...18...

Đơn vị bán hàng: **CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN TLD HI-TECH**

Mã số thuế : **0313329522**

Địa chỉ : **Lô 1-3b-1(Nhà xưởng 1), Đường N6, Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh, Phường Tân Phú, Quận 9, Thành Phố Hồ Chí Minh, Việt Nam**

Điện thoại : **028 5431 8330**

Fax: **028 5431 8322**

Số tài khoản :

Họ tên người mua hàng :

Tên đơn vị : **CÔNG TY TNHH INTUANKIET**

Mã số thuế : **0313918077**

Địa chỉ : **Nhà xưởng số 4, Lô 1-3b-1.4, Đường N6, Khu Công Nghệ Cao, P. Tân Phú, Quận 9, TP. HCM**

Hình thức thanh toán : **Chuyển khoản** Số tài khoản :

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6) = (4) x (5)
1	Phí quản lý và sử dụng dịch vụ tháng 10/2018 (đính kèm theo thông báo thu phí)				30.930.350

Cộng tiền hàng : 30.930.350

Thuế suất GTGT : ...10.....%

Tiền thuế GTGT : 3.093.035

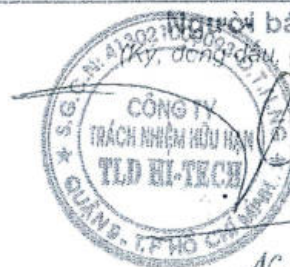
Tổng cộng tiền thanh toán : 34.023.385

Số tiền viết bằng chữ : *Ba mươi bốn triệu, không trăm hai mươi ba nghìn, ba trăm tám mươi lăm đồng chẵn*

Người mua hàng
(Ký, ghi rõ họ, tên)

BÁN HÀNG QUA ĐIỆN THOẠI

Người bán hàng
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ, tên)



Nguyễn Thị Lài

(Các kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hoá đơn)



THÔNG BÁO THU PHÍ - THÁNG 10 NĂM 2018
PAYMET NOTICE - October 2018

TỪ NGÀY 29/09/2018 ĐẾN NGÀY: 30/10/2018

Tên khách hàng/Customer name : Công ty TNHH Hinsitsu Vina

Địa chỉ/Address : Tầng 1 - Nhà xưởng 4/ Level 1 - Factory 4

Diện tích/Total area: 1,224.00 m² Đơn giá phí quản lý/ Monthly management fee: 2,000 VNĐ/m²/tháng

VND

STT No.	Loại phí Fees	Chỉ số cũ Prev month	Chỉ số mới Current month	Tiêu thụ Consumption	Đơn giá Unit price	Thành tiền Total	Ghi chú Noted
1	Phí quản lý/Management fee				2,000	2,448,000	
2	Nước/Water fee	1,337.00	1,406.00	69.00	-	-	
3	XLNT/waste water treatment fee	1,069.60	1,124.80	55.20	6,008.00	331,642	
4	Điện/Electric fee	322,860.80	338,212.80	15,352.00			
4.1	Thấp điểm/Level 1	55,598.40	57,281.60	1,683.20	918	1,545,178	
4.2	Bình thường/Level 2	187,462.40	196,939.20	9,476.80	1,452	13,760,314	
4.3	Cao điểm/Level 3	79,800.00	83,992.00	4,192.00	2,673	11,205,216	
5	Phí giữ xe/ Paking sevice			41.00	40,000	1,640,000	
	Tổng phát sinh/Total monthly accrued expence					30,930,350	
	Thuế giá trị gia tăng (VAT)/ Value - added tax					3,093,035	
	Tổng/Total					34,023,385	

Bằng tiền : Ba mươi bốn triệu không trăm hai mươi ba ngàn ba trăm tám mươi lăm đồng.

By words : Thirty-four million, twenty-three thousand, three hundred eighty-five vietnam dong

Thời hạn đóng tiền trong vòng 10 ngày kể từ ngày nhận phiếu thông báo thanh toán.

Time limit for payment within 10 days after receiving notice of payment.

Vui lòng chuyển tiền vào tài khoản sau:

Please transfer money to the account:

Tên chủ TK/Account name: Công ty TNHH TLD HI-TECH

Số TK/ Account: 1407 0407 000 3254

Ngân Hàng/Bank: NH HDBANK – PGD Quang Vinh – CN Đồng Nai

Date/ Ngày 31 tháng 10 năm 2018

Công ty TNHH TLD HI-TECH



GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thị Lai

* Để biết thêm thông tin chi tiết xin vui lòng liên hệ với BQL tòa nhà

* Please contact with Management Board for more information



THÔNG BÁO THU PHÍ - THÁNG 11 NĂM 2018
PAYMET NOTICE - NOVEMBER 2018
TỪ NGÀY 31/10/2018 ĐẾN NGÀY: 29/11/2018

Tên khách hàng/Customer name : Công ty TNHH Hinsitsu Vina

Địa chỉ/Address : Tầng 1 - Nhà xưởng 4/ Level 1 - Factory 4

Diện tích/Total area: 1,224.00 m²

Đơn giá phí quản lý/ Monthly management fee: 2,000 VNĐ/m²/tháng

VND

STT No.	Loại phí Fees	Chỉ số cũ Prev month	Chỉ số mới Current month	Tiêu thụ Consumption	Đơn giá Unit price	Thành tiền Total	Ghi chú Noted
1	Phí quản lý/Management fee				2,000	2,448,000	
2	Nước/Water fee	1,406.00	1,475.00	69.00	-	-	
3	XLNT/waste water treatment fee	1,124.80	1,180.00	55.20	6,008.00	331,642	
4	Điện/Electric fee	338,212.80	355,169.60	16,956.80			
4.1	Thấp điểm/Level 1	57,281.60	59,875.20	2,593.60	918	2,380,925	
4.2	Bình thường/Level 2	196,939.20	206,860.80	9,921.60	1,452	14,406,163	
4.3	Cao điểm/Level 3	83,992.00	88,433.60	4,441.60	2,673	11,872,397	
5	Phí giữ xe/ Paking sevice			41.00	40,000	1,640,000	
	Tổng phát sinh/Total monthly accrued expence					33,079,127	
	Thuế giá trị gia tăng (VAT)/ Value - added tax					3,307,913	
	Tổng/Total					36,387,040	

Bằng tiền : Ba mươi sáu triệu ba trăm tám mươi bảy ngàn không trăm bốn mươi đồng.

By words : Thirty six million one hundred eighty seven thousand and fourty vietnam dong

Thời hạn đóng tiền trong vòng 10 ngày kể từ ngày nhận phiếu thông báo thanh toán.

Time limit for payment within 10 days after receiving notice of payment.

Vui lòng chuyển tiền vào tài khoản sau:

Please transfer money to the account:

Tên chủ TK/Account name: Công ty TNHH TLD HI-TECH

Số TK/ Account: 1407 0407 000 3254

Ngân Hàng/Bank: NH HDBANK – PGD QuangVinh – CN Đồng Nai

Date/ Ngày 30 tháng 11 năm 2018

Công ty TNHH TLD HI-TECH



* Để biết thêm thông tin chi tiết xin vui lòng liên hệ với BQL tòa nhà

* Please contact with Management Board for more information

Nguyễn Thị Lai



THÔNG BÁO THU PHÍ - THÁNG 12 NĂM 2018
PAYMET NOTICE - DECEMBER 2018
TỪ NGÀY 30/11/2018 ĐẾN NGÀY: 25/12/2018

Tên khách hàng/Customer name : Công ty TNHH Hinsitsu Vina

Địa chỉ/Address : Tầng 1 - Nhà xưởng 4/ Level 1 - Factory 4

Diện tích/Total area: 1,224.00 m²

Đơn giá phí quản lý/ Monthly management fee: 2,000 VNĐ/m²/tháng

VND

STT No.	Loại phí Fees	Chỉ số cũ Prev-month	Chỉ số mới Current month	Tiêu thụ Consumption	Đơn giá Unit price	Thành tiền Total	Ghi chú Noted
1	Phí quản lý/Management fee				2,000	2,448,000	
2	Nước/Water fee	1,475.00	1,531.00	56.00	-	-	-
3	XLNT/waste water treatment fee	1,180.00	1,224.80	44.80	6,008.00	269,158	
4	Điện/Electric fee	355,169.60	371,929.60	16,760.00			
4.1	Thấp điểm/Level 1	59,875.20	64,265.60	4,390.40	918	4,030,387	
4.2	Bình thường/Level 2	206,860.80	216,038.40	9,177.60	1,452	13,325,875	
4.3	Cao điểm/Level 3	88,433.60	91,625.60	3,192.00	2,673	8,532,216	
5	Phí giữ xe/ Paking sevice			41.00	40,000	1,640,000	
	Tổng phát sinh/Total monthly accrued expence					30,245,636	
	Thuế giá trị gia tăng (VAT)/ Value - added tax					3,024,564	
	Tổng/Total					33,270,200	

Bằng tiền : Ba mươi ba triệu hai trăm bảy mươi ngàn hai trăm đồng.

By words : Thirty three million two hundred seventy thousand and two hundred vietnam dong

Thời hạn đóng tiền trong vòng 10 ngày kể từ ngày nhận phiếu thông báo thanh toán.

Time limit for payment within 10 days after receiving notice of payment.

Vui lòng chuyển tiền vào tài khoản sau:

Please transfer money to the account:

Tên chủ TK/Account name: Công ty TNHH TLD HI-TECH

Số TK/ Account: 1407 0407 000 3254

Ngân Hàng/Bank: NH HDBANK – PGD Quang Vinh – CN Đồng Nai

Date/ Ngày 25 tháng 12 năm 2018

Công ty TNHH TLD HI-TECH

- * Để biết thêm thông tin chi tiết xin vui lòng liên hệ với BQL tòa nhà
- * Please contact with Management Board for more information



Nguyễn Thị Lai

BẢNG TỔNG HỢP TÌNH HÌNH SỬ DỤNG NGUYÊN LIỆU

Tháng	2017		2018	
	Pepar,PET, PP,PC,PE (M2)	Mực (Kg)	Pepar,PET, PP,PC,PE (M2)	Mực (Kg)
Tháng 1	1,502	6	12,199	5
Tháng 2	3,050	-	5,282	3
Tháng 3	18,970	8	5,717	2
Tháng 4	4,510	5	8,092	6
Tháng 5	10,706	4	6,195	5
Tháng 6	4,925	3	7,624	9
Tháng 7	11,704	6	15,684	12
Tháng 8	11,557	5	8,189	6
Tháng 9	17,951	7	15,543	8
Tháng 10	11,123	9	9,538	7
Tháng 11	10,146	5	8,306	7
Tháng 12	13,223	3	12,402	8
Tổng cộng	119,367	61	114,771	78

Người lập



Nguyễn Thị Lý

Phê duyệt



General Manager

Bùi Giang Nam



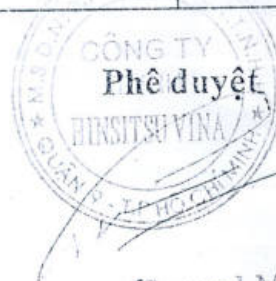
BẢNG TỔNG HỢP TÌNH HÌNH SỬ DỤNG ĐIỆN + NƯỚC

Tháng	2017		2018	
	Điện (KW)	Nước (M3)	Điện (KW)	Nước (M3)
Tháng 1	5,024	26	15,584	63
Tháng 2	6,720	27	12,613	49
Tháng 3	10,720	39	20,144	67
Tháng 4	12,160	41	19,409	57
Tháng 5	10,720	39	23,806	69
Tháng 6	13,922	47	24,426	81
Tháng 7	14,176	53	23,952	66
Tháng 8	21,562	60	24,956	87
Tháng 9	22,963	54	22,493	91
Tháng 10	21,040	55	15,352	69
Tháng 11	21,576	61	16,937	72
Tháng 12	20,238	69	16,760	56
Tổng cộng	180,821	571	236,432	827

Người lập



Nguyễn Thị Lý



General Manager
Bùi Giang Nam



BẢNG TỔNG THÀNH PHẨM BÁN RA

Tháng	2017	2018
	ĐVT (nghìn chiếc)	ĐVT (nghìn chiếc)
Tháng 1	4,778	5,493
Tháng 2	2,472	3,595
Tháng 3	6,046	4,674
Tháng 4	4,339	5,933
Tháng 5	6,545	5,711
Tháng 6	4,738	4,708
Tháng 7	6,677	7,915
Tháng 8	6,239	7,449
Tháng 9	8,251	8,402
Tháng 10	5,901	5,461
Tháng 11	5,415	5,585
Tháng 12	6,683	6,647
Tổng cộng	68,084	71,572

Người lập



Nguyễn Thị Lý



General Manager

Đài Giang Nam





CÔNG TY CP TƯ VẤN MÔI TRƯỜNG SÀI GÒN
PHÒNG THÍ NGHIỆM MÔI TRƯỜNG

Đc: 45/1 Bùi Quang Là, P.12, Q.Gò Vấp, TP.Hồ Chí Minh
 ĐT: (84.8).38 956 011 Hotline:0917 340 641
 Website: www.moitruongsaiгон.com.vn



KẾT QUẢ ĐO ĐẠC

Số: 376-12/16/KQ

- Đơn vị yêu cầu : CÔNG TY TNHH HINSITSU VINA
- Địa điểm lấy mẫu : CÔNG TY TNHH HINSITSU VINA
- Địa chỉ : Nhà xưởng số 4, lô I-3b-1.4, đường N6, Khu công nghệ cao, P. Tân Phú, Quận 9, TP. HCM
- Ngày lấy mẫu : 30/11/2016 Ngày trả kết quả: 07/12/2016
- Cán bộ lấy mẫu : Lê Trọng Tuấn
- Loại mẫu : Vi khí hậu & Tiếng ồn
- Phương pháp đo đạc và phân tích:

Chỉ tiêu	Phương pháp đo đạc
Độ ồn	TCVN 7878-2:2010 ^(*)
Độ ẩm	QCVN 46:2012/BTNMT ^(*)
Nhiệt độ	QCVN 46:2012/BTNMT ^(*)
Tốc độ gió	QCVN 46:2012/BTNMT ^(*)

8. Mã mẫu:

Vị trí lấy mẫu	Mã mẫu
Khu vực sản xuất của công ty	301116/30-K

KẾT QUẢ ĐO VI KHÍ HẬU & TIẾNG ỒN

Kết quả đo đạc	Tiếng ồn (dBA)	Nhiệt độ (°C)	Độ ẩm (%)	Tốc độ gió (m/s)
301116/30-K	65,7	29,8	69,0	0,6
QCVN 24:2016/BYT	≤85		-	-
QCVN 26:2016/BYT	-	18 – 32	40 - 80	0,2 – 1,5

TP. Hồ Chí Minh, ngày 07 tháng 12 năm 2016

Trưởng phòng thí nghiệm

TS. Lê Đình Vũ

Giám đốc
 CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN MÔI TRƯỜNG SÀI GÒN
 M.S.D.N.0108183
 Q.GÒ VẤP TP.HỒ CHÍ MINH

KS. Trần Thị Thảo

Ghi chú: Kết quả đo đạc và phân tích có giá trị trên mẫu thử và tại thời điểm lấy mẫu
 Mẫu lưu 07 ngày sau khi trả kết quả
 Hết thời gian lưu mẫu không giải quyết khiếu nại về kết quả

Địa chỉ: 45/1 Bùi Quang Là, Phường 12, Quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh. Điện thoại: (84.8) 38 956 011. Hotline: 0917 340 641. Website: www.moitruongsaiгон.com.vn



CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN MÔI TRƯỜNG SÀI GÒN
PHÒNG THÍ NGHIỆM MÔI TRƯỜNG

Đc: 45/1 Bùi Quang Là, P.12, Q.Gò Vấp, TP.Hồ Chí Minh
 ĐT: (84.8).38 956 011 Hotline:0917 340 641
 Website: www.moitruongsaigon.com.vn



KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 376-12/16/KQ

- Đơn vị yêu cầu : CÔNG TY TNHH HINSITSU VINA
- Địa điểm lấy mẫu: CÔNG TY TNHH HINSITSU VINA
- Địa chỉ : Nhà xưởng số 4, lô I-3b-1.4, đường N6, Khu công nghệ cao, P. Tân Phú, Quận 9, TP. HCM
- Ngày lấy mẫu : 30/11/2016 Ngày trả kết quả: 07/12/2016
- Cán bộ lấy mẫu : Lê Trọng Tuấn
- Loại mẫu : Không khí Tình trạng mẫu:
- Phương pháp đo đạc và phân tích:

Chỉ tiêu	Phương pháp lấy và bảo quản mẫu	Phương pháp phân tích
Bụi	TCVN 5067:1995 ^(*)	TCVN 5067 – 1995 ^(*)
NO ₂	TCVN 6137:2009 ^(*)	TCVN 6137 – 2009 ^(*)
SO ₂	TCVN 5971:1995 ^(*)	TCVN 5971 – 1995 ^(*)
CO	HDSG.15 ^(*)	HDSG.15 ^(*)

8. Mã mẫu:

Vị trí lấy mẫu	Mã mẫu
Khu vực sản xuất của công ty	301116/30-K

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG KHÔNG KHÍ

Kết quả thử nghiệm	Bụi (mg/m ³)	CO (mg/m ³)	NO ₂ (mg/m ³)	SO ₂ (mg/m ³)
301116/30-K	0,18	9,82	0,10	0,12
Tiêu chuẩn vệ sinh lao động (Theo QĐ số 3733/2002/QĐ-BYT ngày 10/10/2002)	8	40	10	10

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 07 tháng 12 năm 2016

Trưởng phòng thí nghiệm

TS. Lê Đình Vũ



KS. Trần Thị Thảo

Ghi chú: Kết quả đo đạc và phân tích có giá trị trên mẫu thử và tại thời điểm lấy mẫu
 Mẫu lưu 07 ngày sau khi trả kết quả
 Hết thời gian lưu mẫu không giải quyết khiếu nại về kết quả

Chịu trách nhiệm pháp lý: Ông Nguyễn Văn Tuấn - Giám đốc phòng Kỹ thuật không khí



CÔNG TY CP TƯ VẤN MÔI TRƯỜNG SÀI GÒN
PHÒNG THÍ NGHIỆM MÔI TRƯỜNG

Đc: 45/1 Bùi Quang Là, P.12, Q.Gò Vấp, TP.Hồ Chí Minh

ĐT: (84.8).38 956 011 Hotline:0917 340 641

Website: www.moitruongsaiгон.com.vn



VIMCERTS 140

VILAS 925

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 376-12/16/KQ

- 1.Đơn vị yêu cầu : CÔNG TY TNHH HINSITSU VINA
 2.Địa điểm lấy mẫu : CÔNG TY TNHH HINSITSU VINA
 3.Địa chỉ : Nhà xưởng số 4, lô I-3b-1.4, đường N6, Khu công nghệ cao, P. Tân Phú, Quận 9, TP. HCM
 4. Ngày lấy mẫu : 30/11/2016 Ngày trả kết quả: 07/12/2016
 5.Cán bộ lấy mẫu : Lê Trọng Tuấn
 6. Loại mẫu : Nước thải Tình trạng mẫu: Nước đục
 7.Mã mẫu :

Vị trí lấy mẫu	Mã mẫu	Phương pháp lấy mẫu
Nước thải tại hồ ga của công ty trước khi đầu nối vào cống thu gom nước thải chung của Khu công nghệ cao	301116/30-NT	TCVN 6663-1:2011 ^(*) ; TCVN 6663-3:2008 ^(*) ; TCVN 5999:1995 ^(*) .

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG NƯỚC

TT	CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ	301116/30-NT	TIÊU CHUẨN ĐẦU NỐI KHU CÔNG NGHỆ CAO TP. HCM	PHƯƠNG PHÁP THỬ
1	pH	-	6,11	5 – 9	TCVN 6492:2011 ^(*)
2	TSS	mg/L	118	300	TCVN 6625:2000 ^(*)
3	BOD ₅	mg/L	76	250	TCVN 6001 – 1:2008 ^(*)
4	Tổng Nito	mg/L	30,4	60	TCVN 6638:2000 ^(*)
5	Tổng Phospho	mg/L	6,70	14	SMEWW 4500 P. B&D:2012 ^(*)
6	Coliform	MPN/100mL	9.300	37 X 10 ⁷	TCVN 6187 – 2 : 2009 ^(*)

TP. Hồ Chí Minh, ngày 07 tháng 12 năm 2016

Trưởng phòng thí nghiệm

TS. Lê Đình Vũ



KS. Trần Thị Thảo

Ghi chú: Kết quả đo đạc và phân tích có giá trị trên mẫu thử và tại thời điểm lấy mẫu
 Mẫu lưu 07 ngày sau khi trả kết quả
 Hết thời gian lưu mẫu không giải quyết khiếu nại về kết quả



CÔNG TY CP TƯ VẤN MÔI TRƯỜNG SÀI GÒN
PHÒNG THÍ NGHIỆM MÔI TRƯỜNG

Đc: 45/1 Bùi Quang Là, P.12, Q.Gò Vấp, TP.Hồ Chí Minh
 ĐT: (84.8).38 956 011 Hotline:0917 340 641
 Website: www.moitruongsaigon.com.vn



KẾT QUẢ ĐO ĐẠC

Số: 296-06/17/KQ

- Đơn vị yêu cầu : **CÔNG TY TNHH HINSITSU VINA**
- Địa điểm lấy mẫu : **CÔNG TY TNHH HINSITSU VINA**
- Địa chỉ : Nhà xưởng số 4, lô I-3b-1.4, đường N6, Khu công nghệ cao, P. Tân Phú Quận 9, TP.HCM
- Ngày lấy mẫu : 08/06/2017 Ngày trả kết quả: 15/06/2017
- Cán bộ lấy mẫu : Phan Mạnh Tài
- Loại mẫu : Vi khí hậu & tiếng ồn
- Phương pháp đo đạc và phân tích:

Chỉ tiêu	Phương pháp đo đạc
Tiếng ồn	TCVN 7878-2:2010 ^(*)
Nhiệt độ	QCVN 46:2012/BTNMT ^(**)
Độ ẩm	QCVN 46:2012/BTNMT ^(**)
Gió	HDSG.05 ^(*)

8. Mã mẫu:

Vị trí lấy mẫu	Mã mẫu
Khu vực xưởng sản xuất của công ty	080617/16-K

KẾT QUẢ ĐO VI KHÍ HẬU & TIẾNG ỒN

Kết quả đo đạc	Tiếng ồn (dBA)	Nhiệt độ (°C)	Độ ẩm (%)	Tốc độ gió (m/s)
080617/16-K	68,2	30,5	70,2	0,5
QCVN 26:2016/BYT	-	18 - 32	40 - 80	0,2 - 1,5
QCVN 24:2016/BYT	≤85	-	-	-

TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 06 năm 2017

Trưởng phòng thí nghiệm

TS. Lê Đình Vũ



KS. Trần Thị Thảo

Ghi chú: Kết quả đo đạc và phân tích có giá trị trên mẫu thử và tại thời điểm lấy mẫu
 Mẫu lưu 07 ngày sau khi trả kết quả
 Hết thời gian lưu mẫu không giải quyết khiếu nại về kết quả
 (*): Chỉ tiêu được vimecerts công nhận (**): Chỉ tiêu dùng hợp đồng phụ KPH: Không phát hiện



CÔNG TY CP TƯ VẤN MÔI TRƯỜNG SÀI GÒN
PHÒNG THÍ NGHIỆM MÔI TRƯỜNG

Đc: 45/1 Bùi Quang Là, P.12, Q.Gò Vấp, TP.Hồ Chí Minh
 ĐT: (84.8).38 956 011 Hotline:0917 340 641
 Website: www.moitruongsaiгон.com.vn



KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 296-06/17/KQ

- Đơn vị yêu cầu : **CÔNG TY TNHH HINSITSU VINA**
- Địa điểm lấy mẫu: **CÔNG TY TNHH HINSITSU VINA**
- Địa chỉ : Nhà xưởng số 4, lô I-3b-1.4, đường N6, Khu công nghệ cao, P. Tân Phú Quận 9, TP.HCM
- Ngày lấy mẫu : 08/06/2017 Ngày trả kết quả: 15/06/2017
- Cán bộ lấy mẫu : Phan Mạnh Tài
- Loại mẫu : Không khí Tình trạng mẫu:
- Phương pháp đo đạc và phân tích:

Chỉ tiêu	Phương pháp lấy và bảo quản mẫu	Phương pháp phân tích
Bụi	TCVN 5067:1995 ^(*)	TCVN 5067 – 1995 ^(*)
NO ₂	TCVN 6137:2009 ^(*)	TCVN 6137 – 2009 ^(*)
SO ₂	TCVN 5971:1995 ^(*)	TCVN 5971 – 1995 ^(*)
CO	HDSG.15 ^(*)	HDSG.15 ^(*)

8. Mã mẫu:

Vị trí lấy mẫu	Mã mẫu
Khu vực xưởng sản xuất của công ty	080617/16-K

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG KHÔNG KHÍ

Kết quả thử nghiệm	Bụi (mg/m ³)	CO (mg/m ³)	NO ₂ (mg/m ³)	SO ₂ (mg/m ³)
080617/16-K	0,21	8,31	0,11	0,14
Tiêu chuẩn vệ sinh lao động (Theo QĐ số 3733/2002/QĐ-BYT ngày 10/10/2002)	8	40	10	10

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 06 năm 2017

Trưởng phòng thí nghiệm

TS. Lê Đình Vũ



Ghi chú: Kết quả đo đạc và phân tích có giá trị trên mẫu thử và tại thời điểm lấy mẫu

Mẫu lưu 07 ngày sau khi trả kết quả

Hết thời gian lưu mẫu không giải quyết khiếu nại về kết quả

(*) Chỉ tiêu được vimecerts công nhận. (**) Chỉ tiêu dùng hợp đồng phụ KPH: Không phát hiện



CÔNG TY CP TƯ VẤN MÔI TRƯỜNG SÀI GÒN
PHÒNG THÍ NGHIỆM MÔI TRƯỜNG

Đc: 45/1 Bùi Quang Là, P.12, Q.Gò Vấp, TP.Hồ Chí Minh
 ĐT: (84.8).38 956 011 Hotline:0917 340 641
 Website: www.moitruongsaiгон.com.vn



KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 296-06/17/KQ

- Đơn vị yêu cầu : **CÔNG TY TNHH HINSITSU VINA**
- Địa điểm lấy mẫu: **CÔNG TY TNHH HINSITSU VINA**
- Địa chỉ: Nhà xưởng số 4, lô I-3b-1.4, đường N6, Khu công nghệ cao, P. Tân Phú Quận 9, TP.HCM
- Ngày lấy mẫu : 08/06/2017 Ngày trả kết quả: 15/06/2017
- Cán bộ lấy mẫu : Phan Mạnh Tài
- Loại mẫu : Nước thải Tình trạng mẫu: Nước vàng nhạt
- Mã mẫu :

Vị trí lấy mẫu	Mã mẫu	Phương pháp lấy mẫu
Nước thải tại hố ga cuối của công ty trước khi đầu nối vào cống thu gom nước thải chung của khu công nghệ cao	080617/16-NT	TCVN 6663-1:2011 ^(*) ; TCVN 6663-3:2008 ^(*) ; TCVN 5999:1995 ^(*) .

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG NƯỚC

TT	CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ	080617/16-NT	TIÊU CHUẨN CHẤT LƯỢNG NƯỚC THẢI KHU CÔNG NGHỆ CAO	PHƯƠNG PHÁP THỬ
1	pH	-	6,72	5 – 9	TCVN 6492:2011 ^(*)
2	TSS	mg/L	96	300	TCVN 6625:2000 ^(*)
3	BOD ₅	mg/L	81	250	TCVN 6001-1:2008 ^(*)
4	COD	mg/L	137	600	SMEWW 5220 C:2012 ^(*)
5	Tổng Nito	mg/L	32,78	60	TCVN 6638:2000 ^(*)
6	Tổng Phospho	mg/L	5,81	14	SMEWW 4500 P. B&D:2012 ^(*)
7	Coliform	MPN /100mL	7.500	37 x 10 ⁷	TCVN 6187-2:2009 ^(*)

TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 06 năm 2017

Trưởng phòng thí nghiệm

TS. Lê Đình Vũ



KS. Trần Thị Thảo

Ghi chú: Kết quả đo đạc và phân tích có giá trị trên mẫu thử và tại thời điểm lấy mẫu

Mẫu lưu 07 ngày sau khi trả kết quả

Hết thời gian lưu mẫu không giải quyết khiếu nại về kết quả

(*): Chỉ tiêu được vimcerts công nhận (**): Chỉ tiêu dùng hợp đồng phụ KPH: Không phát hiện



CÔNG TY CP TƯ VẤN MÔI TRƯỜNG SÀI GÒN
PHÒNG THÍ NGHIỆM MÔI TRƯỜNG

Đc: 45/1 Bùi Quang Là, P.12, Q.Gò Vấp, TP.Hồ Chí Minh
 ĐT: (84.28).38 956 011 Hotline:0917 340 641
 Website: www.moitruongsaiгон.com.vn



KẾT QUẢ ĐO ĐẠC

Số: 48-01/18/KQ

- Đơn vị yêu cầu : **CÔNG TY TNHH HINSITSU VINA**
- Địa điểm lấy mẫu : **CÔNG TY TNHH HINSITSU VINA**
- Địa chỉ : Nhà xưởng số 4, lô I-3b-1.4, đường N6, Khu công nghệ cao, P. Tân Phú Quận 9, TP.HCM
- Ngày lấy mẫu : 22/12/2017 Ngày trả kết quả: 29/12/2017
- Cán bộ lấy mẫu : Nguyễn Văn Dũng
- Loại mẫu : Vi khí hậu & tiếng ồn
- Phương pháp đo đạc và phân tích:

Chỉ tiêu	Phương pháp đo đạc
Tiếng ồn	TCVN 7878-2:2010 ^(*)
Nhiệt độ	QCVN 46:2012/BTNMT ^(*)
Độ ẩm	QCVN 46:2012/BTNMT ^(*)
Gió	HDSG.05 ^(*)

8. Mã mẫu:

Vị trí lấy mẫu	Mã mẫu
Khu vực xưởng sản xuất của công ty	221217/19-K

KẾT QUẢ ĐO VI KHÍ HẬU & TIẾNG ÒN

Kết quả đo đạc	Tiếng ồn (dBA)	Nhiệt độ (°C)	Độ ẩm (%)	Tốc độ gió (m/s)
221217/19-K	64,2	29,7	69,5	0,5
QCVN 26:2016/BYT	-	18 - 32	40 - 80	0,2 - 1,5
QCVN 24:2016/BYT	≤85	-	-	-

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 12 năm 2017

TL. Trưởng phòng thí nghiệm

ThS. Lương Thị Bích Phượng

Giám đốc

KS. Trần Thị Thảo

Ghi chú: Kết quả đo đạc và phân tích có giá trị trên mẫu thử và tại thời điểm lấy mẫu

Mẫu lưu 07 ngày sau khi trả kết quả

Hết thời gian lưu mẫu không giải quyết khiếu nại về kết quả

(*) : Chỉ tiêu được vimecerts công nhận (**) : Chỉ tiêu dùng hợp đồng phụ KPH: Không phát hiện



CÔNG TY CP TƯ VẤN MÔI TRƯỜNG SÀI GÒN
PHÒNG THÍ NGHIỆM MÔI TRƯỜNG

Đc: 45/1 Bùi Quang Là, P.12, Q.Gò Vấp, TP.Hồ Chí Minh

ĐT: (84.28).38 956 011 Hotline:0917 340 641

Website: www.moitruongsaiгон.com.vn



KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 48-01/18/KQ

- Đơn vị yêu cầu : CÔNG TY TNHH HINSITSU VINA
- Địa điểm lấy mẫu : CÔNG TY TNHH HINSITSU VINA
- Địa chỉ : Nhà xưởng số 4, lô I-3b-1.4, đường N6, Khu công nghệ cao, P. Tân Phú Quận 9, TP.HCM
- Ngày lấy mẫu : 22/12/2017 Ngày trả kết quả: 29/12/2017
- Cán bộ lấy mẫu : Nguyễn Văn Dũng
- Loại mẫu : Không khí Tình trạng mẫu:
- Phương pháp đo đạc và phân tích:

Chỉ tiêu	Phương pháp lấy và bảo quản mẫu	Phương pháp phân tích
Bụi	TCVN 5067:1995 ^(*)	TCVN 5067 – 1995 ^(*)
NO ₂	TCVN 6137:2009 ^(*)	TCVN 6137 – 2009 ^(*)
SO ₂	TCVN 5971:1995 ^(*)	TCVN 5971 – 1995 ^(*)
CO	HDSG.15 ^(*)	HDSG.15 ^(*)

8. Mã mẫu:

Vị trí lấy mẫu	Mã mẫu
Khu vực xưởng sản xuất của công ty	221217/19-K

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG KHÔNG KHÍ

Kết quả thử nghiệm	Bụi (mg/m ³)	CO (mg/m ³)	NO ₂ (mg/m ³)	SO ₂ (mg/m ³)
221217/19-K	0,18	8,26	0,12	0,17
Tiêu chuẩn vệ sinh lao động (Theo QĐ số 3733/2002/QĐ-BYT ngày 10/10/2002)	8	40	10	10

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 12 năm 2017

TL. Trưởng phòng thí nghiệm

ThS. Lương Thị Bích Phượng

Giám đốc



KS. Trần Thị Thảo

Ghi chú: Kết quả đo đạc và phân tích có giá trị trên mẫu thử và tại thời điểm lấy mẫu

Mẫu lưu 07 ngày sau khi trả kết quả

Hết thời gian lưu mẫu không giải quyết khiếu nại về kết quả

(*): Chỉ tiêu được vimecerts công nhận (**) : Chỉ tiêu dùng hợp đồng phụ KPH: Không phát hiện



CÔNG TY CP TƯ VẤN MÔI TRƯỜNG SÀI GÒN
PHÒNG THÍ NGHIỆM MÔI TRƯỜNG

Đc: 45/1 Bùi Quang Là, P.12, Q.Gò Vấp, TP.Hồ Chí Minh
 ĐT: (84.28).38 956 011 Hotline:0917 340 641
 Website: www.moitruongsaiгон.com.vn



KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 48-01/18/KQ

- Đơn vị yêu cầu : **CÔNG TY TNHH HINSITSU VINA**
- Địa điểm lấy mẫu: **CÔNG TY TNHH HINSITSU VINA**
- Địa chỉ : Nhà xưởng số 4, lô I-3b-1.4, đường N6, Khu công nghệ cao, P. Tân Phú Quận 9, TP.HCM
- Ngày lấy mẫu : 22/12/2017 Ngày trả kết quả: 29/12/2017
- Cán bộ lấy mẫu : Nguyễn Văn Dũng
- Loại mẫu : Nước thải Tình trạng mẫu: Nước vàng nhạt
- Mã mẫu :

Vị trí lấy mẫu	Mã mẫu	Phương pháp lấy mẫu
Nước thải tại hố ga cuối của công ty trước khi đầu nối vào cống thu gom nước thải chung của khu công nghệ cao	221217/19-NT	TCVN 6663-1:2011 ^(*) ; TCVN 6663-3:2008 ^(*) ; TCVN 5999:1995 ^(*) .

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG NƯỚC

TT	CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ	221217/19-NT	TIÊU CHUẨN CHẤT LƯỢNG NƯỚC THẢI KHU CÔNG NGHỆ CAO	PHƯƠNG PHÁP THỬ
1	pH	-	6,81	5 – 9	TCVN 6492:2011 ^(*)
2	TSS	mg/L	93	300	TCVN 6625:2000 ^(*)
3	BOD ₅	mg/L	81	250	TCVN 6001-1:2008 ^(*)
4	COD	mg/L	145	600	SMEWW 5220 C:2012 ^(*)
5	Tổng Nito	mg/L	36,22	60	TCVN 6638:2000 ^(*)
6	Tổng Phospho	mg/L	6,23	14	SMEWW 4500 P. B&D:2012 ^(*)
7	Coliform	MPN /100mL	9,3 x 10 ⁴	37 x 10 ⁷	TCVN 6187-2:2009 ^(*)

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 12 năm 2017

TL. Trưởng phòng thí nghiệm

ThS. Lương Thị Bích Phượng



KS. Trần Thị Thảo

Ghi chú: Kết quả đo đạc và phân tích có giá trị trên mẫu thử và tại thời điểm lấy mẫu

Mẫu lưu 07 ngày sau khi trả kết quả

Hết thời gian lưu mẫu không giải quyết khiếu nại về kết quả

(*): Chỉ tiêu được vimecerts công nhận (**): Chỉ tiêu dùng hợp đồng phụ KPH: Không phát hiện



Trụ sở : 162/11 Đường số 10, P. 9, Q. Gò Vấp, TP. HCM
 Tel : 028.62959784 - Fax: 028.62959783
 Hot line : 0919797284 - 0919986829
 E-mail : moitruongphuongnam@gmail.com
 Website : www.moitruongphuongnam.com



PHÒNG THÍ NGHIỆM PHÂN TÍCH ĐẠT CHỨNG NHẬN VIMCERTS 039 & VILAS 682

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số mẫu: 220907-1...

1. Địa điểm lấy mẫu : CÔNG TY TNHH HINSITSU VINA

Địa chỉ: Nhà xưởng số 4, Lô I-3B-1.4, Đường N6, Khu Công Nghệ Cao, Phường Tân Phú, Quận 9, Tp HCM

2. Phân loại mẫu : Môi trường không khí sản xuất

3. Nhân viên lấy mẫu : Nguyễn Phương Chinh

4. Ngày lấy mẫu : 02/07/2018

5. Ngày trả kết quả : 09/07/2018

Điểm đo	Yếu tố vật lý	Nhiệt độ °C ^(a)	Độ ẩm % ^(a)	Tốc độ gió m/s ^(a)	Độ ồn dBA ^(a)
K2: Khu vực xưởng sản xuất		30,3	62,1	0,2	65,3
Phương pháp đo, xác định		QCVN 46:2012/BTNMT			TCVN 7878-2:2010
	QCVN 24:2016/BYT	-	-	-	≤ 85
	QCVN 26:2016/BYT	20 – 34	40 – 80	0,1 – 1,5	-
Điểm đo	Chỉ tiêu	Bụi mg/m ³ ^(a)	SO ₂ mg/m ³ ^(a)	NO ₂ mg/m ³ ^(a)	CO mg/m ³ ^(a)
K2: Khu vực xưởng sản xuất		0,241	0,163	0,128	5,3
Phương pháp đo, xác định		TCVN 5067:1995	TCVN 5971-1995	TCVN 6137:2009	HD85-CO
Tham khảo tiêu chuẩn		8	10	10	40
TCVS 3733/2002/QĐ-BYT					

Trưởng phòng phân tích

Ngô Thị Bích Thuận



Giám đốc

Nguyễn Thị Ngọc Báu

Ghi chú :

- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu thử phân tích đã mã hóa như trên
- Không được trích sao một phần hay toàn bộ kết quả phân tích nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của công ty.
- (a): Chỉ tiêu được Bộ TNMT công nhận; (b): Chỉ tiêu được Vilas công nhận;
- QCVN 24/2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn - Mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc
- QCVN 26/2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vi khí hậu - Giá trị cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc
- TCVS 3733/2002/QĐ-BYT: Tiêu chuẩn vệ sinh công nghiệp của Bộ Y tế, ban hành ngày 10/10/2002

CÔNG TY TNHH KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG PHƯƠNG NAM



Trụ sở : 162/11 Đường số 10, P. 9, Q. Gò Vấp, TP. HCM
Tel : 028.62959784 - Fax: 028.62959783
Hot line : 0919797284 - 0919986829
E-mail : moitruongphuongnam@gmail.com
Website : www.moitruongphuongnam.com



PHÒNG THÍ NGHIỆM PHÂN TÍCH ĐẠT CHỨNG NHẬN VIMCERTS 039 & VILAS 682

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số mẫu: 220907.2

1. Tên khách hàng : CÔNG TY TNHH HINSITSU VINA

Địa chỉ: Nhà xưởng số 4, Lô I-3B-1.4, Đường N6, Khu Công Nghệ Cao, Phường Tân Phú,
Quận 9, Tp HCM

2. Phân loại mẫu : Nước thải


3. Ký hiệu mẫu : NT1 - Nước thải tại hồ ga cuối của Công ty trước khi đầu nối vào cống thu gom nước thải chung của Khu Công nghệ Cao

4. Ngày lấy mẫu : 02/07/2018

5. Ngày trả kết quả : 09/07/2018

TT	Chỉ tiêu phân tích	Đơn vị	Kết quả	Tiêu chuẩn tiếp nhận nước thải Khu công nghệ cao TP HCM	Phương pháp phân tích
1	pH ^(a,b)	-	6,63	5 – 9	TCVN 6492:2011
2	COD ^(a,b)	mg/l	148	600	SMEWW 5220C:2012
3	BOD ₅ (20°C) ^(a,b)	mg/l	70	250	TCVN 6001-1:2008
4	TSS ^(a,b)	mg/l	56	300	TCVN 6625:2000
5	Tổng Nito ^(a)	mg/l	25,73	60	TCVN 6638:2000
6	Tổng Phốtpho ^(a)	mg/l	1,90	14	TCVN 6202:2008
7	Tổng Coliforms ^(a,b)	MPN/100ml	2,4 x 10 ³	37 x 10 ⁷	TCVN 6187-2:1996

Trưởng phòng phân tích


Ngô Thị Bích Thuận



Giám đốc


Nguyễn Thị Ngọc Báu

Ghi chú :

- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu thử phân tích đã mã hóa như trên
- Không được trích sao một phần hay toàn bộ kết quả phân tích nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của công ty.
- Thời gian lưu mẫu : 7 ngày kể từ ngày trả kết quả (Hết thời gian lưu mẫu, PTN không giải quyết việc khiếu nại kết quả phân tích)
- (a): Chỉ tiêu được Bộ TNMT công nhận; (b): Chỉ tiêu được Vilas công nhận; (c): Chỉ tiêu có giá trị tham khảo
- (-): Thông số không quy định giới hạn KPH: Không Phát Hiện

**CÔNG TY TNHH KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG
PHƯƠNG NAM**



Trụ sở : 162/11 Đường số 10, P. 9, Q. Gò Vấp, TP. HCM
Tel : 028.62959784 - **Fax:** 028.62959783
Hot line : 0919797284 - 0919986829
E-mail : moitruongphuongnam@gmail.com
Website : www.moitruongphuongnam.com



PHÒNG THÍ NGHIỆM PHÂN TÍCH ĐẠT CHỨNG NHẬN VIMCERTS 039 & VILAS 682

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số mẫu: F140512-1.....

1. Địa điểm lấy mẫu : CÔNG TY TNHH HINSITSU VINA

Địa chỉ: Nhà xưởng số 4, Lô I-3B-1.4, Đường N6, Khu Công Nghệ Cao, Phường Tân Phú, Quận 9, Tp HCM

2. Phân loại mẫu : Môi trường không khí sản xuất

3. Nhân viên lấy mẫu : Nguyễn Thành Tín

4. Ngày lấy mẫu : 28/11/2018

5. Ngày trả kết quả : 05/12/2018

Điểm đo	Yếu tố vật lý	Nhiệt độ °C (a)	Độ ẩm % (a)	Tốc độ gió m/s (a)	Độ ồn dBA (a)
K1: Khu vực xưởng sản xuất		30,1	64,2	0,3	66,9
Phương pháp đo, xác định		QCVN 46:2012/BTNMT			TCVN 7878-2:2010
	QCVN 24:2016/BYT	-	-	-	≤ 85
	QCVN 26:2016/BYT	20 – 34	40 – 80	0,1 – 1,5	-
Điểm đo	Chỉ tiêu	Bụi mg/m ³ (a)	SO ₂ mg/m ³ (a)	NO ₂ mg/m ³ (a)	CO mg/m ³ (a)
K1: Khu vực xưởng sản xuất		0,238	0,179	0,134	< 5
Phương pháp đo, xác định		TCVN 5067:1995	TCVN 5971:1995	TCVN 6137:2009	HD85-CO
	Tham khảo tiêu chuẩn	8	10	10	40
	TCVS 3733/2002/QĐ-BYT				

Trưởng phòng phân tích

Ngô Thị Bích Thuận



Giám đốc

Nguyễn Thị Ngọc Báu

Ghi chú :

- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu thử phân tích đã mã hóa như trên
- Không được trích sao một phần hay toàn bộ kết quả phân tích nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của công ty.
- (a): Chỉ tiêu được Bộ TNMT công nhận; (b): Chỉ tiêu được Vilas công nhận;
- QCVN 24/2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn - Mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc
- QCVN 26/2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vi khí hậu - Giá trị cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc
- TCVS 3733/2002/QĐ-BYT: Tiêu chuẩn vệ sinh công nghiệp của Bộ Y tế, ban hành ngày 10/10/2002

CÔNG TY TNHH KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG
PHƯƠNG NAM



Trụ sở : 162/11 Đường số 10, P. 9, Q. Gò Vấp, TP. HCM
Tel : 028.62959784 - Fax: 028.62959783
Hot line : 0919797284 - 0919986829
E-mail : moitruongphuongnam@gmail.com
Website : www.moitruongphuongnam.com



PHÒNG THÍ NGHIỆM PHÂN TÍCH ĐẠT CHỨNG NHẬN VIMCERTS 039 & VILAS 682

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số mẫu: F.4.C.512-2.....

1. **Tên khách hàng** : CÔNG TY TNHH HINSITSU VINA

Địa chỉ: Nhà xưởng số 4, Lô I-3B-1.4, Đường N6, Khu Công Nghệ Cao, Phường Tân Phú,
Quận 9, Tp HCM

2. **Phân loại mẫu** : Nước thải

3. **Ký hiệu mẫu** : NT - Nước thải tại hồ ga cuối của Công ty trước khi đầu nối vào cống thu gom nước thải chung của Khu Công nghệ Cao

4. **Ngày lấy mẫu** : 28/11/2018

5. **Ngày trả kết quả** : 05/12/2018

TT	Chỉ tiêu phân tích	Đơn vị	Kết quả	Tiêu chuẩn tiếp nhận nước thải Khu công nghệ cao TP HCM	Phương pháp phân tích
1	pH ^(a,b)	-	7,21	5 – 9	TCVN 6492:2011
2	COD ^(a,b)	mg/l	196	600	SMEWW 5220C:2012
3	BOD ₅ (20°C) ^(a,b)	mg/l	112	250	TCVN 6001-1:2008
4	TSS ^(a,b)	mg/l	47	300	TCVN 6625:2000
5	Tổng Nitơ ^(a)	mg/l	22,34	60	TCVN 6638:2000
6	Tổng Phốtpho ^(a)	mg/l	2,52	14	TCVN 6202:2008
7	Tổng Coliforms ^(a,b)	MPN/100ml	2,1 x 10 ³	37 x 10 ⁷	TCVN 6187-2:1996

Trưởng phòng phân tích

Ngô Thị Bích Thuận

Giám đốc

Ghi chú :

- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu thử phân tích đã mã hóa như trên
- Không được trích sao một phần hay toàn bộ kết quả phân tích nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của công ty.
- Thời gian lưu mẫu : 7 ngày kể từ ngày trả kết quả (Hết thời gian lưu mẫu, PTN không giải quyết việc khiếu nại kết quả phân tích)
- (a): Chỉ tiêu được Bộ TNMT công nhận; (b): Chỉ tiêu được Vilas công nhận; (c): Chỉ tiêu có giá trị tham khảo
- (K): Thông số không quy định giới hạn KPH: Không Phát Hiện

PHƯƠNG NAM



Trụ sở : 162/11 Đường số 10, P. 9, Q. Gò Vấp, TP. HCM

Tel : 028.62959784 - Fax: 028.62959783

Hot line : 0919797284 - 0919986829

E-mail : moitruongphuongnam@gmail.com

Website : www.moitruongphuongnam.com



PHÒNG THÍ NGHIỆM PHÂN TÍCH ĐẠT CHỨNG NHẬN VIMCERTS 039 & VILAS 682

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số mẫu: 6281801.....

1. **Địa điểm lấy mẫu** : CÔNG TY TNHH HINSITSU VINA

Địa chỉ: Nhà xưởng số 4, Lô I-3B-1.4, Đường N6, Khu Công Nghệ Cao, Phường Tân Phú, Quận 9, Tp HCM

2. **Phân loại mẫu** : Môi trường không khí sản xuất

3. **Nhân viên lấy mẫu** : Nguyễn Thành Tín

4. **Ngày lấy mẫu** : 15/01/2019

5. **Ngày trả kết quả** : 18/01/2019

Điểm đo	Chỉ tiêu	Toluen ^(a) mg/m ³	Xylen ^(a) mg/m ³
K2: Khu vực xưởng sản xuất		1,02	0,641
Phương pháp đo, xác định		NISO METHOD 1501	
Tham khảo tiêu chuẩn TCVS 3733/2002/QĐ-BYT		300	300

Trưởng phòng phân tích

Ngô Thị Bích Thuận



Giám đốc

Nguyễn Thị Ngọc Báu

Ghi chú :

- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu thử phân tích đã mã hóa như trên
- Không được trích sao một phần hay toàn bộ kết quả phân tích nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của công ty.
- (a): Chỉ tiêu được Bộ TNMT công nhận; (b): Chỉ tiêu được Vilas công nhận;
- TCVS 3733/2002/QĐ-BYT: Tiêu chuẩn vệ sinh công nghiệp của Bộ Y tế, ban hành ngày 10/10/2002

KT3 - 01276AMT7

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT11/04/2017
Trang 01/0

1. Tên mẫu : **NƯỚC THẢI RỬA BÀN IN (POLYMER)**
Thời gian lấy mẫu: 15^h00 – Ngày 29/03/2017
2. Mô tả mẫu : Mẫu thử nghiệm do khách hàng lấy mẫu, tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp.
Mẫu nước chứa trong chai nhựa, khoảng 05 L
3. Số lượng mẫu : 01
4. Ngày nhận mẫu : 30/03/2017
5. Thời gian thử nghiệm : 31/03/2017 – 11/04/2017
6. Nơi gửi mẫu : **CÔNG TY TNHH HINSTISU VINA**
Khu công nghệ cao, Quận 9, Tp. Hồ Chí Minh
7. Kết quả thử nghiệm : Xem trang 02 và 03/03

TRƯỞNG PTN MÔI TRƯỜNG**Phan Thành Trung**

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến / Test results are valid for the namely submitted sample(s) only.

2. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.

N/A: không áp dụng.

Not applicable

3. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu / Name of sample and customer are written as customer's request

4. Độ không đảm bảo đo mở rộng ước lượng được tính với $k = 2$, mức tin cậy 95%. Khách hàng có thể liên hệ theo địa chỉ dưới để biết thêm thông tin.

Estimated expanded uncertainty of measurement with $k = 2$, at 95% confidence level. Please contact Quatest 3 at the below address for further information

Head Office: 49 Pasteur, Q1, Hồ Chí Minh City, VIỆT NAM Tel: (84-8) 3829 4274 Fax: (84-8) 3829 3012 Website: www.quatest3.com.vn

Testing: 7 Road 1, Biên Hòa 1 Industrial Zone, Đồng Nai Tel: (84-61) 383 6212 Fax: (84-61) 383 6298 E-mail: qt-dichvutn@quatest3.com.vn

KT3 - 01276AMT7

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST REPORT

11/04/2017
Trang 02/03

Tên chỉ tiêu	Phương pháp thử	Giá trị / (Level A)	Giới hạn phát hiện	Kết quả thử nghiệm
7.1. Độ pH ở 25 °C	TCVN 6492 : 2011	6,0 - 9,0	-	6,8
7.2. Độ màu, Pt. Co	TCVN 6185 : 2008	50	-	30
7.3. Nhu cầu oxy sinh hoá (BOD ₅) quy về O ₂ , mg/L	TCVN 6001 - 1 : 2008	30	-	1,5 x 10 ³
7.4. Nhu cầu oxy hóa học (COD) quy về O ₂ , mg/L	SMEWW ^(*) 2012 (5220 - D)	75	-	6,2 x 10 ³
7.5. Hàm lượng tổng chất rắn lơ lửng (Cặn không tan), mg/L	SMEWW ^(*) 2012 (2540 D)	50	-	10
7.6. Hàm lượng arsen (As), mg/L	SMEWW ^(*) 2012 (3114 C)	0,05	0,001	KPH
7.7. Hàm lượng thủy ngân (Hg), mg/L	SMEWW ^(*) 2012 (3112 B)	0,005	0,001	KPH
7.8. Hàm lượng chì (Pb), mg/L	SMEWW ^(*) 2012 (3120 B)	0,1	0,01	KPH
7.9. Hàm lượng cadimi (Cd), mg/L	SMEWW ^(*) 2012 (3120 B)	0,05	0,005	KPH
7.10. Hàm lượng crôm VI (Cr ⁶⁺), mg/L	SMEWW ^(*) 2012 (3500 - Cr B)	0,05	0,01	KPH
7.11. Hàm lượng crôm (Cr ³⁺), mg/L	Tham khảo. SMEWW ^(*) 2012 (3120 B) & SMEWW ^(*) 2012 (3500 - Cr B)	0,2	0,01	KPH
7.12. Hàm lượng đồng (Cu), mg/L	SMEWW ^(*) 2012 (3120 B)	2	0,05	KPH
7.13. Hàm lượng kẽm (Zn), mg/L	SMEWW ^(*) 2012 (3120 B)	3	-	0,07
7.14. Hàm lượng niken (Ni), mg/L	SMEWW ^(*) 2012 (3120 B)	0,2	0,05	KPH
7.15. Hàm lượng mangan (Mn), mg/L	SMEWW ^(*) 2012 (3120 B)	0,5	0,05	KPH
7.16. Hàm lượng sắt (Fe), mg/L	SMEWW ^(*) 2012 (3120 B)	1	-	0,2



TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 3
QUALITY ASSURANCE & TESTING CENTER 3

Head Office: 49 Pasteur, Q1, Hồ Chí Minh City, VIỆT NAM
Testing: 7 Road 1, Biên Hòa 1 Industrial Zone, Đồng Nai

Tel: (84-8) 3829 4274
Tel: (84-61) 383 6212

Fax: (84-8) 3829 3012
Fax: (84-61) 383 6298

www.quatest3.com.vn
qt-dichvu@quatest3.com.vn



Tên chỉ tiêu		Phương pháp thử	Giá trị C ^(a) (Level A)	Giới hạn phát hiện	Kết quả thử nghiệm
7.17. Hàm lượng cyanua (CN ⁻),	mg/L	HACH Method 8027	0,07	0,05	KPH
7.18. Hàm lượng phenol tổng,	mg/L	TCVN 6216 : 1996	0,1	-	0,7
7.19. Hàm lượng dầu mỡ khoáng,	mg/L	SMEWW ^(*) 2012 (5520 F)	5	-	3,2
7.20. Hàm lượng sulfua (S ²⁻),	mg/L	HACH Method 8131	0,2	0,1	KPH
7.21. Hàm lượng florua (F ⁻),	mg/L	SMEWW ^(*) 2012 (4110 B)	5	-	17,7
7.22. Hàm lượng amoni (NH ₄ ⁺) (tính theo nitơ (N)),	mg/L	HACH Method 8038	5	0,5	KPH
7.23. Hàm lượng nitơ tổng,	mg/L	TCVN 6638 : 2000	20	-	200
7.24. Hàm lượng tổng photpho, (Tinh theo P)	mg/L	US EPA Method 200.7	4	-	0,06
7.25. Hàm lượng clorua (Cl ⁻),	mg/L	SMEWW ^(*) 2012 (4110 B)	500	-	9,2
7.26. Hàm lượng clo dư (Cl ₂),	mg/L	HACH Method 8167	1	0,05	KPH
7.27. Coliform,	CFU/100 mL	TCVN 6187 - 1 : 2009	3000	-	2,8 x 10 ¹

Ghi chú:

TCVN: Tiêu chuẩn Việt Nam

KPH: Không phát hiện

SMEWW^(*): Standard Methods for the Examination of Water and Waste water.

US EPA SW-846: EPA publication SW-846, Test Methods for Evaluating Solid Waste, Physical/Chemical Methods.

(a) : C là giá trị của thông số ô nhiễm làm cơ sở để tính toán giá trị tối đa cho phép trong nước thải công nghiệp quy định tại bảng 1, thuộc QCVN 40 : 2011/ BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp



TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 3

QUALITY ASSURANCE & TESTING CENTER 3

 Head Office: 49 Pasteur, Q1, Hồ Chí Minh City, VIỆT NAM
 Testing: 7 Road 1, Biên Hòa 1 Industrial Zone, Đồng Nai

 Tel: (84-8) 3829 4274
 Tel: (84-61) 383 6212

 Fax: (84-8) 3829 3012
 Fax: (84-61) 383 6298

 www.quatest3.com.vn
 qt-dichvum@quatest3.com.vn